# VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

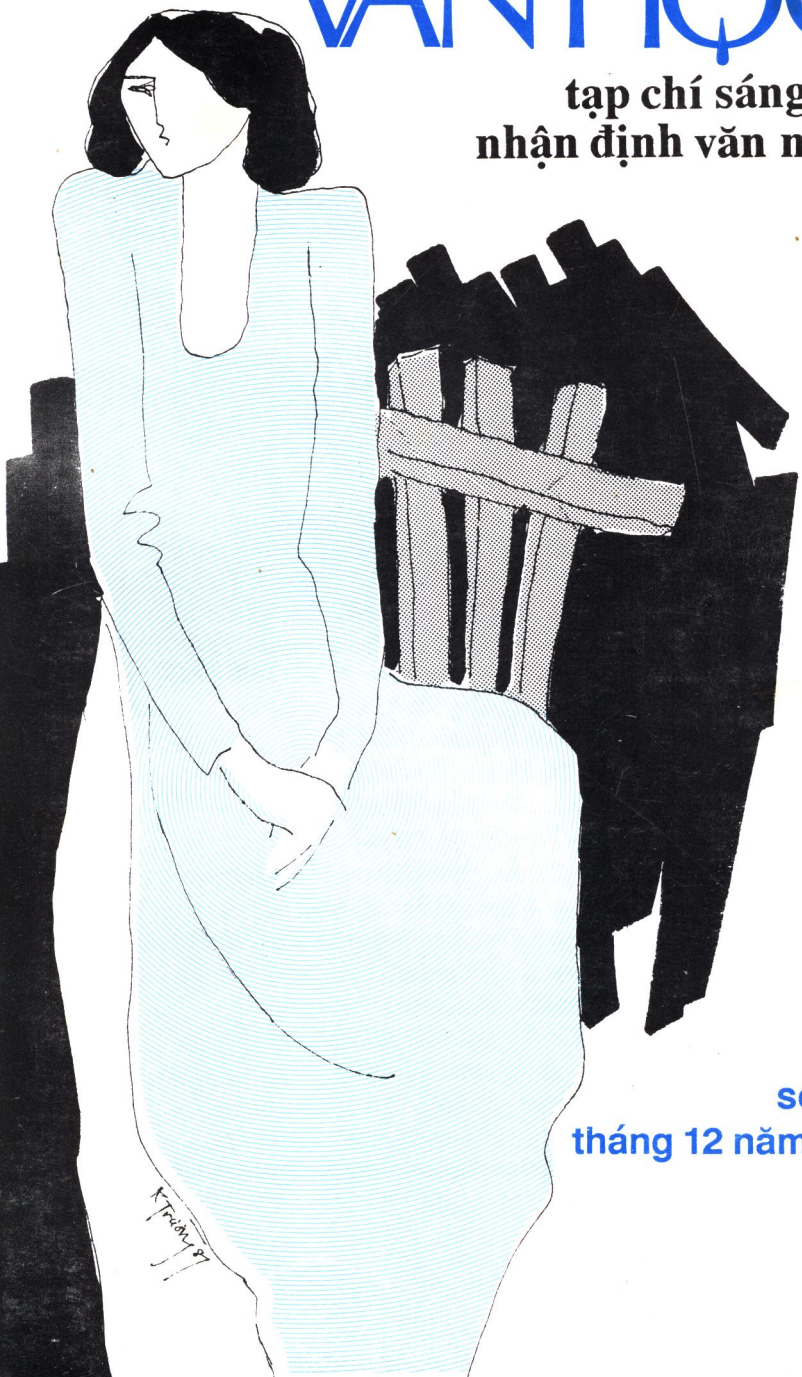

số 46
tháng 12 năm 1989

# VĂN HỌC
## TRONG SỐ NÀY:

* **Nguyễn Đức Lập:** *Đứa Con Tập Tàng.* trang 1 * **Đinh Thạch Trung:** *Suối Bãi Sông Hằng.* thơ trang 4 * **Bùi Giáng** thơ trang 5 * **Phạm Việt Cường:** *Một Vũ Trụ Tàn của Wolfgang Hildeseimer.*truyện dịch trang 6. * **Trần Vũ:** *Mưa Bên Chồng.* truyện ngắn trang 12 * **Khánh Trường:** *Có Yêu Em Không.* truyện ngắn, trang 34 * **Quỳnh Giao:** *Những Người Chết Đuối Trên Cạn Trong Mùa Biển Động Của Nguyên Mộng Giác.* Điểm Sách trang 54 * **Phạm Công Thiện:** *Giải Thưởng Văn Chương Nobel năm 1989 Tiểu Thuyết Gia Camilo José Cela Một Nền Văn Chương Đen Tối, Tàn Bạo, Hoang Trống, Khôi Dị, Điên Loạn, Khốc Liệt Và Vô Cùng Thơ Mộng.* Văn Học Nước Ngoài trang 75 * **Vũ Thùy Hạnh:** *Thu.* thơ trang 88 * **Nguyễn Mạnh Trinh:** *Sinh Nhật.* thơ trang 94, * **Hoàng Xuân Sơn:** *Trăng Mùa.* thơ trang 90 * **Nguyễn Việt Thường:** *Đá Và Mặt Nạ.* thơ trang 91 * **Thường Quán:** Trưa. Chiều Tận thơ trang 92 * **Phạm Việt Cường:** *Bẩy Chấm,* thơ trang 93 * **Chân Phương:** *Sáu Đoạn Tử Tuyệt.* thơ trang 94 * **Cao Đồng Khánh:** *Hoàng Hạc, thơ* trang 95 * **Nguyễn Xuân Hoàng:** *Tiếng Đàn Tự Do Bên Bức Tường Ô Nhục.* Sổ Tay Văn Học trang 98 * **Nguyễn Mộng Giác:** Tạp Ghi trang 102 * **Nguyễn Đức Lập:** *Phong Vũ Tiêu Tiêu, Lôi Vũ Động,* truyện dài trang 105 * **Hoàng Khởi Phong:** *Trâu Đồng Ta Ăn Cỏ Đồng Ta.* Đất Và Người trang 115 * **Giới Thiệu Sách Báo Mới** trang 122 * **Thư Tín** trang 123

Chủ Nhiệm: Nguyễn Vinh Hiển
Chủ Bút: Hoàng Khởi Phong
Tổng Thư Ký: Cao Xuân Huy
Trình Bày: Khánh Trường
Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45831912
Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow New South Wale 2211 Australia
Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học
P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA
Phone: **(714) 544.7650**
**(714) 893.6242**
Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

*Nguyễn Đức Lập*

# ĐỨA CON TẬP TÀNG

"Khởi sự làm một tờ báo đã khó, mà nuôi dưỡng một tờ báo cho nó sống mạnh, sống dài, sống lâu lại càng khó hơn".

Đó là nhận định của hầu hết những người có ít nhiều dính líu tới nghiệp làm báo.

Đối với một tờ báo có tính cách thuần túy văn chương, văn nghệ, văn học, cái khó biến thành thiên nan vạn nan.

Thông thường, những người viết coi tác phẩm của mình như đứa con tinh thần. Với người làm báo, tờ báo cũng là một đứa con. Tạp chí Văn Học là một đứa con đã được sanh ra và nuôi dưỡng hơn bốn năm. Cái ý định thai nghén nó do nhiều người, trong một cơn hứng sảng, nhưng phù hợp với ước vọng sâu kín nằm tận đáy lòng. Sanh nó ra là do ba nhà văn tên tuổi: Võ Phiến, Lê Tất Điều, Nguyễn Mộng Giác. Bảo dưỡng nó suốt từng ấy tháng ngày là Nguyễn Mộng Giác. Nhưng, nó là đứa con "tập tàng", tập tàng vì năm cha muốn hoài thai nó, ba mẹ đẻ ra nó, và tập tàng vì nó sống được là nhờ tình thương của cô bác có lòng ở khắp nơi trên thế giới. Kẻ công người của.

Kể từ số 45, Tạp chí Văn học đã được trao phần trách nhiệm cho hai nhà văn Hoàng Khởi Phong và Cao Xuân Huy, một người đã tháo chạy trong Ngày N+ và một người đã Gãy Súng từ Tháng Ba. Tờ báo vẫn còn thiên nan vạn nan vây quanh. Đứa con "tập tàng" sang tay bảo dưỡng, vẫn còn oặt òa oặt oại.

Cả người giao lẫn người nhận, không có tự ái, không có bốc đồng, đều muốn cho tờ báo được khá hơn, mạnh hơn, cho đứa con tập tàng dỡ "báo cô" thiên hạ hơn.

Đã biết là khó, nhận rồi, mới thấy khó hơn, Hoàng Khởi Phong và Cao Xuân Huy lo đà sốt vó. Chớ chi, con mới lượm ngoài đường nuôi sao cũng được. Đằng nầy, tuy "tập tàng" nhưng nó đã được cẩn thận chăm chút, trông nom suốt hơn bốn năm trời bởi người bảo dưỡng Nguyễn Mộng Giác và đã thu hoạch được lòng thương của cô bác khắp nơi mất rồi. Tiếp tục nuôi mà không khéo, những bỉ thử thị phi của tiếng đời, tàu Nam Vang chở cũng không hết, chịu sao cho thấu.

*Nhận là vì thấy việc phải làm*. Đã là việc phải làm, dầu khó cũng phải cố, dầu thiên nan vạn hiểm cũng phải bậm môi trợn mắt mà càn lướt, xông pha.

Đối với Tạp chí Văn Học, những người đi trước có những ước muốn, văn hữu và độc giả khắp nơi có những kỳ vọng. Chính những ước muốn và kỳ vọng nầy đã nuôi sống nó từ bấy đến giờ.

Khi nhận Tạp chí Văn Học, những người đi sau cũng có ước muốn tiếp tục được đường hướng của người tiền nhiệm và vạch thêm ra được một vài lối đi mới, ước muốn cải thiện từ hình thức đến nội dung tờ báo, ước muốn đáp ứng được sự kỳ vọng của mọi người. Đó là những ước muốn phải có. Những ước muốn nầy không có gì là cao xa, vĩ đại, nhưng, nếu chỉ riêng Hoàng Khởi Phong và Cao Xuân Huy thực hiện, "cô chưởng nan minh", khó cũng bằng lên trời.

Đứa con "tập tàng" vẫn cần tình thương để lớn, để mạnh, để có thể tự mình đương đầu, bương chải với sóng gió cuộc đời. Tình thương đó, thể hiện, là bài vở tim óc, là sự ân cần ủng hộ.

Con là con chung, chăm chút thì chỉ một, hai người, mong sao tri âm tri kỷ, tương tri tương thức đừng ngoảnh mặt ngó lơ và nhứt là, mong sao "hải ngoại chư quân tử" đừng nhún đừng trề, là đủ mãn nguyện lắm rồi.

Nguyễn Đức Lập

**Lời Tòa Soạn:** Họa sĩ Đinh Cường vừa qua Mỹ đoàn tụ. Anh mang theo thủ bút của hai nhà thơ mà trong đó một là Bùi Giáng. Đối với văn chương Việt nam, Bùi Giáng là một khuôn mặt đặc biệt. Ông là một thi sĩ thân để ở ngoại vật, do đó ông phóng túng hình hài, coi nhẹ thể xác, ông chú trọng đến cái tâm, cái hồn: Những năm sau 75, ông không có một chỗ trú nhất định, khi thì ngủ ở chùa đình, miếu mạo, khi thì xạp chợ, bến xe. Quần áo dị dạng cốt đủ che thân, tóc tai bờm xờm, mặt mày đen đủi tưởng như Khuất Nguyên bên bờ sông Mịch La. Có dạo ông đi đâu, đứng đâu cũng ngửa mặt lên trời nhìn vào cái kính vạn hoa đã hỏng. Văn Học chụp lại bài thơ thủ bút của ông đưa tặng Họa sĩ Đinh Cường trước khi dời Việt nam như một món quà bất ngờ của nhà thơ tài hoa đó dành cho chúng ta.

Người còn lại là nhà thơ Đinh Thạch Trung, đây là bút hiệu mới của một thi sĩ đã một thời lẫy lừng trên diễn đàn thi ca miền Nam. Vì một lý do đặc biệt tế nhị, Văn Học không tiện công bố Đinh Thạch Trung là ai, song Văn Học tin rằng những ai chú tâm đến văn chương, đặc biệt là thi ca có thể đoán biết dễ dàng Đinh Thạch Trung là ai. Văn Học tôn trọng thi sĩ đã không muốn dùng bút hiệu của một thời đã cũ. Lấp ló trong bài thơ, thi sĩ dẫn ta qua cái vô nghĩa của đời người, với những lớp sóng phế hưng dồn dập, ông cũng đã phác họa cho ta cái cảnh đìu hiu cuối đời như cát sông Hằng. Văn học xin được chia xẻ những bất hạnh cuối đời của thi sĩ Đinh Thạch Trung và xin chân thành cảm ơn họa sĩ Đinh Cường đã có nhã ý dành cho Văn Học cơ hội được cống hiến đến độc giả những nét tài hoa đang lận đận ở cuối trời.

Văn Học

*Đinh Thạch Trung*

*Khuya rồi nước đã đầy trăng*
*đi về, suốt bãi sông Hằng, gặp ai?*

# SUỐT BÃI SÔNG HẰNG

Tặng Khóa Anh
chép tặng vợ chồng Đinh Cường

*Đón em, suốt bãi sông Hằng*
*Cát muôn kiếp mãi nhớ lần gặp xưa*
*Hẹn về, dù nắng, dù mưa*
*Hẹn về, dù sớm, dù trưa, cũng về*
*Tàn trăm thân bại não nề*
*Chờ nhau, đã bấy sơn khê mỏi mòn*
*Chiều mưa, sông dẫy nước tuôn*
*Chim kêu bãi quạnh, gió buồn mái tơi*
*Nghe thiên thu cũng trở trời*
*Áo phơi mùa trước như lời bỏ quên*
*Đầu nguồn, nước lợ máu lên*
*Đau thương thôi đã pha rền tử sinh*
*Quản chi lớp lớp hư hình*
*Dài đêm đăm đắm mắt nhìn quầng thâm*
*Hẩm hiu thân dại áo chăm*
*Gió thu ngăn ngắt chỗ nằm lẻ loi*
*Lạnh lùng tóc nữ sương rơi*
*Ngọn đèn tàn héo sáng trời hắt hiu*
*Đòi phen toan đẩy cửa liều*
*Ra cùng thiên hạ vui chiều ngửa nghiêng*
*Hát ngao, xá mũ, nhặt tiền*
*Cuộc tan, bãi trống còn riêng bóng mình*
*Sân nhà, hoa rụng mặc tình*
*Gió xưa, lời cũ, sao mình vội quên?*
*Em về, cát bụi òa lên*
*Trăm thương nghìn nhớ vỡ rền thế gian*
*Trở chiều, ngồi lại cời than*
*Nhen bùng ngọn lửa chưa tàn ba sinh*

8.1982
Đinh Thạch Trung

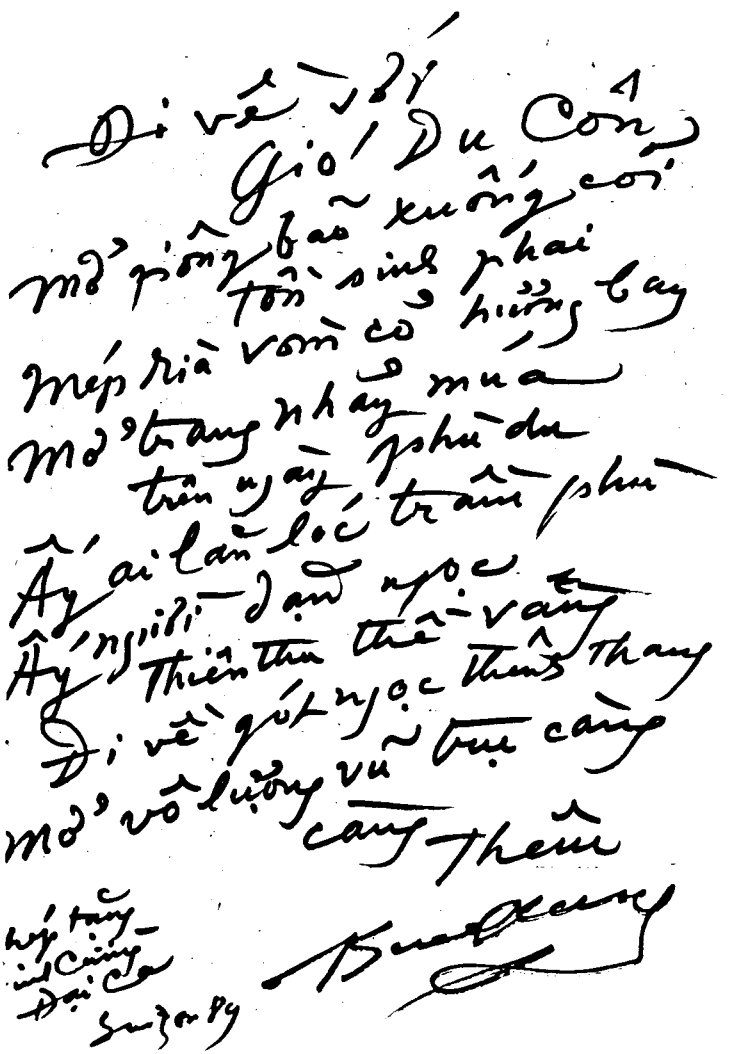

*Phạm Việt Cường dịch*

# MỘT VŨ TRỤ TÀN
# Wolfgang Hildesheimer

*Wolfgang Hildesheimer sinh ngày 9 – 12 – 1916 tại Hamburg, Tây Đức. Ông theo học trường Mỹ thuật Trung ương, Luân đôn. Từ 1946 đến 1949 ông làm thông dịch viên tại Tòa Án Tội Phạm Chiến Tranh ở Nuernberg. Ông dạy tại đại học Frankfurt từ năm 1967. Tác giả của vô số truyện ngắn, tiểu thuyết, khảo luận và kịch bản. Kịch bản "The Savifice of Helen" được dịch sang Anh ngữ năm 1968. Ông hiện sinh sống tại Thụy Điển.*

*Truyện ngắn "Một Vũ Trụ Tàn" sau đây được dịch dựa theo bản Anh ngữ của Christopher Holme, trích trong hợp tuyển "Anti – Story: An Anthology of Experimental Fiction" do Philip Stevick chủ biên, Nxb The Free Press, New York ấn hành năm 1971.*

Buổi dạ tiệc của bà Marchesa Montetristo tối hôm qua đã khắc sâu một ấn tượng không thể nhòa trong ký ức tôi. Dĩ nhiên một phần vì sự kết thúc khác thường của nó, nhưng về nhiều phương diện khác, đó cũng là một buổi tối không thể nào quên được.

Do một sự trùng hợp ngẫu nhiên, tôi được quen biết với bà Marchesa – một người sinh đẻ trong một gia đình sống về nghề biển, vùng Little Gidding, Ohio. Qua sự trung gian của bạn tôi, ông Perlhuhn, tôi đã bán cho bà ta cái bồn tắm mà Marat đã bị ám sát chết trong đó. Người ta chỉ biết được điều đó mãi đến khi cái bồn tắm đã thuộc quyền sở hữu của tôi. Nợ nần bài bạc chồng chất đã buộc tôi phải bán nó đi. Bà Marchesa thì đã mong muốn vật dụng này từ lâu cho bộ sưu tập về những vật dụng nhà tắm thuộc thế kỷ 18 của bà. Đó là dịp mà tôi được quen biết bà. Cuộc nói chuyện của chúng tôi chẳng mấy chốc đã chuyển từ cái bồn tắm sang những đề tài mỹ thuật tổng quát. Tôi nhận thấy rằng việc sở hữu mảnh sưu tập này đã tạo cho tôi một thế giá nào đó trong mắt bà. Do đó tôi đã không lấy làm ngạc nhiên lắm, khi cho đến hôm nọ tôi được mời dự một trong những buổi dạ tiệc nổi tiếng ở dinh thự trên hòn đảo nhân tạo San Amerigo của bà. Bà Marchesa, trong một lúc cảm hứng bất chợt, đã cho dựng đắp lên vội vàng một hòn đảo nhân tạo cách Murana vài dặm về hướng đông nam.

Lý do là bà rất thù ghét đất liền, bà nói rằng nó làm thương tổn sự quân bình tinh thần của bà, và lúc bấy giờ bà đã không tìm được chỗ nào thích hợp nơi các hòn đảo thật đang bán. Bà đã cư trú ở đây như thế đó, hiến đời mình cho sự sùng bái đồ cổ và sự lãng quên, hoặc như bà vẫn thường nói, cho những gì "đích thực và vĩnh cữu".

Thiệp mời cho biết buổi dạ tiệc sẽ bắt đầu lúc tám giờ tối. Điều này có nghĩa là khách khứa được dự tính sẽ có mặt lúc mười giờ. Mọi việc được sắp đặt trước, sao cho quan khách sẽ đến trên những chiếc thuyền nhỏ, chèo bằng tay. Và thật vậy, với cách thức này, việc băng qua biển đến nơi kéo dài gần hai tiếng đồng hồ. Điều này càng trở thành bất tiện hơn nữa vì biển động. Nhưng đây đã là những quy luật bất thành văn về cung cách đối đãi mà chỉ có những kẻ thô lỗ mới cãi bướng lại – mà những kẻ thô lỗ thì đã không được mời đến. Tuy vậy, nhiều vị khách trẻ tuổi, vì chưa cảm nhận hoàn toàn về sự tao nhã của cơ hội này, đã mướn một tàu thủy nhỏ chạy bằng hơi nước chở họ đến cách hòn đảo vài trăm thước, rồi từ đó họ được đưa vào đảo từng người một bằng thuyền nhỏ.

Sự lộng lẫy của tòa dinh thự không cần đến một sự mô tả nào nữa. Nhìn từ bên ngoài, nó là một bản sao chính xác của dinh thự Venramin. Bên trong, mọi thời kỳ, từ Gothic trở đi, đều được trưng bày. Nhưng dĩ nhiên là chúng không bị trộn lẫn vào nhau vì mỗi thời kỳ đều có phòng trưng bày riêng của nó. Bà Marchesa thật sự không có một sơ suất nhỏ nào về cách thức trưng bày. Cũng không cần phải đề cập đến sự phục vụ chu đáo ở đây. Bất cứ ai đã từng dự một buổi tiệc theo các nghi lễ chính thức trong thời quân chủ – và đây là điều chính yếu mà tôi muốn nhắc đến – đều sẽ biết nó như thế nào. Hơn nữa, hầu như không thể tưởng tượng nổi về cung cách và tinh thần của bà Marchesa và giới của bà nếu đề cập đến cái nhã thú của buổi tiệc, đặc biệt là ở đây, nơi mà tôi phải mô tả những giờ phút sau cùng trên mặt đất của một vài khuôn mặt lỗi lạc nhất của thời đại, mà tôi là kẻ sống sót duy nhất đã được vinh dự chứng kiến.

Sau khi trao đổi xã giao với vị nữ chủ nhân và vuốt ve con chó Bắc kinh luôn luôn nằm im bên cạnh bà, tôi được giới thiệu với bà Dombrowska, một phụ nữ nổi tiếng lừng lẫy, thứ nhất về những đóng góp của bà vào vũ điệu theo trường phái biểu hiện – nhịp điệu, một hình thái nghệ thuật đang bị mất dần, và bà còn là tác giả quyển sách Trở Lại Tuổi Trẻ, mà như tên sách đã gợi ý, cổ võ sự trẻ trung trong

phong cách, một quyển sách mà tôi cần lưu ý với độc giả là đã được ủng hộ khắp nơi. Trong lúc chúng tôi đang trò chuyện với nhau thì một người đàn ông lớn tuổi với dáng điệu chững chạc tiến đến. Đó là ông Golch. (Không cần phải nói gì thêm về một người nổi tiếng khắp nơi về những đóng góp làm cho phong phú đời sống trí thức của chúng ta). Bà Pombrowska giới thiệu: "Ông Sebald, người chủ nhân cũ cái bồn tắm của Marat". Danh tiếng của tôi đã được truyền đi.

"À – há", ông Golch nói. Dựa vào sự chuyển giọng khi ông kêu lên như thế, tôi đoán thấy ông đang cân nhắc xem tôi có đáng được xem như một ứng viên cho tầng lớp tinh hoa văn hóa này không. Tôi hỏi ông ta cảm thấy thế nào về cuộc trưng bày hội hoạ hiện đại ở Luxemburg. Người ta có thể, thật ra là phải, giả thiết rằng những người tập họp ở đây hẳn đã thấy, đã đọc, đã nghe tất cả mọi điều thực sự quan trọng rồi. Đó là lý do tại sao họ có mặt tại đây. Ông Golch nhướng mắt như thể đang tìm kiếm một chữ nào đó trong không trung rồi nói, "Chuyện đó lỗi thời rồi". (Ông nói theo giọng Ăng lê đang thịnh hành lúc bấy giờ). Tôi chợt thấy ngay rằng mình đã ngớ ngẩn phạm một sai lầm khi đề cập đến thời hiện đại trong một khung cảnh như thế. Tôi cảm thấy hơi ngượng nhưng nhờ đó cũng đã học được một bài học.

Tôi tiến về phía chiếc tủ cổ. Ở đây tôi chạm mặt với bà Signora Sgambati, một nhà chiêm tinh học, người mới đây đã tạo ra một sự khuấy động đáng kể với lý thuyết cho rằng không những chỉ có số mệnh con người mà cả những trào lưu toàn diện của lịch sử tư tưởng cũng có thể nhìn thấy được từ những vì sao. Rõ ràng ngay từ hình dung bên ngoài đã cho thấy rằng bà Sgambati này không phải là một hiện tượng thông thường. Tuy nhiên tôi không hiểu được là tại sao ngay trong hoàn cảnh lúc đó, bà ta lại không nhìn thấy trước từ những thiên hà kia sự chìm đắm sắp xảy ra của ngần ấy khuôn mặt chính yếu của giới trí thức. Bà ta đang mải mê trò chuyện với giáo sư Kuntz – Satori, một chính khách và là người có khuynh hướng bảo hoàng, người đã nỗ lực đưa chế độ quân chủ vào Thụy Điển suốt mấy thập niên qua. Đó cũng là một khuôn mặt lỗi lạc khác.

Sau khi nghỉ ngơi một chốc, quan khách di chuyển qua phòng Bạc để thưởng thức phần cao điểm của buổi tiệc tối nay, một buổi trình diễn thuộc loại đặc biệt – buổi ra mắt thế giới lần đầu tiên hai bản sonata soạn cho sáo của Antonio Grambattista Bloch, một nhạc sĩ hiện

đại và là bạn của Rameau, người đã được nhà âm nhạc học Weltli khám phá. Dĩ nhiên Weltli cũng có mặt ở đây. Các bản nhạc sẽ được nhạc sĩ thổi sáo Beranger trình bày với sự phụ họa của bà Marchesa ngay trên cây đàn harpsichord mà Rameau đã từng dạy vỡ lòng cho con trai bà về những nguyên tắc căn bản của đối âm, và đã được gửi từ Paris sang. Cây sáo cũng có một giai thoại lịch sử của nó nhưng tôi đã quên mất. Trong dịp này, hai người trình diễn đã phục sức theo kiểu Rococo, và trông họ gần giống như một bức họa của Watteau – đó là điều họ đã sắp đặt. Dĩ nhiên âm nhạc được trình diễn trong ánh sáng mờ tối của những ngọn nến. Người ta không thể tha thứ cho việc sử dụng đèn điện trong những dịp như thế. Sau bản sonata thứ nhất (cung Rê trưởng), bà Marchesa đã cảm hứng, yêu cầu quan khách chuyển từ phòng Bạc (kiến trúc Baroque) sang phòng Vàng (kiến trúc Rococo buổi đầu) để thưởng thức bản sonata thứ hai ở đó.

Đến đây tôi phải lưu ý rằng sự thanh nhã tẻ nhạt của những bản sonata soạn cho sáo của các nhạc sĩ hạng nhì trong giai đoạn đó – đặc biệt hơn là vừa mới được khám phá – thực ra không phải do Grambattista Bloch sáng tác. Những tác phẩm được trình diễn ở đây chính là do nhà âm nhạc học Weltli soạn. Mặc dù mãi sau này mới được biết điều này, mỗi khi hồi tưởng lại, tôi không khỏi cảm thấy đó là sự sỉ nhục dối với bà Marchesa vì lẽ ra bà không cần phải bỏ công sức ra để diễn đạt một tác phẩm giả mạo, dù bà đã diễn đạt một cách xuất sắc.

Trong lúc bản sonata thứ nhì ở cung Fa thứ đang được trình diễn, tôi nhìn thấy một con chuột đang bò dọc theo tường. Tôi rất ngạc nhiên. Thoạt tiên tôi nghĩ rằng có thể con chuột bị quyến rũ bởi tiếng sáo – điều này đã từng xảy ra rồi, theo như người ta nói – nhưng đàng này, con chuột lại đang bò theo hướng ngược lại, theo sau nó là một con chuột khác. Tôi nhìn quan khách. Họ không để ý đến điều gì cả, và thật ra hầu hết đang nhắm mắt lại để có thể đắm mình hoàn toàn vào những giai điệu từ tác phẩm giả mạo của Weltli. Bấy giờ tôi nghe thấy một tiếng vang dội trầm dục giống như tiếng sấm từ xa. Sàn nhà bắt đầu rung chuyển. Tôi lại nhìn các quan khách một lần nữa. Nếu họ có nghe thấy điều gì đi nữa – điều gì đó mà họ phải nghe thấy – thì thật ra cũng khó lòng nhận thấy được từ những dáng ngồi như gù của họ. Tuy nhiên tôi cảm thấy không yên vì những triệu chứng kỳ lạ này.

Một gia nhân bước vào phòng. Trong khung cảnh này, với trang phục khác lạ của các gia nhân trong nhà bà Marchesa, trông ông ta thật giống như một nhân vật trong nhạc kịch của Toscanini. Ông ta tiến đến những người đang trình diễn và nói điều gì đó bên tai bà Marchesa. Tôi thấy bà tái xanh. Và điều này khiến bà thích hợp với ánh nến mờ tối biết bao. Nhưng bà tự trấn tĩnh ngay và vẫn tiếp tục đàn cho đến hết bản nhạc. Đoạn bà gật đầu ra dấu cho người chơi sáo và đứng dậy nói với quan khách.

"Thưa quí vị", bà nói, "Tôi vừa được biết tin rằng cái nền móng của hòn đảo và dinh thự này đang bị sụt lở. Văn Phòng Các Công Trình Biển vừa được thông báo như thế. Điều phải làm mà tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ đồng ý, là vẫn tiếp tục với buổi trình diễn âm nhạc".

Bà lại ngồi xuống, ra dấu cho ông Beranger, và cho chơi đoạn nhạc nhanh, dồn dập, đoạn nhạc cuối, mà đối với tôi lúc ấy, dù chưa biết đó là một sự giả mạo, khá phù hợp với sự độc đáo của hoàn cảnh. Những vũng nước nhỏ đã tụ lại trên sàn nhà bóng lộn. Tiếng vang dội càng ngày càng lớn hơn và nghe gần hơn. Hầu hết quan khách vẫn ngồi ngay thẳng, khuôn mặt xám ngoét trong ánh nến như thể họ đã chết từ lâu rồi. Tôi đứng dậy và nói, "Tôi đi đây", không lớn lắm để làm xúc phạm các nhạc sĩ, nhưng cũng đủ lớn để khởi xướng cho các vị khách khác biết rằng tôi có can đảm thừa nhận sự sợ hãi của mình. Khắp sàn nhà bây giờ đã ngập nước. Mặc dù đi nhón gót, lúc đi ngang qua, tôi cũng không tránh khỏi làm tung tóe nước lên dạ phục của một hai vị khách. Nhưng đối với những gì sắp xảy ra, sự thiệt hại mà tôi gây ra phải xem như không đáng kể. Vài người khác liếc mắt nhìn tôi với vẻ khinh thường nhưng tôi không màng đến... Khi tôi mở cửa ra hành lang, một đợt nước tràn vào phòng, khiến cho phu nhân Fitzjones (người đang mặc y phục cổ truyền xứ Celt) phải kéo chiếc áo choàng lông sát hơn vào người – rõ ràng chỉ là một phản xạ bởi vì điều đó đã trở thành vô ích. Trước khi khép cửa lại, tôi nhìn thấy ông Perlhuln, bạn tôi, ném một cái nhìn nửa khinh bỉ nửa buồn bã về hướng tôi. Bấy giờ ông ta cũng đã ngồi trong nước, gần như đã lên tới đầu gối. Bà Marchesa cũng thế. Bà không còn có thể sử dụng đến những chân đạp của cây đàn nữa. Thật sự tôi cũng không biết những chân đạp đó thiết yếu như thế nào đối với đàn harpsichord nữa. Lúc đó, tôi nhớ mình đã có ý nghĩ rằng nếu những chân đạp đó là đàn viôlôngxen thì chắc chắn là cuộc trình diễn đã phải dừng lại vì nhạc khí đó không thể phát thành tiếng trong

nước được. Thật lạ lùng khi những ý nghĩ không thích hợp đó lại đến trong những lúc như thế.

Trong hàng lang dẫn vào nhà, mọi thứ bất chợt yên lặng như trong một hang động, chỉ nghe thấy tiếng nước vỗ từ xa vọng đến. Tôi cởi chiếc áo dạ phục ra và vội bơi xuyên ngang ngôi dinh thự đang chìm đắm, hướng về chiếc cổng chính. Tiếng nước tôi vỗ tung tóe vang dội lại một cách huyền hoặc từ những bức tường và cột nhà. Không có một bóng người nào cả. Rõ ràng là tất cả các gia nhân đã bỏ đi. Và tại sao họ lại không bỏ đi chứ? Họ không có sự ràng buộc nào với nền văn hoá đích thực và vĩnh cữu cả. Và những người đang tập hợp nơi đây cũng không còn cần đến sự phục dịch của họ nữa.

Bên ngoài, vầng trăng vẫn chiếu sáng như thể không có gì xảy ra cả. Ấy vậy mà nơi đây, trọn một thế giới đang chìm xuống biển. Từ một khoảng cách khá xa, dường như tôi vẫn còn có thể nghe thấy tiếng sáo cao vút của ông Beranger. Mọi người đều từng đồng ý là ông ta có một cung cách thổi sáo thật tuyệt vời.

Tôi tháo chiếc thuyền nhỏ cuối cùng mà các gia nhân đào thoát đã bỏ lại và đẩy ra biển. Nước đã tràn ngập tòa dinh thự. Qua những khung cửa sổ, tôi nhìn thấy các vị khách đã đứng lên. Hẳn là bản sonata đã chấm dứt, vì họ đang vỗ tay, những bàn tay đưa lên cao quá đều họ bởi vì giờ đây nước đã dâng lên đến cằm. Bà Marchesa và ông Beranger tiếp nhận sự tán thưởng với dáng điệu thanh nhã, dù rằng trong hoàn cảnh như thế họ không thể cúi mình chào được.

Bây giờ nước đã dâng đến những ngọn nến. Chúng tắt ngấm từ từ, và khi bóng tối tràn ngập, mọi thứ trở nên lặng lẽ, tiếng vỗ tay tán thưởng im bặt. Bất chợt tôi nghe tiếng đổ sụp ầm ầm của ngôi nhà. Dinh thự porlazzo đang đổ xuống. Tôi vội hướng chiếc thuyền nhỏ về hướng biển để khỏi bị những mảnh tường vỡ xuống chạm phải.

Sau khi chèo vài trăm thước băng qua vùng biển hướng về đảo San Giorgio, tôi quay lại nhìn một lần nữa. Mặt biển thật lặng lẽ dưới ánh trăng như thể chưa từng có một hòn đảo nào ở đó. Tôi động lòng tiếc cho cái bồn tắm vì đó là một sự mất mát không bao giờ có thể bù đắp được. Ý nghĩ này có lẽ hơi nhẫn tâm nhưng kinh nghiệm dạy chúng ta rằng chúng ta cần giữ một khoảng cách nào đó đối với những biến cố như thế để có thể nhận thức đúng đắn hoàn toàn về chúng.

Wolfgang Hildesheimer.
Phạm Việt Cường dịch

*Trần Vũ*

# MƯA BÊN CHỒNG

Chuyên về làm dâu bên chồng năm mười sáu tuổi. Tuổi mười sáu, người con gái còn chưa hiểu rõ thân thể mình, làm sao Chuyên hiểu được tâm lý phức tạp nhà chồng? Độ ấy, lại là buổi giao thời, kim cựu giành nhau một chỗ đứng trong lòng xã hội đang phân hóa...

Ở nhà chồng nàng, ông Giáo – cha chồng Chuyên – là người dễ chịu hơn cả. Ông Giáo ít khi nhòm ngó con dâu, cũng chẳng hay giảng luân lý đạo thánh hiền như phần đông các ông giáo già khác. Lẽ làm tôi hay phận dâu con, thời tây học người ta đều cho là thói xấu của phường phong kiến cả. Ông Giáo – cha chồng Chuyên – xem việc con dâu về sống dưới mái nhà mình cũng là thường tình, giống như ông và Chuyên là hai người công dân cùng chung sống dưới mái hiên nền đệ nhất Cộng hòa còn son trẻ. Vì lẽ đó, ông đối đãi với nàng bình đẳng lắm. Ông xưng "tôi" với "cô" mỗi khi cần trò chuyện.

– Cô Chuyên đâu rồi? Đã đi mua báo cho tôi chưa?

Ông Giáo có sở thích đọc báo. Một ngày không nhìn thấy mặt chữ, ông cho rằng đã bị văn minh bỏ rơi, mà người văn minh thì lúc nào cũng phải thông hiểu mọi vấn đề và nhất là cập nhật hóa thời sự. Cho nên trời mưa tầm tã cỡ nào, Chuyên cũng lặn lội ra chợ, mua kỳ được tờ báo về đặt bên mâm điểm tâm cho cha chồng.

– Thưa Thầy đã có báo, mời Thầy đọc.

Nghe tiếng Chuyên gọi, ông Giáo khoan khoái thong thả đánh đôi dép nhật lên nhà trên, ngồi vào bàn nhìn mưa rơi tất tả bên ngoài, hưởng cái thú êm đềm khô ráo của người nhàn rỗi. Sáng nào cũng chỉ có một hoạt cảnh ấy, nghĩa là cảnh ông Giáo ngồi nhẩn nha uống trà, dùng điểm tâm, rung đùi đập đập hai lòng bàn chân vào nhau trong lúc mấy ngón tay phe phẩy, xếp gấp trang báo. Nhiều lúc Chuyên có cảm tưởng rằng, khi đập đập hai lòng bàn chân vào nhau, ông Giáo đang làm công việc dọn mình tiếp nhận nguồn văn minh. Song, cũng do thói quen, nàng biết hễ đến trang báo chót là ông Giáo bắt đầu cau có. Mở qua, giở lại mãi mà vẫn không tìm ra thêm tin tức sốt dẻo nào khác nữa, cha chồng Chuyên trở nên bực bội. Tiếng sột soạt của những trang báo luôn kèm tiếng rầy rà của người.

– Cô Chuyên lần sau có đi mua báo thì cầm theo tấm vải để bọc. Che ô à? Mưa lớn thế này che sao cho hết nước, báo ướt cầm bẩn cả tay!

Những khi bị mắng, Chuyên lí nhí dạ rồi rúc vào bếp. Nàng thầm trách cha chồng sao quá thờ ơ. Ông Giáo vô tâm biết trời mưa lớn lắm, dù che không hết nước mà không biết con dâu mỗi sáng đội mưa đi về, ướt nhẹp đầu tóc, chỉ để mua cho ông một tờ báo.

Nhưng dần dần rồi Chuyên cũng biết chiều chuộng từng cá tánh của cha chồng nàng. Biết giữ sao cho tờ nhật trình phẳng phiu, khô ráo, kể cả những hôm mưa gió bão bùng. Biết đánh véc ni sao cho bóng đôi giày tây cùng can gỗ quý của người. Chuyên còn biết cả cách vấn thuốc điếu sao cho thẳng cứng, hay cách đấm bóp nhổ bả mỗi khi ông Giáo đau lưng, khiến cha chồng nàng bằng lòng lắm. Sẵn tính sĩ diện, mỗi khi bận khách khứa, ông Giáo hay mạnh miệng rằng:

– Nhà này thế mà được phúc, rước được nàng dâu gia đình ngoài Trung, dòng dõi quyền quý môn đăng hộ đối. Cô cháu nó con nhà gia giáo mà chăm làm, lại sính cả chữ Tây. Nhờ do một tay tôi kén cả.

Chả là Chuyên ở xa về làm dâu nên có nhiều người thăm hỏi. Hồi đầu nghe ông Giáo khỏa lấp với người ngoài nàng cứ bụm miệng cười. Chuyên không hiểu vì đâu ông Giáo nói vậy. Nhà Chuyên đâu có ở ngoài Trung, cũng chẳng thuộc dòng quyền quý. Song thân nàng sinh sống ở Bình tuy, có thửa đất nào để cày cấy thì bom đạn xén mất. Nghèo khó vất vả đã ba đời, nên con gái chỉ kịp trổ mã là gả đi cho chóng bớt miệng ăn. Sinh nhai khó khăn nên Chuyên chỉ học hết lớp ba trường làng, thế mà cha chồng nàng cứ khoe mãi là Chuyên sành chữ Pháp bảo sao nàng không buồn cười. Mà nghĩ cũng tội cho ông Giáo, theo học chữ thánh hiền đời xưa, gặp phải buổi giao thời cứ sợ người ta cười cho là nhà nho hủ lậu, đành cất áo the thâm, bỏ khăn nhiễu, đi đâu cũng đánh áo cổ cồn cà vạt, cho nó là văn minh. Nhưng vận áo tây thì phải giặt ủi tiệm. Người sợ tốn kém, một năm sáu tháng chỉ đem hấp một lần, rồi giữ riệt lấy bao vải ny lông, hễ thay áo vét thì trùm ngay lấy treo ở cửa buồng khách cho ra vẻ quần áo giặt tiệm luôn, vừa lấy về chưa kịp cất! Ông Giáo còn nhiều cái sĩ diện khác mà Chuyên không tiện kể ra. Nhưng có lần gia đình chồng nàng có người bà con từ trên thủ đô về ghé thăm, nghe nói Chuyên sành chữ Pháp mới hỏi đùa bằng tiếng Tây, nàng không trả lời được. Khi người ấy đi rồi thì ông Giáo mới nổi

cơn thịnh nộ, chửi mắng nàng là đồ vô học, làm mất thế giá của gia đình chồng. Kể từ bận ấy, Chuyên không còn dám bụm miệng cười nữa, mỗi khi cha chồng nàng sĩ diện.

*

So với cha chồng nàng, thì bà Giáo mới là người khó tánh. Mẹ chồng Chuyên kỹ lưỡng lắm. Trong nhà đồ đạc phải đâu vào đó, tủ bàn phải sạch như lau, như ly, bà mới vừa lòng. Một cọng rác ở ngạch cửa, một vệt ố ở khăn ăn, cũng đủ làm bà khó chịu. Nhưng bà Giáo khác cha chồng Chuyên ở chỗ bà không nói ra miệng, không mắng mỏ ngay lúc ấy. Bà Giáo để bụng, lâu lâu mới mỉa mai một câu lúc Chuyên không ngờ nhất. Chẳng hạn:

– Nhà cửa từ ngày mợ về, trông sạch hẳn ra. Hôm qua cô chú nó ghé chơi cứ tấm tắc khen mãi, tôi bảo cho mợ biết!

Đại khái bà Giáo có cách chửi như thế. Còn lâu lâu muốn sai bảo chuyện gì, thì bà mới lấy giọng nhân từ cho vời Chuyên lên nhà.

– Mợ Chuyên đâu? Lên tôi hỏi chuyện. Đã lâu không thấy cậu nó sắm sửa gì cho mợ, sẵn có cô chú thợ may là chỗ quen biết, có nhã ý nhận may dùm ít hàng không lấy công, tôi định bụng may cho mợ chiếc áo dài, có đi đâu thì ăn vận với người ta cho có chị có em. Không hiểu ý mợ thế nào?

– Bẩm mẹ dạy sao con nghe vậy.

– Tốt lắm, vậy mợ ra chợ lựa xem hàng vải nào ưng ý thì về bảo tôi hay. Lựa thôi chứ hãy khoan mua, để xem cô chú ấy có đổi ý hay không đã. Sẵn tay mợ mua thêm trầu cau, tôi ăn trầu mà nhà hết nhẵn cả tuần nay rồi không ai nhớ!

Bà Giáo lại còn khó ăn. Di cư vào Nam rồi mà nấu nướng vẫn giữ y lối cổ truyền ngoài Bắc. Riêu cua Chuyên phải biết nấu sao cho khéo, váng gạch phải vàng ngậy mà thịt giã không bị vữa. Lúc dọn ăn Chuyên phải biết đơm bún sao cho không nhiều, không vơi. Rau muống ăn kèm phải chẻ mỏng để bà không đau cuống họng. Chả cá thì phải nướng đúng kiểu chả cá Thăng long, thịt lợn nấu giả cầy thì cho vào tượng, chan xâm xấp nước nghệ, trộn thật đều riềng mẻ, mắm tôm... Nhà Chuyên ngoài Bình tuy ít ăn những món ấy, nên về làm dâu nàng lúng túng xoay trở, nghe bà Giáo ngày ngày đay nghiến. Bà thường hay tâm sự với một vài bà bạn thân thế này:

– Con gái bây giờ đến là đoảng! Tôi kể bác nghe, làm nem nướng các cụ mình vẫn dạy phải rửa thịt bằng nước dừa, thịt mới ngọt. Rửa xong ướp muối diêm cho đỏ thịt, ấy thế mà cô ả đem rửa nước máy, ướp tương đen, nướng ăn cứ bã ra trong miệng đấy bác ạ. Còn rau muống ai lại đem luộc với nước mưa, cọng rau cứ vàng ủng cả ra... Cái ngữ này mà làm dâu các cụ thì chỉ có chết! Mình bây giờ là dễ đấy bác ạ, không muốn mang tiếng là chèn ép dâu con, chứ gặp các cụ ngày xưa là phải biết!

Mà bà Giao ý tứ lắm, trên bàn ăn có chồng Chuyên, bà không bao giờ la mắng, đợi khi Trường vắng nhà, có vài bà bạn bà mới to tiếng cốt cho nàng ở dưới bếp nghe thấy. Bảo là bà Giáo chỉ nói mỉa mai bóng gió, nói xa, nói gần thì cũng không đúng hẳn. Những khi giận quá, bà Giáo chửi sàn sạt vào mặt Chuyên không thèm giữ kẽ:

– Cái chõ thổi xôi đâu rồi? Nấu xong thì rửa ngay cất đi, bạ đâu vứt đấy biết đường nào mà tìm! Bịch cốm vòng ở đâu ra thế này? Nhà này có nuôi chó mèo đâu mà nó ăn vụng, mang giả lên bàn thờ ngay cho tôi! Này, nấu ăn cho ít muối vừa chứ, thổi cơm cho nhà nông ăn đấy phỏng?

Về làm dâu bên chồng ngót sáu tháng thì Chuyên đã đảm lắm rồi, bà Giáo không còn gì để dạy dỗ nữa. Chuyên đã biết nấu nướng theo lối Bắc đặc, biết dọn dẹp nhà cửa theo ý mẹ chồng muốn, biết têm trầu, quét tước ngoài sân, biết đánh lư đồng ngày giỗ, biết cả đóng bánh dẻo rằm tháng tám, làm bánh gio ngày mùng năm lễ sâu bọ. Thậm chí Chuyên còn biết cả những khách nào bà Giáo ưa thù tiếp, những ai bà hay lánh mặt. Chuyên làm chăm lắm, nàng không muốn vì một cớ gì để mẹ chồng ghét bỏ. Bà Giáo bề ngoài thì tỏ vẻ hài lòng, nhưng bề trong vẫn còn để tâm rình rập, vì theo ý bà con dâu mười sáu tuổi thì nhất định còn trẻ người non dạ, không thể quán xuyến hết mọi việc mà không cần tới tay bà. Nên lâu lâu, Chuyên vẫn cứ nghe những lời dãi bôi luôn.

– Thôi mợ nghỉ đi, làm cố vào rồi ngã bệnh. Để tôi dọn hộ cái trạn bếp cho. Tôi mà động tay thì chỉ mất dăm phút, không mất cả buổi như mợ!

Đấy là nói về mẹ chồng Chuyên.

*

Trong gia đình chồng, con người nhiều uy quyền nhất không phải là ông bà Giáo mà là anh cả của chồng nàng. Anh cả hơn Chuyên

những mười lăm tuổi. Anh cả làm giáo sư trên tỉnh, ngày hai buổi đánh xe traction đen đi về, đĩnh đạc, điệu bộ, phong thái nhiều lúc như một vị hoàng tử. Chuyên không rõ anh cả dạy gì trên tỉnh, chỉ biết mỗi bận đi dạy anh cả ăn vận đỏm dáng lắm. Đầu chải brillantine bóng mướt, cà vạt tím là thẳng với áo chemise hoa dài tay, có cài khuy manchette cẩn thận. Những chữ traction, brillantine, chemise, manchette là anh cả dạy cho Chuyên nói. Lúc đầu nàng tưởng anh cả dạy chữ Pháp, nhưng sau biết là không phải, vì thời đó không có ai dạy học mà mặc áo chim cò cả. Anh cả ít khi ăn cơm nhà, có ngồi vào bàn cũng chỉ động đũa lấy lệ.

– Đàn ông hay đàn bà ăn nhiều đều không tốt, người mập ra thì nặng nề, không di chuyển nhậm lẹ. Nghề nghiệp của anh đòi hỏi phải nhẹ nhàng.

Anh cả nói với Chuyên như vậy, không nói rõ về nghề nghiệp của anh, mà ở nhà hình như cũng không mấy ai thích nhắc đến nghề nghiệp của anh cả. Tuy thế anh cả kiếm được rất nhiều tiền, phòng anh có cả một máy quay đĩa mà mỗi lần được anh kêu vào dọn dẹp, Chuyên đều tò mò nhìn chiếc loa đồng vàng chóe.

Anh cả xung khắc với Trường, chồng của Chuyên, hai người ít khi nào nói chuyện với nhau. Nhưng không vì thế mà cái quyền huynh thế phụ ở anh cả không được trọng nể. Anh cả chỉ cần trừng mắt lên là dù có bất đồng ý kiến đến đâu, Trường cũng im ngay. Một cái quắc mắt của anh đủ làm cô Dung, em chồng của Chuyên xanh mặt. Lý do rất giản dị là trong một gia đình Bắc, địa vị của người con trưởng rất quan trọng, anh cả lại lớn hơn các em nhiều tuổi và là người trực tiếp nuôi cả gia đình từ khi cha chồng Chuyên thôi việc. Do thế, anh cả nói gì là bà Giáo cũng nghe, còn cha chồng Chuyên thì miễn cưỡng gật đầu. Tỉ dụ:

– Thủ tướng Diệm lại đi kinh lý nữa rồi này, trong báo họ đăng tít lớn quá! Sao không thấy cụ Diệm ra thăm miền ngoài mình nhỉ?

Cha chồng Chuyên đang xem báo, bỗng ngửng lên nói.

– Ông ấy đi đâu kệ ông ấy, việc gì Thầy phải thắc mắc!

– Nhưng cụ Diệm đang lãnh đạo quốc gia, cụ đi đâu là chuyện quốc sự, mình làm công dân thì phải chú ý tới.

Cha chồng Chuyên bào chữa. Anh cả chẳng cần bàn cãi, đổi ngay đề tài câu chuyện.

– Thầy liệu thay chiếc solex, cũ quá rồi, khói um cả lên. Thời buổi này không ai đi xe solex nữa, Thầy mua xe SAS mà chạy.

– Anh nói thế cũng phải...

Đại loại các câu chuyện trao đổi giữa anh cả với gia đình chồng Chuyên đều như thế, anh cả phán quyết và mọi người chấp thuận. Thường thường khi về đến nhà, anh rút lên phòng, bật ngọn đèn hồng lơ lửng treo giữa buồng và độ năm phút sau thì có tiếng nhạc xập xình vọng xuống bếp, chỗ nàng ngồi rửa chén.

Buồng của anh cả rất bề bộn, nhưng cũng có nhiều đồ trang trí mỹ thuật. Ví dụ cái tượng đồng hình đàn bà khỏa thân, đang vươn hai cánh tay nâng chiếc gạt tàn thuốc mà anh cả đặt ở đầu giường. Một tấm bích chương lớn, chụp hình một cặp tài tử Âu Mỹ với tựa đề "Tình Yêu Không Biên Giới" dán bên cạnh tủ sách Tây mà anh cả bảo là sách triết. Hai cây đàn thùng, một cây sáu dây, một cây bốn và thật nhiều đĩa hát lây lất dưới gầm giường. Cũng có nhiều tập sách nhạc lây lất trên mặt đất, vẽ hình đàn ông, đàn bà đang dìu nhau. Chuyên bắt đầu hiểu lờ mờ là anh cả dạy nhạc, hay dạy một thứ gì đó liên quan đến âm nhạc.

*

Nếu anh cả là một thứ uy quyền lớn bên nhà chồng, thì cô Dung, em chồng Chuyên là một thứ uy quyền nhỏ rất hay ưa chuyện. Gọi là em chồng, nhưng cô Dung lớn hơn Chuyên đến ba tuổi. Đã gần chẵn hai mươi xuân thì mà chưa có ai đến nhà xin hỏi, cô Dung tỏ ra nóng nảy và dị nghị về số tuổi còn quá trẻ của chị dâu, đã vội lập gia đình mà lại lấy anh ruột cô là Trường.

– Chị biết đấy. Không phải tôi ghét bỏ gì đàn ông mà không lấy, nhưng tôi sợ làm dâu nhà người ta lắm. Chị may mắn lắm mới gặp mẹ tôi! Năm tôi bằng tuổi chị, có mấy đám đến chạm, tôi đều từ chối cả. Anh Trường tôi cũng có mấy nhà xin cho con gái họ, nhưng anh tôi không chịu. Chị thế mà tốt số nhé!

Cô Dung trông không dễ nhìn, thấp người mà nước da lại đen quánh. Ngày xưa công việc bếp núc trong nhà giao cho cô Dung và một con sen. Từ ngày Chuyên về nhà chồng, con sen được cho nghỉ để ngân quỹ đỡ tốn kém. Việc nội trợ đáng nhẽ chia đôi thì cô Dung khoán trắng cả cho nàng. Cô Dung chỉ dành lấy nước gạo, để đêm đêm rửa mặt mũi mong trắng ra. Nhưng cô Dung rửa mãi cả năm mà Chuyên

vẫn thấy da cô nâu đen, mốc thếch. Dĩ nhiên là cô Dung phân bì chuyện đó.

– Gớm, làm ruộng mà nước da trắng đáo để!

Cô Dung hay tụ họp mấy người bạn gái đằng sau vườn, xầm xì kể chuyện này nọ cho nhau nghe. Cô Dung cũng hay thèo lẻo với bà Giáo và ưa gây sự:

– Tôi có mách mẹ chị làm vỡ cái chén kiểu là để bận sau chị cẩn thận khi rửa chén. Cho nhiều sà phòng quá chén trơn tuột ra khỏi tay à? Thế thì chị vừa hoang phí vừa vụng. Chị bảo sao? Tôi không biết thông cảm cho chị hử? Tôi mà dữ à? Này, bảo cho mà biết, đừng có giở giọng đanh đá cá cày giả nhời miếng một, đây không sợ đâu!

Mà cô Dung không sợ thật. Cô thản nhiên vào phòng Chuyên với Trường, lục lọi tủ quần áo xem Trường có sắm sửa gì mới cho Chuyên không. Cô Dung còn lục tìm thư của bố mẹ Chuyên từ Bình tuy gởi ra thăm nàng, xem có câu chuyện gì bí mật đem ra kể với các cô bạn hay không. Khi không tìm thấy gì lạ, cô Dung thất vọng trở ra, không quên bĩu môi khinh bỉ:

– Cái thứ nhà quê, cuộc đời chả có gì cả!

Cô Dung còn rình rập Chuyên những chuyện riêng tư mà chỉ có mình nàng với Trường biết. Ban đêm nằm ngủ, Chuyên có cảm tưởng con mắt cô Dung đang nhìn trong ổ khóa, hay núp trong một xó vườn rình rập theo dõi mỗi khi nàng mang đồ dơ đi giặt. Khi thấy Chuyên vẫn bình thường, cô Dung bực mình lắm.

– Quái lạ! Người gì mà lấy chồng cả năm giời không thấy đẻ đái!

Chuyên giận cô Dung nhiều, nhưng nàng không biết phải đối phó ra sao. Im lặng chịu đựng thì cô Dung làm tới, còn ăn miếng trả miếng thì Chuyên không phải là đối thủ của cô Dung. Chỉ có một người có thể giúp nàng. Người đó là Trường. Nhưng, nhưng... Chuyên không biết phải nói sao về chồng nàng đây?

*

Người sau chót trong gia đình chồng mà Chuyên phải kể đến là Trường, chồng nàng. Cho đến bây giờ Chuyên cũng không hiểu vì sao Trường lấy mình. Vì cái hình ảnh ở đêm trăng sáng ngần, tỏa buông thứ ánh sáng ngọc trai lên hai người lúc họ đối mặt nhau? Trường khong bao giờ tâm sự với vợ, nên hình ảnh của đêm trăng hôm đó cứ ở lại mãi trong đầu Chuyên như một dấu hỏi?

Đêm đó, trăng sáng lắm. Ánh trăng bôi từng phiến sáng lóng lánh lên mình Chuyên lúc nàng ra giếng tắm. Bữa cơm chiều ăn muộn. Buổi tối hầm bức. Tro than từ bếp lửa ban chiều còn bám vào người nàng. Chuyên để nguyên quần áo ra giếng xối nước. Dưới ánh trăng sáng lồ lộ, mát rượi, Chuyên nghe ngọn gió đùa hây hẩy bên tai, chen lẫn tiếng dế than rít trong cỏ mượt và tiếng nước không ngừng chảy xối, rã rượi khắp mình nàng. Mặt trăng tròn đẹp đẽ, như cứ tròn thêm ra, cao thêm lên mỗi bận Chuyên ngửng lên nâng gầu nước trút xuống mình. Chuyên còn nhớ cảm giác khi ấy ngây ngất lạ. Đêm trăng tĩnh băng, vài ánh đèn lập lòe mãi tận đầu ngõ. Trong nhà Chuyên, ánh đèn măng xông hắt ra sân vàng võ, hiu hắt trước miệng giếng. Những giọt nước rơi vỡ lanh tanh, nhiễu từ chân tóc xuống thân thể nàng. Đúng lúc ấy, quay lại thì Chuyên vụt bắt gặp Trường đang đứng ngắm nàng đăm đăm ở ngoài rào.

Ánh trăng sáng đến nỗi Chuyên trông rõ mặt Trường, đang đê mê. Chắc Trường cũng trông rõ nàng đang ướt đẫm nước, bộ bà ba ướt nhẹp dán sát thân mình. Trường đứng lặng mê man với chiếc xe đạp dắt bên người. Khuôn mặt Trường như chìm trong một giấc mơ. Chuyên cũng lạ lùng với chính mình khi nàng ngừng tay đứng ngó Trường. Nàng vẫn nắm cái gầu nước không đu đưa trong tay. Mấy giọt nước dọng nhiễu xuống đất lộp bộp, vang vang như tiếng tim của cả hai đập thình thịch khi ấy. Lần đầu tiên có một người đàn ông đứng nhìn nàng tắm. Chuyên thấy hổ thẹn, nửa bối rối lo sợ, mà nửa hãnh diện ngấm ngầm. Nàng đã trông thấy con gái bác Bảy ở đầu xóm tắm mưa, nhiều người đàn ông đi ngang trông thấy mà không ai đứng lại nhìn. Trường đã đứng lại nhìn Chuyên tắm và chắc sẽ còn đứng đó nếu Chuyên không vụt bỏ chạy vào trong nhà.

Sau cánh cửa, Chuyên trông thấy Trường đứng ngoài rào còn đăm đăm nhìn vô nhà lâu lắm, mãi mới bỏ đi. Đêm đó Chuyên mất ngủ, nằm bâng khuâng thao thức nhớ lại vẻ mặt của Trường khi nhìn nàng tắm. Vẻ mặt Trường đắm đuối đầy vẻ si mê của mỗi khi Trường đem giá vẽ ra đồng, ngồi họa cảnh trưa miền quê. Trường là anh họa sĩ trẻ yêu thôn dã, cả làng ai cũng biết. Chuyên đã gặp anh họa sĩ từ trên tỉnh xuống nhiều lần trên đường đê. Nàng đi làm ruộng về ngang chỗ Trường vẽ, không bao giờ dám ngừng lại xem Trường vẽ gì, chỉ cắm cúi đi thẳng. Những lần đó, Trường đều ngưng vẽ nhìn nàng, nhưng ánh

mắt của hai người chỉ kịp lướt lên nhau rồi ai nấy vội vã quay về với thế giới riêng của mình. Tiếng à um của đôi bò đực mà bố nàng chăn phía sau, tiếng lập phập của cành lá mà người dùng đập lên lưng đôi bò, hối thúc chúng đi mau và tiếng gọi thúc giục của mẹ nàng cắp rổ đi trước... Ngần đó tiếng động hối thúc không cho phép Chuyên nấn ná bắt chuyện với Trường. Cho đến đêm nay, Trường bất ngờ xuất hiện, hai người bất ngờ đối mặt, nhìn rõ nhau, thậm chí nghe cả tiếng tim của nhau đập trong tĩnh lặng của đêm trăng.

Chuyên trằn trọc khó ngủ, nàng thấy nóng ran người, tiếc nuối đã không đứng lại ngoài giếng lâu hơn. Chuyên day qua trở lại, cuối cùng không chịu nổi nàng trở ra sân. Khoảng sân quen thuộc với những cảm giác nóng bỏng mới vừa rồi làm Chuyên thấy gần gụi dễ chịu, như chừng đã gặp lại Trường. Chỉ có khác là đêm đã khuya, sương xuống nhiều tù mù, giăng giăng buông thõng trên tóc nàng. Chuyên ra đứng bên miệng giếng, trông ra chỗ Trường đứng khi nãy. Mấy lùm cây tối rập rờn. Bất giác Chuyên thèm nghe tiếng nước xối rào rào, nàng thõng dây mắc gầu nước xuống giếng. Đêm trăng im ắng chợt vỡ tan khi cái gầu nước chạm mặt giếng kêu đánh "boọng"! Tiếng "boọng" làm Chuyên giật thót mình, tưởng làm cả nhà thức giấc. Lúc đó Chuyên mới biết rằng nàng đã biết tương tư.

*

Rồi hai người lấy nhau như duyên tiền định. Sáng hôm sau thức giấc, Chuyên không ngờ Trường dám vào nhà xin hỏi cưới nàng. Chuyên lí nhí dạ thưa lúc song thân hỏi nàng bằng lòng hay không. Nhà Chuyên bảy chị em gái, đã gả đi ba còn bốn, mà vẫn làm không đủ ăn. Bố mẹ nàng không mong gì hơn là các con sớm thành thân, miễn là có tấm chồng tử tế. Huống chi Trường thuộc gia đình khá giả. Sự khá giả lộ ra ở dáng dấp đi đứng, lời nói, cách ăn uống và ở cả những bức họa Trường vẽ cảnh đồng quê thơ mộng. Đám cưới diễn ra thật đơn giản, bên nhà trai chỉ có mỗi một mình ông chú họ ở cùng làng Chuyên mà Trường xuống ăn nhờ ở đậu nhiều tháng nay. Đêm hợp cẩn Chuyên không nhớ rõ ràng. Chỉ nhớ tiếng pháo nổ, tiếng trò chuyện lao xao dưới sân, Trường bước vào buồng và nàng nhắm mắt. Hơi thở Trường có chút mùi rượu thoang thoảng phả vào gáy nàng, Chuyên hình dung chiếc giường bềnh bồng di chuyển, vài nan tre kêu kẽo kẹt và mấy đầu ngón tay Trường mơn man khe khẽ ở bả vai nàng. Chuyên nhắm

nghiền mắt suốt khoảng thời gian ấy, nàng thấy rạt rào hạnh phúc êm đềm ở từng nụ hôm ấm áp của Trường trên người. Nhiều lúc Chuyên có cảm giác nàng say ngủ, có đôi bồ câu đậu trên bụng, bước chân chim dọ dẫm chậm rãi, dè dặt... Chuyên chỉ lạ là nàng không cảm nhận gì nhiều, không giống như lời mẹ dặn trước giờ hợp cẩn... Khi Chuyên mở mắt, khách đã ra về, tiếng động dưới sân đã tắt, cây đèn cày nhỏ cũng đã tắt, chỉ còn ánh trăng soi trong veo ngoài cửa sổ phết lên người Trường đang ngủ thiếp. Chuyên nhớ lại ánh trăng đêm trước, bất giác nàng mỉm cười một mình trong bóng tối. Tình yêu lứa đôi đến với nàng bất ngờ quá. Chuyên muốn nắm lấy tay chồng dưới lớp chăn mỏng, nhưng lần lữa rồi không dám. Chuyên lấy chồng, nàng tính nhẩm vừa tròn mười sáu tuổi.

*

Chuyên theo Trường về làm dâu nhà chồng. Ở nhà Trường không được nể nang như anh cả, cũng không được nuông chiều như cô Dung. Ông bà Giáo không hài lòng Trường theo học hội họa, lại càng không hài lòng Trường dắt về nhà đứa con dâu quê mùa, đặt ông bà Giáo trước sự đã rồi. Đêm đầu tiên ở nhà chồng Chuyên đã nghe tiếng cãi vã to tiếng. Giọng bà Giáo chua chát những câu "Áo mặc không qua khỏi đầu... con cãi cha mẹ trăm đường con hư...". Giọng cô Dung chanh chua đổ thêm dầu vào lửa: "Hay là cô ả chửa hoang rồi nên mới đeo lấy anh Trường nhà mình?" Chuyên thấp thỏm nghe ngóng từng câu nói của Trường ngắt lời cha chồng cũng đang gay gắt. Chồng nàng bị cả nhà tấn công, chỉ có anh cả là tỏ ý chấp thuận. Đêm đó Chuyên thấy nàng mang ơn anh cả rất nặng. Chính anh cả đã bác bỏ ý kiến của cô Dung đòi đuổi nàng ra khỏi nhà, mình anh tán đồng việc hôn phối của Trường.

– Thời buổi này không còn giai cấp nữa, bên Âu châu người ta đã tự do luyến ái rồi, nước Việt nam mình cũng đã thay đổi, chỉ còn nhà này là hủ lậu. Chú nó yêu ai thì chú nó lấy, không ai ngăn cấm ai. Tôi đã bảo là tôi xuất tiền chợ nuôi thím ấy, không việc gì phải bàn cãi nữa!

Như thế cả nhà chồng đành chấp thuận chỉ vì anh cả đã chấp thuận. Những ngày sau Chuyên bắt đầu học làm dâu, nàng bỡ ngỡ thấy chồng và anh cả ít nói chuyện, luôn luôn cả hai giữ một khoảng cách, gần như họ chỉ làm anh em vì bổn phận. Chuyên cùng bàn với Trường ra gặp riêng anh cả để cám ơn, nhưng Trường đã gạt đi bảo là không

có anh cả, Trường vẫn lấy nàng. Lời nói của Trường khiến Chuyên cảm động, nhưng đồng thời nàng cũng thấy chồng mình có đôi chút vô ơn, vì dù sao hai vợ chồng nàng không có đi làm, tiền nong trong nhà tiêu xài đều do một tay anh cả đem về. Nghĩ thế nên Chuyên luôn luôn nghĩ mình phải đền đáp ơn này.

Mà anh cả có cuộc sống lạ lắm. Mỗi bận ra đường thấy có nhiều người nhìn anh vì anh mặc áo hoa hòe, anh cả không xấu hổ mà còn tỏ ra hãnh diện. Anh cả ít khi về nhà ban đêm, chỉ ghé về ban trưa, dùng bữa qua loa rồi lên ngay phòng riêng nghe nhạc. Căn phòng anh cả thì thật bề bộn, mà cũng không ai được phép bước chân vào, kể cả ông bà Giáo. Một bận cô Dung lẻn vào lục lọi đĩa hát, bị anh cả bắt được tát cho hai bạt tai và bị mắng như tát nước, nào là không biết phép lịch sự, không văn minh. Từ đó cô Dung chẳng bao giờ còn dám bén mảng. Chỉ đối với em dâu là anh cả hình như tỏ ra dễ dãi, những buổi trưa chờ Chuyên rửa bát xong, anh thường cho gọi lên phòng nhờ dọn dẹp hộ. Anh không bao giờ to tiếng với nàng, lắm khi cao hứng anh cả còn giữ nàng lại hỏi han:

– Thím ở nhà không bị con Dung ăn hiếp chứ?

– Thưa anh không...

– Có thì thím cứ nói, không phải sợ, anh còn lạ gì con ấy.

– Thưa anh không có đâu.

– Ừ, không có thì tốt, nhưng này, thím vào buồng quét tước thấy phòng anh thế nào? Bừa bộn quá phải không?

– Dạ, tuy không gọn ghẽ nhưng có nhiều thứ lạ mắt.

– Ừ, thím giả nhời anh chịu. Gọn ghẽ thì nhất định không gọn, nhưng bừa bộn phóng túng bây giờ là nếp sống mới, một phản đối những giá trị cổ xưa. Cả thế giới này là một khối hỗn độn vô trật tự, tại sao căn buồng anh lại phải ngăn nắp? Thím thấy không, bao nhiêu thế kỷ loài người cố công tạo sự ngăn nắp cho xã hội, rồi cũng thất bại đành phục tùng quy luật của tự nhiên. Còn những món đồ này lạ thì tất chúng phải lạ, anh không thích những đồ vật sao mẫu thông thường. Đây anh cho thím chiếc gương soi này đem về mà dùng. Những hình chạm trên ấy đều có ý nghĩa hiện sinh cả đấy!

– Dạ, thưa em không dám nhận.

– Cầm lấy! Anh cho không lấy anh giận!

Anh cả dúi vào tay Chuyên tấm gương nhỏ bằng đồng, ở mặt sau có chạm nhiều hình người trần truồng ôm nhau. Chuyên cầm lấy mà đỏ mặt, vội vã xin phép xuống nhà dưới.

Lần nào cũng vậy, mỗi khi câu chuyện ngã vào nhánh rẽ của chủ nghĩa "tự nhiên" là Chuyên đều thấy bối rối, phải xin phép ra khỏi buồng anh cả. Tỉ dụ như buổi trưa cách đây không lâu, cả nhà đi vắng hết, Chuyên đang ngồi một mình nhặt đỗ thì anh cả về. Anh đậu chiếc traction đen trước cửa nhà, đĩnh đạc bước vào, tay ôm một gói hàng. Trông thấy nàng, anh cả cười bảo:

– Thím lên lầu anh cho xem cái này.

Anh cả rỡ từ trong gói giấy một chiếc áo dài hàng vải mỏng. Chuyên ngây người nhìn chiếc áo lúc anh cả giơ cao phập phồng tung bay hai vạt áo dài nhè nhẹ, bay bay. Anh cả rũ thêm mấy cái cho chiếc áo thật thẳng, vuốt lại ống tay áo hơi bị nhăn rồi nói:

– Thím thấy gì nào?

– Dạ đẹp quá, chắc anh mua làm quà cho cô Dung?

– Mua cho thím đấy chứ!

– Cho em?

Chuyên chợt thấy tâm hồn nàng xốn xang, rối rắm, bấn loạn như có ai đang lấy trống đập thùm thụp trong lòng. Suốt đời nàng, ngoại trừ chiếc áo dài của mẹ cho ngày cưới mà Chuyên cất kỹ sợ làm hư kỷ niệm đẹp nhất của cả đời con gái, những chiếc áo dài khác do nàng may lấy, hàng vải xấu rất thô kệch. Chiếc áo dài trong tay anh cả mềm nõn, rõ ràng là hàng lụa tốt, đường chỉ may đến là khéo. Nhưng Chuyên biết nàng không được phép nhận. Chuyên còn nhớ hôm khoe chồng chiếc gương chạm của anh cả, đã bị Trường cau mày bắt đem trả. Chuyên nhớ mãi cái cau mày không hài lòng của chồng, nhưng nàng không đủ can đảm đem trả, đành giấu đi.

– Anh trông thím có mấy chiếc áo dài đã cũ quá, sờn hết khuỷu tay, thím đem áo này về mà mặc. Mà thím vẫn chưa thấy gì à? Nhìn cổ áo xem.

Nghe bảo Chuyên mới để ý thấy cổ áo xẻ từ vai này sang vai kia, mà từ nãy bận ngắm hàng vải nàng không nhận ra. Chuyên đứng ngây người nhìn một chiếc áo dài không có cổ áo.

– Ấy chết! Họ cắt hỏng à?

– Hỏng vào đâu! Kiểu bây giờ thế đấy. Áo dài cổ cao thời buổi này không ai mặc nữa. Thiếu nữ Hà nội di cư vào Nam bây giờ vận toàn kiểu này.

– Lạ quá, em chưa nom thấy bao giờ.

Anh cả cười thành tiếng, trông anh có vẻ đắc ý, anh rút ngay một tờ báo giữa khe tủ đưa cho Chuyên.

– Thím xem, đây là bà Trần thị Lệ Xuân, người vẽ ra kiểu áo tân thời. Đâu thím mặc vào anh xem có vừa không?

– Áo hở cổ thế này ngượng lắm, em chịu thôi!

– Người ta là đệ nhất phu nhân còn không sợ đàm tiếu, thím không việc gì phải ngượng, anh mua không mặc anh giận!

Chuyên quýnh quáng, nửa muốn từ chối, nửa ao ước muốn thử chiếc áo đẹp nhất đời nàng. Chuyên đã dặn lòng không bao giờ phải để cho Trường cau mày nữa, nhưng anh cả nài ép quá, Chuyên đành xiêu lòng. Nàng cố dặn lòng chỉ ướm thử thôi rồi trả lại anh cả ngay, như thế Trường sẽ không biết.

Chuyên về phòng thay áo, lúc trở lên anh cả đang ngồi hút thuốc. Anh nhìn Chuyên thật lạ, nửa hài lòng, nửa đăm chiêu, dường như anh suy nghĩ lung lắm. Chuyên đứng khép nép ở cửa buồng, thấy xấu hổ thế nào. Chỉ có một chút cổ để hở và khoảng vai trần mà Chuyên thấy như mình không mặc áo, gió nhè nhẹ từ cửa sổ thổi lay vào cứ mơn man quấn quýt ở chỗ da thịt ấy.

– Hợp với thím lắm, vào đây anh xem.

Anh cả đứng lên cầm lấy tay Chuyên có ý bảo nàng đứng ra chỗ sáng cho anh ngắm. Chuyên vâng lời, nhưng rút vội tay, đầu cúi gằm không dám ngẩng lên. Bàn tay anh cả lúc nãy chạm vào tay nàng nóng ran.

– Thím hơi ốm, nhưng vận áo dài lại hợp. Đàn bà thời nay họ tham lắm, người cứ béo đẫy!

Anh cả vẫn giữ giọng tự nhiên, ngắm ngía nàng một lúc rồi mới trở ra ghế ngồi, nhìn nàng chăm chú:

– Chịu khó may mặc, thay đổi y phục cho hợp thời trang không phải là một cái tội. Chỉ có gia đình này cổ hủ không chịu hiểu. Cả nhà không thích anh diện áo hoa hòe, anh vẫn diện. Không muốn anh chơi nhạc Tây, học nhẩy đầm, anh vẫn cứ làm. Quan trọng là sống theo sở thích mình. Họ hàng có người xấu miệng bảo anh sống phóng đãng!

không phóng đãng thì bây giờ cả nhà này đói không biết trông vào ai! Anh cho thím hay, chắc thím chưa biết là anh là giáo sư dạy vũ trên tỉnh. Buổi sáng anh mở cours, tối điều khiển giàn nhạc khiêu vũ cho mấy cái hotel lớn. À không, thời buổi này làm gì còn giàn nhạc xập xình với anh Tây đen thổi saxophone nữa. Chúng anh có máy quay đĩa, tương tự như cái máy này nhưng lớn hơn nhiều và có đến sáu cặp loa chứ không phải một.

Anh cả bập bập thuốc, thả khói, vẫn nhìn Chuyên không rời mắt. Anh ngừng một phút rồi tiếp.

– Chú Trường là cái thằng dại. Thím nên lựa lời mà bảo, thời buổi này không ai nhốt vợ ở nhà nữa. Cũng không ai còn mơ mộng làm cách mệnh. Lỗi thời rồi! Bảo chú ấy dẹp những tư tưởng hão huyền ấy đi. Thím nói với chú ấy là muốn đổi mới, thì trước tiên hãy đổi mới chính cuộc sống của chú ấy đã. Thời buổi này mà còn mang giá ra đồng vẽ tranh theo trường phái lãng mạn là lạc hậu rồi. Tranh không nuôi sống chú ấy, tư tưởng chống chính phủ đòi thiện mỹ xã hội không nuôi sống chú ấy. Tốt hơn là kiếm một cái nghề thiết thực sinh nhai, có trụy lạc cũng được, còn hơn là cứ mơ mộng như người đi trên mây! Thím nên bảo chú nó dẫn đi chơi đây đó, cho biết với người ta, đi nhẩy đầm chẳng hạn...

Chuyên đứng im thin thít không dám bàn cãi điều gì, kể từ hôm đó nàng hiểu tại sao chồng mình và anh cả lạnh nhạt, xung khắc với nhau. Có lẽ giữa hai người đã xẩy ra nhiều cuộc tranh luận gay gắt lắm rồi.

– Lại nói chuyện nhẩy đầm, hôm nào rảnh anh sẽ dạy thím một vài bài bản. Dễ lắm, thím chịu khó luyện tập một đôi lần sẽ thuộc ngay. Người thím dong dỏng thế này, nhảy anh cam đoan là đẹp. Thím nhớ lời anh nói, thời buổi này đàn bà không như trước nữa, ở bên Âu Mỹ người ta còn tự do luyến ái nữa kia...

Giống bao lần trước, mỗi khi nghe nhắc đến hai chữ "luyến ái" là Chuyên đỏ bừng mặt, lính quýnh như vừa làm một việc gì đáng hổ thẹn. Nàng hấp tấp xin phép về phòng. Xuống nhà dưới rồi Chuyên mới nhớ phải thay áo dài trả cho anh cả. Chuyên chỉ mới bật được hàng nút bóp ở hông thì anh cả đã ra đánh xe đi. Nàng hẹn lòng sẽ trả áo ngày mai, nhưng rồi lần nữa, ngày một ngày hai, mở ra xếp vào, Chuyên cứ bị dằng co với ý nghĩ rồi chẳng bao giờ nàng có được tấm áo đẹp như thế

này. Thời gian qua, chiếc áo dài nằm chết trong xó tủ, dưới đáy những tấm mền len cũ.

*

Sở dĩ Chuyên có nhiều dịp chuyện trò riêng với anh cả, vì buổi trưa bà Giáo thường sang nhà bạn đánh tứ sắc, Ông Giáo sau bữa cơm hay ra quán chuyện văn với dăm bạn già tiếc nhớ thời tiền chiến. Cô Dung thì từ ngày ghi tên học thêu, vừa buông đũa là quày quả cắp giỏ đi mất. Còn Trường, chồng nàng vắng nhà luôn như muốn lánh mặt vợ. Vào mùa hè, trưa nắng vắng vẻ ngồi lẩy đậu một mình ngoài sân, Chuyên thường hồi tưởng lại khoảng thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau. Trường ngay từ đầu đã kín đáo, giấu giếm chuyện riêng, ít khi bàn tính với nàng. Nhận được bức thư mời đi triển lãm tranh, Trường không khoe với nàng, chỉ cắm cúi một mình tô vẽ, nắn nót đồ lại một nét họa đã phai, chùi lại một tấm tranh đã cũ, đánh dầu bóng cho một bức khác, Trường lặng lẽ làm một mình, âm thầm đơn độc sửa soạn nỗi si mê riêng rẽ, giống như Trường âm thầm yêu nàng mà không bao giờ thổ lộ. Ngày triển lãm, Trường cũng chỉ khẽ dặn:

– Anh lên tỉnh chút việc, chắc đôi ba ngày mới về, em đừng đợi.

Trường nhỏ nhẹ bình thản, nhưng nhìn trong mắt chồng, Chuyên biết chồng nàng hồi hộp lắm. Có người họa sĩ nào không hồi hộp ngày đem tác phẩm của mình ra trình quan khách. Trường là người họa sĩ yếu đuối đó, song lại không muốn vợ trông thấy chút tâm tư yếu ớt của mình. Và Trường ra đi, đem theo mớ tranh gói cuộn trong giấy dầu, buộc nơi yên sau chiếc solex mượn của cha chồng Chuyên.

Mãi hơn một tuần sau Trường mới trở về, không tranh, không solex.

Chuyên thấy chồng đi bộ từ đầu ngõ, vẻ mặt bơ phờ uể oải. Nàng chạy ra sân đón, nhưng Trường hoàn toàn hờ hững không mấy vồn vã gặp lại vợ. Chuyên nắm tay chồng hỏi:

– Xe anh đâu, có bán được tranh không?

Trường quay lại và Chuyên nhớ mãi khuôn mặt chồng khi ấy. Khuôn mặt tiều tụy thất thần như của người bịnh suy nhược. Sự đau đớn về tinh thần hay thể chất hiện rõ trong mắt Trường. Cái khuôn mặt đầy bất lực, bi phẫn đó nói với Chuyên là nàng đã hỏi chồng một câu hỏi quá khắc nghiệt. Chuyên chợt hiểu cuộc triển lãm đã thất bại, và hơn thế nữa, một chuyện phỉ báng ghê ghớm lắm đã xảy ra với mớ

tranh của chồng. Nàng còn đang tìm lời an ủi, thì Trường đã chậm rãi gỡ tay Chuyên, khe khẽ lắc đầu bước vào nhà trong. Chuyên sẽ không bao giờ còn thấy chồng cầm lấy cọ vẽ, hay nghe nhắc đến hội họa. Chiếc xe solex thì Chuyên biết chồng đã bán đi để tiêu xài, vì tối ấy nàng nghe ông Giáo chất vấn Trường, có tiếng cãi cọ qua lại, rồi tiếng dép của Trường bước vội ra sân đi mất.

Lúc mới lấy nhau, còn trong vòng trăng mật, hai vợ chồng đã ít gần gũi nhau. Nhưng Chuyên luôn đón bắt được ánh mắt chồng ngắm nàng say mê, giống như khi Trường ngắm một bức họa ưng ý. Nhiều khi Chuyên vừa tắm xong, chưa kịp hong tóc, còn đang tìm lược và khăn lau thì Trường bước vào. Trường nhìn sững nàng lúc đó. Chuyên bắt gặp lại vẻ mê man đê mê của chồng đêm đầu tiên hai người đối mặt nhau ngoài giếng. Ánh mắt Trường níu lấy những giọt nước từ chân tóc nàng đang nhỏ giọt. Chuyên vừa mắc cở vừa sung sướng được chồng ngắm. Nàng biết chồng yêu cái hình ảnh của đêm trăng sáng, hoang sơ, lãng đãng, nàng xối nước tắm ở bờ giếng. Chuyên thấy trong nhiều bức tranh chồng nàng cố gắng vẽ lại khung cảnh ấy. Một khoảng sân tối sáng, một bờ giếng sâu, vầng trăng tròn ửng rọi xuống toàn cảnh, lóng lánh ở cái quai gầu nước nằm trơ vơ... chỉ thiếu có nàng. Chuyên không rõ có phải Trường không muốn vẽ nàng, hay vì không thể vẽ thiếu người mẫu – nhưng trong tranh – bên giếng nước, chỗ Chuyên đã đứng, lớp sơn dầu rất dầy như thể Trường đã đắp điếm, bôi xóa một hình thể nào đó. Chuyên đã tự nhủ, nếu Trường muốn, nàng sẽ mặc lại bộ áo bà ba của đêm đó, khi tắm cho Trường vẽ. Nhưng Trường không bao giờ ngỏ ý, đòi hỏi nàng điều gì. Những buổi tối vợ chồng, Trường rất rụt rè, chỉ ngồi bên giường nói miên man về những ý niệm xa xôi trừu tượng mà Trường ấp ủ. Trường quên rằng chính nàng mới là người cần ôm ấp. Chuyên thường thấy chồng nói say mê về những hoài bão vô định, hay phê phán gay gắt về những sáo ngữ "cần kiệm, liêm chính...", khi ấy Trường mất đi sự dè dặt lúng túng mỗi buổi tối gần vợ, để trở thành đam mê cuồng nhiệt. Nhưng những phút giây mà Trường sống hết mình cũng rất ngắn ngủi. Khi nhận ra vợ còn quá nhỏ để hiểu, Trường trở nên buồn bã thất vọng bỏ ra ngoài.

Giữa hai vợ chồng có một màn lụa mỏng ngăn cách. Chuyên biết chồng có nhiều lý tưởng, nhưng không hiểu được những lý tưởng ấy. Trường không có cố gắng thiết thực nào để bảo vệ hạnh phúc lứa đôi.

Chuyên về nhà chồng đã một năm. "Con gái mười bảy, bẻ gẫy sừng trâu", mà Trường không chịu hiểu. Những lần Trường đến ngồi bên giường vuốt ve nhè nhẹ bấp tay trần của Chuyên, những lần đó thật ít ỏi. Trường hay ngập ngừng, mấp mấy môi, chớp mắt như muốn đè nén cảm xúc bồi hồi trong lòng. Chuyên muốn hai vợ chồng gần nhau, nàng với tay tắt ngọn đèn đêm cho gian buồng chìm vào mờ tối. Trường luôn chờ đợi nàng làm cái cử chỉ đó rồi mới dám cúi xuống, đặt một nụ hôn nhẹ nhàng lên trán nàng, một lần duy nhất Trường bạo dạn hôn lên môi Chuyên xong vội vã quay đi như mặc cảm vừa làm vấy ố một bức tranh quý. Chuyên luôn luôn nhắm mắt những khi ấy, giống đêm hợp cẩn, nàng nhắm mắt nằm yên cho chồng mơn trớn. Khi nhắm mắt nàng tưởng tượng sống mũi xương, đôi mắt sâu, hai bàn tay mảnh khảnh của chồng đang di chuyển trên người, khi sờ soạng thân thể, lúc nắm chặt bàn tay nàng. Hơi thở của Trường không khi nào dồn dập, rất nhẹ, chỉ hơi đứt quãng im lặng để rồi trở lại ấm áp trên mặt nàng. Chuyên hình dung rất nhiều. Nàng tưởng tượng chồng đang cầm cọ vẽ, tô điểm, phác họa trên người mình. Chuyên không bao giờ dám động đậy, nằm yên sống khoảng thời khắc thân mật ngắn ngủi của hai người. Nhưng Chuyên cũng không cảm giác gì nhiều, giống ở đêm hợp cẩn chỉ có những đầu ngón tay Trường mân mê, rất dịu dàng rồi thôi. Cho đến một đêm, Chuyên bất thần mở mắt. Hình ảnh chồng khi ấy đầy đau khổ khác hẳn những gì nàng mường tượng. Qua liếp phến cửa, ánh trăng xanh xao phết lên người Trường oằn oại đang cố gắng làm một động tác ân ái. Chuyên thấy chồng đau khổ như hôm đi triển lãm tranh về, vẻ yếu đuối tuyệt vọng tàn phá khuôn mặt. Trường vã tháo mồ hôi và toàn thân run rẩy. Ngỡ chồng bệnh, Chuyên hoảng hốt gọi. Trường ngẩng bật lên, nhìn nàng chăm chăm, trông thấy vợ mở mắt, sự đau khổ như tăng lên gấp bội. Đôi mắt Trường bối rối che dấu một mặc cảm bất lực, bất xứng nào đó mà Chuyên không rõ. Và Trường đột ngột rời giường bỏ ra phòng ngoài. Sau hôm triển lãm tranh, sau đêm vợ chồng đó, Trường tránh né những thân mật riêng tư, thường đi thật khuya mới về nhà và ngủ ở đi văng. Trong nhà cô Dung bắt đầu xầm xì nói xấu nàng không biết chiều chuộng anh trai. Bà Giáo cũng chiếu những tia nhìn soi mói, dò hỏi. Nhưng chính Chuyên cũng không hiểu chuyện gì đã xẩy ra, không thể cắt nghĩa giải thích cho mẹ chồng. Chỉ có cha chồng nàng là không quan tâm và anh cả chỉ cười nhạt. Nhưng lâu dần mọi người quen với lối sống kỳ quặc của Trường. Việc Trường vắng nhà luôn trở thành bình thường, tối cũng như sáng. Nhà chồng không đếm xỉa đến

nữa chuyện gia đình nàng. "Khôn nhờ, dại chịu", miễn sao bề ngoài "cơm lành, canh ngọt" là được. Hằng đêm Chuyên trăn trở một mình, cảm thấy đang đánh mất hạnh phúc. Trường tránh gặp riêng vợ, càng thu rút vào thế giới riêng của mình Trường. Những buổi tối Chuyên thường ngồi hàng giờ bên song cửa chờ tiếng chân của chồng. Nhưng chỉ có tiếng guốc khua lộc cộc của cô Dung. Đến một lúc nào đó, Chuyên chợt nhận ra nàng không còn chờ đợi nữa, Trường đã biến thành một phần của gia đình chồng, một người trong gia đình của ông bà Giáo mà Chuyên phải giặt dũ, dọn ăn, chứ không còn là chồng của nàng nữa.

*

Trong sự trống vắng vợ chồng đó, thì Lãm xuất hiện. Chuyên không nhớ người thanh niên trọ học nhà bên xuất hiện trong cuộc sống nàng khi nào. Lãm còn khá trẻ, chỉ trạc tuổi nàng hay lớn hơn chút ít. Nhưng ánh mắt thầm lặng của người thanh niên đã từ lâu từ bên kia hàng giậu dõi sang. Ánh mắt trìu mến tương tư, tia nhìn vụng dại bẽn lẽn. Chuyên chỉ nhận ra điều ấy khi bắt gặp nàng bới tóc, chải lại đầu, sửa lại vạt áo trước gương, mỗi khi sắp bước ra vườn phơi đồ giặt. Khuôn mặt Lãm mỗi khi nép sau thân cây ngọc lan len lén nhìn nàng cũng mang vẻ si mê, y như Trường đêm đầu tiên ngoài giếng. Lãm cũng rụt rè, thư sinh và ít nói như Trường. Mỗi bận chợt trông thấy nhau trong vườn, ngăn cách bằng một hàng giậu hoa hẹp, cả hai chỉ trao đổi với nhau một câu ngắn.

– Chào cậu Lãm.

– Chào chị Chuyên.

Rồi Lãm vội vã trở vào nhà, còn Chuyên cũng thấy mặt nàng nóng bừng như vừa phạm tội. Chuyện lạ lùng thấy mình chăm ra vườn làm công chuyện. Tưới cây, quét lá, nhặt thóc và giữa những tấm khăn phơi trên hàng dây thép, là đôi mắt si tình đeo đuổi nàng. Bức thư tình đầu tiên cài giữa hàng giậu hoa chép bài "Cô Láng Giềng". Chuyên bồi hồi đọc từng hàng chữ của Lãm nắn nót viết trên giấy màu xanh. Nàng bồi hồi với bức thư tỏ tình của người thanh niên. Lá thư thứ nhì Lãm chép một bài thơ tình khác, kèm theo một trang nhật ký viết riêng cho nàng. Chuyên xúc động lắm. Nàng lấy chồng nhưng vẫn mang tâm hồn con gái, dễ rung cảm với những vần thơ. Những câu chuyện tình thơ mộng đọc trước khi lấy Trường vẫn chưa ra khỏi ký ức nàng. Chuyên cũng nhận ra giữa nàng và Trường chưa hề có khoảng thời gian đeo đuổi,

đón đưa thơ mộng. Lãm vừa khơi dậy trong lòng những tình cảm lãng mạn, trăng gió đẹp đẽ ấy. Hai người vẫn gặp nhau trong vườn, vẫn lặng lẽ chào hỏi như chưa có những lá thư tỏ tình đó. "Tình trong như đã, mặt ngoài còn e?" Chuyên tự hỏi nàng rồi lắc đầu quả quyết rằng không. Nàng không yêu Lãm. Nhưng trong thâm tâm khi tự hỏi điều đó, Chuyên đã yếu lòng mà không biết, và Lãm luôn ngóng ở vườn bên với những lá thư tình cài giữa hàng giậu, chờ đợi một hồi âm.

Thời gian ấy, lòng Chuyên rối lắm. Nàng tiếp tục nhận thư mà không dám trả lời, không dám cắt nghĩa vợ chồng với Trường. Giữa Lãm và nàng vẫn có một hàng giậu. Nhưng hàng giậu vẫn đưa thư, những bức thư ngày một thêm dài, lời lẽ tha thiết, chân thành, khẩn khoản. Để trốn Lãm, Chuyên thường lên phòng anh cả những giấc trưa, chuyện trò với anh cả cho đến hai giờ chiều, giờ mà Chuyên biết rằng Lãm phải đi học. Chuyên bắt đầu lo ngại nhà chồng đoán biết mối tình vụng trộn của Lãm. Nàng lơi ra vườn, tránh gặp người thanh niên. Nhưng Chuyên vẫn không đủ can đảm từ chối những bức tình thư say đắm. Anh cả đến là tinh ý, nhận ra sự đổi thay ở người em dâu.

– Thím có chuyện buồn phải không?

Anh cả bảo nàng ngồi xuống ghế đối diện, ân cần hỏi han. Anh cầm lấy bàn tay Chuyên lạnh ướt mồ hôi vì lo lắng. Hơi ấm từ bàn tay anh cả truyền sang tay nàng như hơi lửa.

– Anh biết cả, thím còn trẻ quá, có chuyện gì thì nói anh nghe. Giúp được gì anh giúp.

– Dạ thưa anh, không có chuyện gì cả.

– Không có chuyện gì mà sao thím không dám nhìn anh? Cứ nói, anh đã hết lòng với thím. Thím không coi anh là người nhà à?

Anh cả bóp khẽ năm ngón tay nàng. Chuyên thấy mình run rẩy và hơi nóng từ bàn tay rắn rỏi kia lan dần, xâm chiếm lấy nàng. Buổi trưa, nắng nung trên mái tôn hầm hơi, cánh quạt trần quay từng vòng tròn xoắn lại trong đầu nàng.

– Thưa anh không có gì đâu.

Chuyên mím môi nói với anh cả, nhưng thật ra là để quả quyết với nàng.

– Không có thì thôi, sao lại hãi thế. Thím đã quyết thì anh tin. Thôi ngồi đây anh cho nghe bản nhạc.

Tiếng nhạc xập xình từ máy đĩa. Chuyên bối rối nhìn khoảng tường có tấm bích chương "Tình Yêu Không Biên Giới".

– Thím biết đó, thời buổi này bên Âu châu người ta đã có phong trào giải phóng phụ nữ. Thím còn trẻ quá, không nên lãng phí cuộc đời mình như vậy. Chuyên ngửng lên, bắt gặp tia mắt sáng mạnh mẽ dị thường của anh cả đang chăm chú theo dõi nàng. "Anh biết cả!" Anh cả vừa lập lại ba chữ lúc nãy. Anh cả biết chuyện của nàng với Trường, hay với Lãm? Chuyên ngượng nhịu đứng lên xin phép về buồng.

*

Chuyên viết cho Lãm một bức thư duy nhất, nói nàng không thể yêu Lãm. Nhưng thư trao rồi Chuyên mới biết mình lầm lẫn. Thay vì nói rõ nàng không chấp nhận mối tình của người thanh niên, Chuyên chỉ viết là nàng không thể... Và Lãm hiểu khác đi, Chuyên không thể vì đã có chồng, Lãm biết điều đó và người thanh niên viết thư trả lời rằng anh ta hiểu, nhưng không thể không yêu nàng. Lãm còn cho đó là sự từ chối ban đầu, Lãm đã có một nét chữ của người mình yêu. Anh mê mải chép thư tình gửi sang.

Để trốn Lãm, Chuyên chuyện trò với anh cả thường hơn, vì nàng còn biết nói chuyện với ai khác. Chuyên đã quen cách nói chuyện "tự nhiên" của anh cả. Quen ba chữ "thời buổi này". Quen cả với chủ nghĩa tự nhiên mà anh cả thường hay giảng giải cho nàng, về lối sống phóng khoáng của Âu tây. Chuyên lên phòng anh cả thường lắm. Nàng tập cả nghe nhạc, đọc sách. Anh cả chỉ vẽ cho nàng một vài bản mà anh ưng ý. Chuyên cũng cảm thấy hãnh diện khi anh cả khen nàng nhẩy khéo, không cứng người mà rất dịu. Lâu ngày Chuyên thấy anh cả rất có duyên, không nghiêm khắc như đối với Trường và cô Dung. Anh cả biết làm nàng bật cười khanh khách với những mẩu chuyện vui anh thâu nhặt trong các phòng trà trên tỉnh. Bên anh cả, Chuyên bỗng thấy Lãm thật con nít và Trường quá khô khan. Có lần nàng trộm nghĩ ai được làm vợ anh cả, hẳn là phải có phúc. Một hôm mưa rào rào trên máng xối, nổ tí tách vui tai lên mái tôn, Chuyên nảy ra ý định đưa những bức thư của Lãm cho anh xem. Người thanh niên vẫn gửi thư cho nàng đều đặn, lời lẽ mỗi lúc một tha thiết, sầu thương vì bị Chuyên lánh mặt. Chuyên không hiểu sao khi trao thơ của Lãm cho anh cả, nàng lại có nụ cười thật lém lỉnh:

– Anh xem, cậu Lãm to gan đến thế!

Buột miệng rồi Chuyên mới thấy ân hận. Nàng nhìn ra cửa sổ, mưa đang kéo về xầm xập, giòn dã. Mưa rưới từng lớp rì rào như tiếng lòng

của Lãm ở nhà bên gọi nàng. Chuyên giật mình vì anh cả đến đứng sau lưng.

– Biết chép cả thơ Nguyễn Bính, Xuân Diệu cơ à. Khá thật!

Lần đầu tiên anh cả đặt hai bàn tay lên vai nàng, Chuyên thấy nóng bỏng cả lưng. Như có ai hơ lửa sau gáy. Đốm lửa cháy lan khắp cả châu thân nàng. Chuyên sợ quá, đưa vội tay gỡ tay anh cả. Nhưng bàn tay nàng bị bàn tay anh cả giữ ngay lấy. Bàn tay kia vẫn siết chậm chạp lấy vai nàng. Giọng anh cả nửa nghiêm khắc, nửa "tự nhiên" vang lên:

– Anh biết mọi chuyện, thím đừng giấu anh. Đã lâu rồi thím mất ngủ phải không? Con Dung nói cho anh hay cả. Thím yên tâm, anh đã mắng và cấm nó không được nhìn trộm qua ổ khoá buồng thím, như thế là bất lịch sự. Anh biết là thím cô đơn lắm, vì thế anh rất thương thím!

Giọng nói rắn rỏi của anh cả vẫn vang lên đều đều, đầy tự tin thuyết phục. Chuyên ngồi bất động trên ghế đẩu. Hai bàn tay anh cả bấu vào vai nàng cùng với cơn mưa ngoài cửa sổ không ngừng châm chích. Chuyên muốn đứng lên, nhưng những lời nói uy quyền của anh cả cùng mười ngón tay than hồng đè nàng xuống.

– Thím cần tình thương, cần gặp gỡ, cần một người bên cạnh, cần sống như một người đàn bà đúng nghĩa. Anh xem thím như em gái anh. Con Dung nó không xứng đáng với tình thương của anh. Chắc thím cũng thấy anh dành nhiều thì giờ cho thím, anh muốn chỉ bảo thêm cho thím nhiều điều mà anh chưa tiện nói ra... Việc cậu Lãm thì anh không cấm. Anh chủ trương phóng khoáng trong vấn đề tình cảm. Thím có quyền gặp gỡ và trao đổi thư từ với cậu ấy, xem như cậu Lãm là bạn trai, miễn sao đừng đi quá và với một điều kiện là thư từ phải cho anh xem.

Anh cả còn nói rất nhiều nhưng Chuyên không nhớ hết. Nàng như bị lên cơn sốt nóng, lửa đốt bừng bừng trong người. Và mười ngón tay mạnh mẽ của anh cả cứ xoa đều lưng nàng. Chưa bao giờ Chuyên cảm nhận sự hiện diện của một người đàn ông mạnh mẽ đến như thế. Sự hiện diện quá gần của anh cả trấn áp nàng ngay từ phút đầu không cưỡng lại được. Những tiếng động lách tách của hột mưa đua nhau vỡ, lấn át tiếng tách nhỏ bé của hột nút bóp ở hông áo. Nhưng Chuyên nghe rõ lắm, âm thanh của tiếng chuông báo nguy kêu cứu trong đầu nàng. Nhưng đồng thời ngọn lửa tỏa khắp châu thân nàng cứ cháy phừng lên mãi. Người Chuyên nóng ran, hừng hực, những giọt mồ hôi

ràn rụa ở chân tóc. Chuyên bỗng nghĩ đến những giọt nước mà Trường cố níu giữ hôm nàng ở buồng tắm ra. Anh cả vừa đặt xấp thư của Lãm xuống mặt bàn, đỡ Chuyên đứng dậy. Anh cả ngồi xuống chỗ của nàng, vẫn đều đặn giảng giải về những khía cạnh tâm tình ẩn khuất trong thâm tâm con người. Chuyên như người mê không điều khiển được thân xác, trí óc nghĩ ngợi vẩn vơ nơi đâu. Nàng ngồi xuống, mà nhớ đến khuôn mặt Lãm có đôi mắt thầm lặng tương tư. Tiếng vải sột soạt làm Chuyên nghĩ đến những trang nhật trình mà ông Giáo hay xếp giở mỗi sáng. Một màu vải hiện ra trên sàn nhà làm Chuyên nghĩ đến chiếc áo dài cổ hở hôm nào anh cả tặng nàng. Căn nhà im ắng quá, chỉ có tiếng mưa rơi nặng nề trên mái, đang đâm vào da thịt nàng. Chuyên ngước mặt ra cửa sổ lúc anh cả nâng cằm nàng. Chuyên trông thấy một cảnh đồng quê rạng rỡ trong ráng chiều. Có đôi bò đực đi chậm chạp trên đường đê. Bố nàng đang lùa chúng đi mau với một cành lá kêu lập phập. Mẹ Chuyên gánh đôi quang gánh đi trước, lâu lâu gọi giục dã. Và Trường ngồi ở đó, bên đường với giá vẽ vừa ngưng tay nhìn nàng. Trường? Trường? Chồng nàng?

Chuyên kêu rú lên lúc cửa phòng anh cả bất ngờ bật mở. Trường hiện ra ở cửa mặt nhợt nhạt, nhăn nhúm. Tiếng chân của Trường vừa chạy lên thang lầu chưa tắt dồn dập. Khuôn mặt Trường lúc đó, không phải khuôn mặt mê đắm ở đêm trăng ngoài giếng, mà là khuôn mặt đau đớn tuyệt vọng bất xứng của đêm gần gũi vợ chồng sau cùng. Vợ chồng? Không, Chuyên đang ngồi trên lòng anh cả, nửa thân trên lõa lồ...

Chuyên úp mặt vào gối khóc nức nở. Căn buồng của hai vợ chồng ở tầng dưới hoang vắng âm u. Nàng khóc lịm trên giường, hãi hùng nghĩ đến lát nữa phải đối mặt với ông bà Giáo, cô Dung. Ngoài trời mưa đổ mỗi lúc một lớn. Mưa sắc như tiếng Bắc chanh chua của bố mẹ và em chồng. Mưa giận dữ như tiếng cãi vã to tiếng của anh cả với Trường ở lầu trên. Mưa vỗ thùm thụp trên mái tôn. Mưa không át nổi tiếng ly vỡ, tiếng đổ bể, ẩu đả giữa hai người đàn ông. Mưa vẫn vũ ngoài trời và mưa khóc ngất trong lòng nàng.

Chuyên rời nhà chồng cuối mùa mưa ấy.

Trần Vũ

*Khánh Trường*

# CÓ YÊU EM KHÔNG

*Văn Học số 46 trân trọng giới thiệu với quí độc giả truyện ngắn "Có Yêu Em Không" của Khánh Trường trích trong tập truyện ... được nhà xuất bản Tân Thư cho ra mắt một ngày gần đây. Tưởng cũng nên nhắc tới trước khi viết văn ông là một người lính, một họa sĩ và một thi sĩ. Hội họa cho ông một cái nhìn tới từng chi tiết thật nhỏ của mỗi sự kiện. Thi ca thúc đẩy sự suy nghĩ tới cùng và chiến tranh cho ông nỗi ám ảnh không ngừng nghỉ của sống và chết.*

*Truyện ngắn dưới đây có thể làm cho một số người đọc nhăn mặt, trách cứ. Dẫu vậy, nó vẫn là một mảng nhỏ của đời sống chúng ta trong hiện tại. Và nhà văn là gì? Phải chăng ông ta là người chụp ảnh lại cái xã hội ông đang sống với đầy đủ bề mặt và bề sâu? Và trong đời sống quả đã có những người như thế, những việc như thế xảy ra.*

*Văn Học trân trọng kính mời độc giả đi thẳng vào không khí truyện ngắn của nhà văn kiêm họa sĩ Khánh Trường.*

Căn nhà nằm sâu trong con hẻm nhỏ miệt Phú Thọ Hòa.

Những ngày nghỉ phép sau một cuộc hành quân dài, nhiều đêm Kh. với tôi thường la cà trong các snack bar dọc đường Nguyễn văn Thoại. Rượu, gái, phá phách... cho đến khuya, thậm chí gần gà gáy sáng, Kh. chở tôi về căn nhà đó trên chiếc honda 67. Ngồi sau yên xe, tôi vòng tay ôm eo ếch Kh., mặt tựa vào lưng hắn, không ngớt lảm nhảm la hét hay hát hỏng bỏm ỉ, có khi say quá, tôi nôn thốc tháo ra mặt lộ, nhớt dãi, thức ăn chưa tiêu hóa kịp vướng bê bết trên lưng áo rằn ri của Kh., hắn vừa cố điều khiển cho chiếc xe chạy ngay ngắn, vừa ngoạc mồm chửi rủa, *Đụ mẹ, uống như củ cặc... Đụ mẹ, bộ quần áo ông mới giặt ủi... Đụ mẹ, tao hất xuống đường chết tốt bây giờ...*. Nhưng tội nghiệp thằng khốn, miệng tuy nói thế, tay hắn vẫn quàng ra phía sau, ôm chặt lấy tôi, chỉ sợ tôi ngã xuống đường, vỡ sọ. Hắn vẫn thường lên lớp rất nghiêm trang: *Lính tráng, có chết, chết ngoài trận mạc, đừng có ngu dại chết vì cái lỗ, vì rượu, vì tai nạn giao thông... Hèn người đi.* Khi ngang qua khu nghĩa địa để vào con hẻm, lần nào tôi cũng buộc Kh. dừng xe cho tôi leo xuống, hoặc ói mửa, hoặc đái ỉa, hoặc bày trò liêu trai chí dị, tôi chân thấp chân cao len lỏi qua các hàng mộ bia, vừa đi, vừa lảm nhảm bậy

bạ, kêu gọi hồn ma bóng quế đội mồ lên tán dóc chơi, có khi tôi nằm lăn quay trên cỏ, trước tấm bia đá, dí mắt cố đọc tên người chết, rồi hai tay vòng ôm chiếc lư hương, giả vờ khóc lóc ca cẩm thảm thiết, *Sao không chết người trai khói lửa, mà chết người em gái hậu phương giữa xuân thì*... Kh. chạy theo tôi, dựng cổ dậy, lôi ra xe, ấn lên yên, *Đụ mẹ, khuya quá rồi, đừng có giở trò khỉ, về ngủ sáng mai còn vào trình diện*. Tôi cưỡng lại, nhưng sức lực tôi mấy lăm hơi so với Kh., hắn to như con bò mộng, hai vai u nần cục mịch, lưng gấu, ngực hổ, tôi như con nhái bén, hắn dễ dàng xách bổng tôi trên tay mà chẳng tốn bao nhiêu sức lao động. Qua khỏi nghĩa địa, bắt đầu vào con hẻm. Mùa mưa, con hẻn lầy lội như rừng núi sình lầy, chiếc xe rẽ nước chạy phăng phăng, bùn bắn qua hai bên rào rào, những ngọn đèn vàng cạch tù mù, có chỗ không có đèn, tối thui tối mò, Kh. phải chậm tốc độ dò dẫm. Căn nhà ở cuối hẻm, mái tôn lụp xụp, vách một bên bằng ván thùng và carton chắp vá vằn vện, được đề co bằng hàng trăm tờ báo mỹ mẽo tây tàu xanh đỏ vàng tím dán nối vào nhau, kín mít từ trần nhà đến chân vách. Một bên "ăn có" bức tường nhà hàng xóm, chẳng trát hồ quét vôi, trơ những viên táp lô xám ngoét lồi lõm trông rất... lập thể, dã thú.

Căn nhà nhỏ bằng cái lỗ mũi, phải dùng chiếc dù hoa phế thải căng ngang qua nhà đối diện bên kia con hẻm mới đủ chỗ kê bàn ghế cho bè bạn, bà con chòm xóm đến phúng điếu chia buồn. Giữa nhà, cố quan tài phủ quốc kỳ nằm choán gần hết chiều dài phòng khách. Trên nắp áo quan, hàng nến trắng cháy bập bùng, bức chân dung bán thân chụp Kh. cười tươi, áo hoa, mũ nồi, dây huân chương lòng thòng dựng phía sau ống lon sữa bò cắm nhang. Bức chân dung đen trắng, nhưng anh thợ chụp hình tài hoa nào đó đã "sáng tạo" thêm bằng cách tô đỏ cái nón nồi và tô vàng hai hoa mai cùng sợi huân chương, màu đen nguyên thủy của bức hình cộng với hai màu đỏ vàng, cũng nguyên thủy, đã biến chiếc mũ đỏ nhảy dù thành mũ nâu biệt động quân, biến hai hoa mai vàng chóe và sợi huân chương thành cái màu thâm xì thâm xịt không thể đặt tên. Cũng được, huynh đệ chi binh, nhảy dù hay biệt động quân thì cũng... phe ta, mai vàng hay mai xám xịt cũng cứ là... mai! Trước lon gạo đầy nhang, một bát cơm tròn vun cắm đôi đũa tre, ly nước lạnh bên cạnh, tàn tro rụng xuống phủ đầy. Bàn thờ bên góc trái, trên mặt bàn hình đức Phật ngồi kiết già, mắt nhắm thanh tịnh, hai chân đèn bằng đồng sáng bóng, lư hương, đĩa hoa quả, bình huệ trắng... Hoa, vợ Kh.,

bụng chửa thè lè, quỳ bên cạnh hai đứa con nhỏ, một trai, lên tám, một gái, lên sáu. Hai anh em mặt mày lem luốc, phờ phạc, thỉnh thoảng níu áo mẹ mếu máo. Hoa tái xám, thất thần, tiếng khóc không còn giữ nổi cường độ cao, cứ ri rỉ nghe như tiếng dế ngoài nghĩa trang những đêm khuya khoắt. Chiếc khăn tang trên đầu phủ lụp xụp đến vai, chiếc khăn tang làm khuôn mặt Hoa vốn xấu, càng xấu hơn. Khách khứa khá đông, bạn bè đồng ngũ, thuộc cấp, thượng cấp, láng giềng, thân quyến xếp hàng phúng điếu. Tôi đứng cạnh cỗ quan tài trao hương, Hoa và hai đứa nhỏ quỳ lạy trả lễ.

Gần xế chiều, khách thưa, tôi mệt đứng không muốn vững, đầu nhức như búa bổ. Suốt tuần nay, vừa về đến hậu cứ, tôi đã như cái chong chóng, chạy ngược chạy xuôi báo tin cho thân bằng quyến thuộc của Kh., đưa Hoa đến nghĩa trang nhận xác, chờ tẩm liệm, chờ ban nghi lễ trung đội chung sự hoàn tất thủ tục và truy điệu, mang xác về nhà, chỉ huy lính tráng căng dù, kê bàn ghế, mua sắm linh tinh vặt vãnh... Cả tuần mất ngủ, hai mí mắt mọng cứng cứ muốn sụp xuống. Tôi thèm đờ đẫn một giấc ngủ. Tôi nói nhỏ với Hoa:

– Anh mệt quá, lên nghỉ một chút. Có gì gọi anh.

Hoa gật đầu. Tôi vào nhà trong, lên gác, nằm chùi người trên mặt sàn, thở dốc. Tôi tưởng nằm xuống sẽ ngủ được ngay. Cổ họng khô đắng, chân tay rã rời, những vòng tròn ngũ sắc chấp chới trước mắt. Tôi nằm, mặt hướng lên mái tôn. Hơi nóng hừng hực phả xuống, đầu càng nhức bưng bưng, mồ hôi tươm ra ướt nhẹp dưới lưng. Tôi cởi áo, cởi luôn chiếc quần lính ném vào một góc, dạng chân tay nhắm mắt cố ngủ. Nhưng giấc ngủ không đến, giấc ngủ nhất định không đến.

Kh. đứng trên gò đất cao, hét khản giọng: *Thằng Toàn mang cây M60 qua góc trái... Rồi, bắn vào chỗ bụi cây kia cho tao... Không phải, bụi cây lớn phía sau đám tranh kia kìa... Đụ mẹ ngu như con bò. Tao bảo bụi cây sau đám tranh. Mầy không thấy lửa khạc ra chỗ đó sao?* Tiếng đại liên nổ thành chuỗi giòn giã, lá cây tung tóe, những chiếc nón tai bèo phóng chạy như biến vào góc rừng. *Tiểu đội khinh binh đâu? Theo tao.* Kh. nhảy xuống gò đất, khoát tay ra lệnh cho bọn lính, miệng không ngớt: *Lên, lên... lên mau...* Tôi chạy lúp xúp sau Kh., một thằng lính vượt qua mặt tôi, nó hét: *Chuẩn uý cúi thấp cái đầu xuống, coi chừng không có chỗ đội nón...* Tôi chưa kịp nhìn xem thằng lính là ai thì hắn bỗng bật ngửa ra sau, giãy đành đạch, cái nón sắt văng khỏi đầu, lăn long lóc vào

đám cỏ cao, cánh tay trái của hắn bung lên, đập vào ngực tôi, rơi xuống chân, co giật liên hồi. Tôi điếng người khiếp đảm, vội nhủi vào một gốc cây, úp mặt sau lớp vỏ sần sùi, tay chân tôi run bắn, cây súng trên tay chực muốn rớt. *Mẹ ơi, mẹ ơi, mẹ ơi...* Tôi lắp bắp như một thằng điên. Chung quanh tôi, tiếng đạn rít, tiếng B40 bùng bùng. Trên trời, chiếc khu trục chúi thấp đầu, hai tia lửa dài ngoằng phóng ra. Tiếng nổ váng óc, cột khói bùng cao... Tôi được bổ sung về trung đội của Kh. vừa tròn hai tháng, chưa nắm chức vụ gì, chỉ đi theo Kh. làm phụ tá, học hỏi kinh nghiệm chỉ huy. Vài lần trước cũng đụng trận lai rai, nhưng chẳng có gì đáng kể. Một hai viên đạn bắn sẻ, vài du kích bị khui hầm... Lần nầy mới thực sự chí chát. Tôi nhìn Kh. xông xáo, phục hắn sát đất. trông Kh. hùng dũng như một mãnh hổ. Tôi tự hỏi đến bao giờ mình mới có được sự tự tin bình tĩnh như thế?

Tôi xoay người đổi thế nằm. Mặt sàn gỗ ướt nhẫy. Bóng tối đã nhá nhem nhưng hơi nóng vẫn chưa thuyên giảm. Tôi nhìn xuống, qua khoảng hở của tấm màn giăng ngang lan can căn gác lửng. Hai vị sư đã tới, đang sắp xếp chuông mõ lên bàn thờ. Tôi muốn ngồi dậy trở xuống phụ giúp Hoa hết sức, nhưng sự mệt mỏi khiến tôi không thể nhúc nhích. Tôi thở dài thôi kệ, tự nhủ đêm nay sẽ trực quan tài cho Hoa nghỉ, bây giờ phải ngủ một chút. Tôi lại nhắm mắt.

Kh. thăng chức đại đội phó, giao trung đội lại cho tôi. Một năm xông pha trận mạc, tôi tương đối đã dạn dày. Nhưng nếu tôi không bổ sung về trung đội của Kh., nếu hắn không thăng chức, biết đâu cái chết đã không đến với hắn, cái chết vô duyên lãng xẹt. Nửa đêm, một trái pháo vu vơ rơi ngay hầm chỉ huy. Kh. chia ba với thằng tà lọt và tên lính truyền tin quả đạn. Khi đào hầm lên, phải cố gắng lắm bọn lính mới gom được một đống thịt xương trộn lẫn cùng đất cát. Phần Kh., tôi chỉ nhận ra hắn nhờ chiếc thẻ bài và hai cái hoa mai trên cổ áo. Cái chết đúng như lời một bài hát, *chết thật tình cờ...* Chết thật tình cờ! Phải, nhưng nhất định không *nằm chết như mơ!* Các ngài nghệ sĩ đôi khi lãng mạn một cách tàn nhẫn. Các ngài chẳng biết mẹ gì trận địa, thậm chí có ngài chưa từng thấy mặt ngang mũi dọc cây M.16 nó ra làm sao? Trái M.26 nó tròn méo thế nào so với trái MK.3? Nên trí tưởng tượng của các ngài đôi khi làm bọn lính tráng chúng tôi những muốn văng tục. *Chết như mơ!* Đụ mẹ, bảy năm trong một đơn vị tác chiến thực thụ, tôi chưa bao giờ nhìn thấy một cái chết *như mơ*! Chỉ có chết tan xương nát

thịt, như Kh., chết cụt đầu cụt tay, chết cháy đen giống cây than hầm, chết banh ngực lòi phèo lòi phổi, chết phơi bụng đổ ruột cứt dái lòng thòng..., như bao nhiêu thằng lính lớn lính nhỏ. *chết như mơ.* Đụ mẹ, nói phét cũng vừa thôi!

Có tiếng chân bước nhẹ nhàng lên thang gác. Tôi vẫn tiếp tục nhắn mắt. Tiếng chân đến gần bên, tiếng chân dừng lại. Mùi nước hoa rẻ tiền phảng phất trong không khí. Đàn bà. Ai? Tôi mở mắt. Lệ, cô em gái của Hoa, nhìn tôi cười nhẹ. Con nhỏ quỳ xuống, hai bắp đùi mập mạp căng tròn chiếc quần mỹ a trắng láng, vòng xì líp cong cong nổi rõ như một cánh cung, chiếc áo cánh quá chật căng hở những khoảng trống giữa các cúc áo, tôi nhìn thấy cái nịt vú màu mỡ gà mỏng tanh nâng hai gò vú lớn, trắng nhễ nhại.

– Anh đói không? xuống ăn chút gì đi. Con nhỏ nói.

Tôi hơi xoay nghiêng, co một chân lên. Khốn nạn! Dù mệt tắt thở, dù thằng bạn thân đang nằm dưới kia, trong bốn vách gỗ lạnh lẽo, cảm giác rạo rực vẫn cứ đến với tôi khi nhìn thân hình khiêu khích của con nhỏ. Tôi biết con nhỏ rất mết tôi, bao nhiêu lần đi chơi khuya với Kh., chính con nhỏ thức đợi mở cửa. Bao nhiêu lần tôi bắt gặp tia nhìn trộm đắm đuối của con nhỏ dành cho tôi. Bao nhiêu lần, có khi rất lộ liễu, con nhỏ săn sóc tôi từng miếng ăn, từng cái mặc. Bộ đồ mới thay ra, quay qua quay lại đã thấy con nhỏ mang xuống nhà sau ngâm giặt vội vàng, như sợ ai đó cướp mất cái quyền... hầu hạ! Tôi vốn thích món thịt heo ba chỉ chấm mắm nêm, lần nào tôi tới, con nhỏ cũng te tái ra chợ lựa thứ thịt ngon nhất, loại mắm tuyệt nhất, mớ rau tươi nhất để tôi... xơi! Kh. nói *con em vợ tao nó yêu mầy, muốn không, tao gả?* Tôi chỉ cười cười không trả lời. Một con vợ như thế kể có thích thật, tha hồ muốn làm trời làm đất gì cũng được tất. Nhưng hồi đó tôi còn trẻ, thiếu úy nhảy dù oai phong lẫm liệt, răng không hô, mắt không lác, chân không vòng kiềng, cao ráo sáng sủa trên trung bình, lại có thêm tí tài vặt vẽ vời lăng nhăng, thỉnh thoảng tên tuổi xuất hiện dưới một hai bài thơ trên nhật trình. Ngon lành thế mà đi lấy chị thợ may nhan sắc khiêm nhường, chỉ được cái tướng tá khỏe mạnh nẩy nở, thì "chuế" quá! Tôi cần vợ chứ đâu cần con sen, chị vú chuyên trị bổ củi, nuôi heo, chăn gà, ngăn bờ, tát nước? Người yêu của tôi, trong ước mơ, phải là em nữ sinh Gia Long tóc dài da mướt, vóc hạc, xương mai, mắt nai, mũi dọc dừa, miệng trái tim chúm chím cười nửa nụ, thích văn chương âm nhạc, đàn

giỏi, hát hay, yêu anh chiến sĩ miền xa tóc bời lộng gió... Mẫu người như thế, tôi đọc thấy nhan nhản trong tiểu thuyết của Nhã Ca, của Nguyên Vũ, của Văn Quang, của Mường Mán, của Từ Kế Tường, của Đinh Tiến Luyện... Tôi nhập tâm, khó lòng tẩy xóa để bê về một em nhà quê cục mịch thích cải lương Dưới Hai Màu Áo, khoái kép Hùng Cường *một trăm phầm trăm em ơi*, mê Chế Linh *ước gì nhà mình chung vách, anh khoét tường anh đến với em!* Kh. dạy tôi kinh nghiệm cuộc đời: *Mầy ngu như con bò. Lấy vợ, phải chọn giống khỏe mạnh, làm việc như voi mà chẳng bao giờ nhức đầu sổ mũi vớ vẩn. Phải chọn con ngu ngu, chữ nghĩa chỉ cần đọc thông viết thạo, có sai chính tả, cú pháp, văn phạm cũng chẳng sao, đỡ mất công tranh luận thơ ông Tản Đà hay, thơ Thanh Tâm Tuyền rồi rắm, văn ông Phạm Công Thiện tiếng Tây tiếng Mỹ, tiếng Đức tiếng Phạn vừa đọc vừa tra tự điển mờ người. Phải chọn con xấu xấu để nó đừng dở thói đứng núi nầy trông núi nọ, mè nheo hạch sách hành hạ trăm điều. Nghe lời tao đi, lấy con em vợ tao đi, bảo đảm cơm no bò cời chắc ăn như bắp. Nhỡ mai mốt mầy có bất đắc kỳ tử theo ông theo bà, cũng còn chút hy vọng nó thủ tiết thờ chồng, dưới suối vàng đỡ tủi vong linh...* Thằng nầy thuộc loại võ biền, thảo nào đánh đấm xôm trò, thảo nào huy chương đỏ ngực. Tôi tâm hồn phong phú, cầm kỳ thi họa làu làu tinh thông, nghe theo lời hắn thì đời còn chi thơ mộng?

– Anh... Xuống ăn chút gì đi. Sáng giờ em thấy anh chẳng ăn uống, nhỡ bệnh, khổ. Con nhỏ năn nỉ.

– Anh mệt quá. Để anh nằm nghỉ một chút, lát nữa sẽ xuống. Tôi nói.

Con nhỏ chu miệng nũng nịu:

– Em đã múc cho anh tô cháo gà. Anh không ăn bây giờ, lát nguội, uổng công em...

Tôi nhìn kỹ con nhỏ. Hai má phinh phính, mắt lá răm, răng trắng. Kể con nhỏ cũng chẳng xấu lắm. Tại mình đèo bòng mơ cao, tại mình tự kỷ ám thị, tại bụt nhà không thiêng. Con nhỏ thật chẳng xấu lắm. Cái mũi phình phình bề ngang, tướng số gọi là mũi túi mật, mũi túi mật hậu vận sang giàu, tiền dư của để. Cái miệng tum túm, *đàn ông rộng miệng thì sang, đàn bà rộng miệng tan hoang cửa nhà*, miệng nầy tằn tiện, chân chỉ, làm được chín đồng ráng kiếm thêm đồng nữa đủ mười bỏ ống, biết lo xa, tương lai không sợ húp cháo! Con nhỏ thật chẳng xấu lắm. Tôi nhìn xuống hai bắp đùi chắc nịch nung núc, tôi nhìn khuôn ngực to

khỏe vạm vỡ... Người tôi rờn rợn. Tôi đưa tay cầm bàn tay con nhỏ. Để yên. Tôi thả bàn tay, đặt lên đùi con nhỏ. Để yên. Tôi bóp nắn nhè nhẹ khoảng da thịt mát trơn. Để yên. Tôi gọi khẽ:

– Lệ.

Con nhỏ cúi gầm mặt, hai má đỏ ửng:

– Dạ...

Tôi di chuyển bàn tay lên phần bụng, lên cao hơn... Con nhỏ rùng mình liên tiếp. Môi trên cắn chặt môi dưới, con nhỏ ậm ự không thành tiếng. Tôi chồm người, vùi mặt vào hai gò vú lớn. Con nhỏ ngã ra, bật kêu:

– Anh... dừng...

Làm sao dừng được, khi cờ đã phất, khi bia đã lên, khi đạn đã trong nòng? Làm sao dừng được khi thắng đã đứt? Tôi đè Lệ xuống, hôn hối hả khắp mắt mũi môi miệng. Nụ hôn trườn xuống phía dưới, nụ hôn làm bật tung cúc áo trên cùng. Chiếc xú chiêng sệ xuống. Tôi thọc bàn tay vào lớp vải mỏng, vân vê đầu vú mềm mềm...

– Anh... anh ơi... đừng... đừng...

Con nhỏ tiếp tục kêu nho nhỏ, tiếng kêu hổn hển, tiếng kêu khích thích thằng bê bi trong tôi ngóc đầu đứng lên đòi quyền tự trị. Dưới nhà, tiếng kinh tụng của hai vị sư bắt đầu hòa cùng nhịp chuông mõ. Tôi nhìn xuống, những ngọn đèn cầy trên nắp áo quan lao chao sáng. Ánh sáng hắt lên căn gác mù mù. Hoa vẫn quỳ bên cạnh quan tài, bụng Hoa trồi hẳn về phía trước, chiếc khăn tang phủ trùm xõa ngang vai trông giống như một hồn ma. Tôi gác chân đè nghiến hai đùi con nhỏ, bàn tay còn lại mần mò tìm cái khuy quần. Tôi thầm rủa mấy chị thợ may, bày đặt chi loại quần cài khuy rắc rối, cứ dây thun tròng vào tụt ra vừa nhanh vừa tiện, đỡ tốn bao nhiêu công sức. Cả đời, tôi thù ghét thậm tệ những cái khuy cái móc, kể cả những cái khuy cái móc vô hình trừu tượng, đại loại kiểu nói năng ba que xỏ lá, móc hầu móc họng làm cho con người ta nghe xong tức ói máu trào đờm. Con nhỏ vội chụp bàn tay tôi lại.

– Em lạy anh... đừng anh... anh... anh... đừng...

Không thể đừng được nữa rồi. Đã bước lên diễn đàn, đã hiệu triệu quốc dân, ai quăng súng cuốn cờ bỏ của chạy lấy người, mặc bố chúng nó, đồ hèn nhát Việt gian bán nước! Chúng ta phải sát cánh cùng nhân

dân chiến đấu đến giọt máu cuối cùng! Không thể đừng được nữa rồi. Tôi thì thào bên tai con nhỏ:

– Cho anh đi. Anh yêu Lệ. Cho anh đi.

– Anh yêu thật không ?

Con nhỏ hơi lỏng bàn tay, trong hai hố mắt tối của con nhỏ, tôi như nhìn thấy những tia lửa lấp lánh hy vọng. Bây giờ không thật thì còn đến bao giờ? Tôi đã cởi được cái khuy quần chó chết. Tôi đã cơ bản chiếm được đất, tôi phải đấu tranh chính trị để dành thêm dân:

– Thật chứ. Anh Kh. có nói em yêu anh. Anh, anh cũng thế, anh yêu em, anh định mai mốt nhờ anh Kh. mai mối, ai ngờ...

Tiếng kinh, tiếng mõ đều nhịp, lúc nhanh, lúc chậm. Ánh sáng đèn cầy phủ trên tấm chân dung Kh. chập chờn. Chiếc mũ đỏ đội lệch, đôi mắt nhìn về phía trước đăm đăm, nụ cười rất tươi khoe hai hàm răng bóng, sợi huân chương vắt lòng thòng bên vai... Đứa con gái nhỏ của Kh. ngủ gục, đầu gối lên đùi mẹ. Một dòng nước dãi ứa ra bên khóe miệng. Hoa tựa đầu vào thành quan tài, hai vai rung động, tiếng khóc tiếp tục, ri rỉ. Tôi lại thì thào:

– Cho anh đi em... Anh yêu em.

Bàn tay con nhỏ buông lỏng. Tôi tuột chiếc quần mỹ a xuống sâu, co chân kẹp đũng quần kéo ra. Nửa thân thể con nhỏ phơi trần dưới mắt tôi, vòng hông con nhỏ đầy đặn, mu no tròn phơn phớt vàng sẫm. Con nhỏ mười bảy tuổi. Mười bảy. Tuổi dậy thì, tuổi mộng mơ, tuổi thèm khát vuốt ve mê đắm. Bàn tay tôi úp giữa háng con nhỏ, xoa nắn, mần mò. Con nhỏ lại rùng mình liên tiếp, da gà nổi khắp người nham nhám. Điệp khúc *đừng anh* vẫn lặp lại đều đều, nhưng yếu hẳn, và đứt quãng giữa những tiếng ậm ự.

– Anh yêu em thật không?... Thật chứ? Con nhỏ bỗng hỏi nữa.

– Thật mà, anh yêu em mà. Tôi trả lời như máy.

Trườn lên người con nhỏ, tôi vừa cởi chiếc quần đùi nhà binh lùng thùng mắc dịch, vừa dùng đầu gối nống hai chân con nhỏ dạng rộng.

– Anh ơi... Em sợ...

– Đừng sợ, có gì mà sợ.

– Anh ơi... Em sợ...

– Trước sau gì em cũng là vợ của anh. Vợ chồng ăn ở với nhau, chuyện bình thường...

– Anh ơi... em sợ...

Khổ quá, biết rồi, sợ con khỉ khô. Cái quần đã tuột ra. Tôi biết con nhỏ đã mụ mẫm, nói, nhưng chắc chẳng hiểu mình nói gì, nói, như một cái máy hát có cây kim mòn, chạy hoài trên đường rãnh nhựa. Tôi lựa thế dập mạnh xuống. Con nhỏ oằn người, hai đùi khép nhanh, miệng vọt ra tiếng kêu thảng thốt:

– Ối... Ối... Đau em.

Tiếng kêu lớn quá. Tôi vội vã bụm miệng con nhỏ. Cũng may, dưới nhà tiếng chuông mõ nhịp nhàng leng keng lốc cốc đã át mất lời tán thán hùng hồn của con nhỏ. Tấm màn che lan can lay động, khoảng hở hé rộng. Một người đàn ông lớn tuổi bước qua ngưỡng cửa, đứng nhìn rất lâu tấm chân dung Kh., ông ta khẽ lắc lắc mái tóc lốm đốm bạc, lại bàn thờ rút ba cây nhang, đốt, trở về đứng trước quan tài cúi đầu chắp tay lâm râm cầu nguyện. Vái ba cái. Cắm ba cây nhang vào chiếc lon sữa bò. Hoa quỳ mọp sụp xuống lạy đáp lễ. Hoa sụp lạy nhưng không thể sát đất, chiếc bụng chửa nặng nề lấn cấn. Ông ta đến bên, vỗ vỗ bàn tay sạm đen lên vai Hoa, nói nhỏ vài lời. Hoa đưa chiếc khăn trắng chậm mắt, mếu máo: *Dạ... dạ... cảm ơn bác Ba...*

Kh. tiếp tục cười, nụ cười sáng bóng hai hàn răng trắng. Kh. tiếp tục cười... Thằng nầy bao giờ cũng cười, ở đâu cũng cười. Hành quân Lam Sơn 719... Hai bên là hai vách núi sừng sững, con suối cạn bò quanh co ở giữa. Đơn vị muốn chạy ra quốc lộ 9 phải sử dụng con suối như một đường thoát, duy nhất. Đại liên địch đặt dọc hai bên vách núi, chĩa xuống. Chẳng còn cách nào khác. Nhứt chín nhì bù. Phước đức ông bà phù hộ đừng bù. Canh bạc tử sinh. Được, Sàigòn hoa lệ, Sàigòn đèn xanh đèn đỏ ngã bảy ngã năm, Sàigòn hẻm 92 Lê Văn Duyệt, Ngã Ba Chú Ía, Ngã năm Chuồng Chó có em đít bự vú to phơi hĩm chờ chàng. Thua, xác sình chương quạ tha ma bắt, *thanh minh trong tiết tháng ba* cha mẹ vợ con muốn tảo mộ đạp thanh cũng *không một nấm mồ*! Chẳng còn chọn lựa nào khác... Chúng tôi được lệnh lội dọc theo suối. Quân trang, ba lô bỏ hết, chỉ giữ lại súng, lựu đạn, càng gọn nhẹ càng tốt, càng gọn nhẹ di chuyển càng nhanh. Đơn vị đi đầu vừa đặt chân xuống lòng suối, đại liên địch liền khai hỏa... Nhanh, nhanh, nhanh... Tiếng đạn rào rào, tiếng la thét réo mẹ kêu cha, gọi trời khấn Phật, tiếng những thây người ngã ùm xuống nước, tiếng bọt sóng xoáy quanh chân... Nhanh, nhanh... Máu loang trong dòng nước, thây người càng lúc càng nhiều. Nhanh, nhanh... Thây người chồng chất lên nhau,

thằng chạy sau đạp bừa lên thằng vừa ngã, thằng vừa ngã giẫy đành đạch *cứu tôi, cứu tôi...* Đụ mẹ, cửu thân chưa chắc nổi còn cứu được ai? Nhanh, nhanh... Máu phun tứ phía, máu biến con suối thành một giải nước đỏ lềnh, bắn tung tóe dưới chân, bắn tung tóe khi vướng vào thây người. Máu đỏ, máu tươi rói, máu có vòi, bắn tung tóe lên mặt mũi tay chân quần áo những thằng còn sống. Nhanh, nhanh... Khi chúng tôi vượt hết con suối, lên được quốc lộ thì đại đội đã vơi hơn phân nửa. Những thằng thoát chết mặt mày thất đảm, nét kinh hoàng làm cho những đôi mắt trắng dã, lạc thần. Tôi ngã chúi bên cạnh Kh., thở không ra hơi, cái nón sắt rơi lúc nào chẳng hay, một bên vai áo cháy sém rát bỏng, hú hồn, viên đạn chỉ nhích vào một phân là đi đứt cánh tay, hú hồn. Tôi quay qua nhìn Kh., thằng khốn nạn ngã người ra sau, lưng tựa vào một gốc cây, toét miệng cười: *Đụ mẹ, còn sống sao con? Đụ mẹ, cười con củ cặc, mầy còn cười được à? Đụ mẹ, không cười chẳng lẽ khóc sao con?*

Tôi vừa tìm cách đi sâu vào người con nhỏ, vừa vỗ về:

– Không sao đâu em, đừng la lớn. Rán một tí... em.

– Thôi anh ơi, em chịu không nổi. Đau quá anh ơi...

– Nổi mà, chút thôi mà. Anh yêu em, hãy nhớ anh yêu em...

– Người ta yêu nhau bằng tinh thần mà anh, đâu có thế nầy, chưa chi anh đã thế nầy...

Bắt đầu tuồng tích gì đây? Trái khổ qua? *Cây khổ qua nhụy dàng bông trắng, trái khổ qua tuy đắng nhưng được thắm hương... tình.* Tôi hơi bất mãn. Tôi bỗng khựng ngang. Nhưng *đoạn đường chiến binh* đã qua già nửa, cũng phải rán tiến chiếm mục tiêu. Đạn đã lên nòng, chốt an toàn đã mở. Nhảy dù mà, nhảy dù cố gắng, nhảy dù súng cầm tay, ba lô trên lưng, M.26 tám trái, 400 viên đơn vị hỏa lực đạn, một quả mìn claymore, một cây M.72, hai trái khói màu, hai trái lân tinh, bốn ngày lương thực cộng mền mùng chăn gối thuốc lá cà phê đường trà nước mắm bột ngọt hành tiêu muối ớt... Nhảy dù mà. Nhảy dù cố gắng... *Người ta yêu nhau bằng tinh thần... Chưa chi anh đã tụt quần...* Tôi bỗng khựng ngang, tôi định bỏ cuộc, tôi định để đức cho con... Nhưng con nhỏ ngon quá, da dẻ mát rượi, mu bự phơn phớt vàng sẫm, vú cứng hồng hồng đầu nhọn. Tôi cúi ngậm một đầu vú, day day. Con nhỏ oằn oại xuýt xoa.

Khi tôi cố gắng vào được sào huyệt thì con nhỏ bật khóc:

– Đau quá anh ơi... Chết em, chắc chết... Anh... ơi.

Em không chết đâu, làm sao chết được. Anh cũng *không chết đâu em*, chỉ có Kh. *mới vừa bỏ cuộc đêm qua*. Đụ mẹ văn chương chữ nghĩa giả cầy, *Không chết, bỏ cuộc!* Đụ mẹ, Kh. chết nát bấy, Kh. chết chẳng toàn thây, thằng khốn nạn đâu có bỏ cuộc? Sức mấy bỏ cuộc, nhảy dù chịu chơi chơi tới cùng, đạn pháo dập thằng khốn tan xương. Chết tức tưởi, chết uất ức, bỏ cuộc cái đéo gì? Đụ mẹ lại một anh nghệ sĩ mặc si vin làm lính kiểng lẩn quẩn loanh quanh ở mấy phòmng trà! Người thượng sĩ già nói với tôi: *Hết rồi thiếu úy. Chỉ lượm được chừng nầy, chẳng biết của ai vô ai. Giờ phải làm sao?* Tôi nhìn đống thịt bầy nhầy muối đất cát dồn thành đống. Bên cạnh, nửa thân trên của Kh. tương đối còn nhận ra, dù khuôn mặt đã khuyết mất một bên, thằng tà lọt được đoạn giữa, bảng tên trên nắp áo tuy thấm đầy máu vẫn còn có thể đọc được. Gã truyền tin thì vô phương! Mất tôi cay xé. Cơn nghẹn trào lên ngực, đầu tôi như có từng tiếng búa nện bong bong. Tôi lạc giọng: *Thôi đành chia ba chứ biết làm sao.* Người thượng sĩ ra lệnh cho hai tên lính trải poncho, dùng xẻng xúc đống thịt chia làm ba phần, Kh. một phần cùng với nửa thân trên, Thằng tà lọt một phần với đoạn giữa, người lính truyền tin ưu tiên với hai ống chân, hai cánh tay và phần thịt nhiều hơn. Hai thằng lính khom xuống túm bốn góc poncho cuộn lại, cột hai đầu. Tôi quay mặt ra sau, không đừng được, tôi bật khóc. Lần đầu tiên tôi khóc kể từ ngày mẹ tôi qua đời. Tôi đã từng chứng kiến nhiều cái chết của đồng đội, đã từng tự tay gói poncho cho nhiều thằng, nhưng lần nầy sự đau xót của tôi quả đã vượt trên mức chịu đựng. Kh. thương tôi như em, Kh. đã che chở cho tôi bao nhiêu chuyện, những lần về phép mải mê rượu chè trai gái, tôi trình diện trễ, Kh. đỡ cho tôi, những đêm say nhừ, tưởng bắn nhau trong quán, Kh. đứng ra hòa giải. Tôi trẻ người non dạ, tôi như thằng lê dương khát máu, như thằng du đãng Cầu Hàng. Nỗi khổ cực và những phũ phàng tôi nhìn thấy khi trở về hậu phương, đã biến tôi thành một kẻ bạt mạng bất cần, Kh. khuyên nhủ răn đe tôi, Kh. vạch cho tôi thấy giá trị thực sự của đời sống, cái giá trị không nằm trong bản thân những thằng to thằng nhỏ ăn trên ngồi trốc, buôn vàng buôn bạch phiến, buôn súng ống đạn dược thuốc men, buôn cả vợ con đất nước, mà giá trị đích thực ở chính cái tình chiến hữu sống chết từng giây. Bây giờ, Kh. như thế kia, Kh. chết không toàn thây. Và Hoa với chiếc bụng chửa, hai đứa nhỏ mồ côi cha...

– Anh ơi...

Con nhỏ rướn người lên, bấu siết trên lưng tôi. Con nhỏ quằn quại dưới thân thể tôi. Con nhỏ vật vã cắn răng chịu trận. Con nhỏ kêu anh ơi anh ơi có yêu em không? Anh ơi đừng lừa em nghe đừng bỏ em nghe, anh ơi em yêu anh em không tiếc gì với anh, em muốn làm vợ anh... *Mầy lấy nó đi, lấy vợ phải biết chọn người, mầy lấy nó đi, bảo đảm cơm no bò cời*... Đụ mẹ, tao đang lấy đây, lấy vô đạo tàn nhẫn, lấy hãm hiếp cưỡng bức, lấy dối trá ngon ngọt đường mật, lấy ngay trên nóc áo quan mầy, lấy ngay cận kề vợ mầy bụng mang dạ chửa nước mắt nước mũi tèm lem, lấy ngay trên đầu con mầy mê mệt ngủ ngồi dãi nhớt nhễ nhại... Tao đang lấy đây. Tiếng chuông tiếng mõ tiếng tụng niệm đã đưa mầy qua đến đầu cầu chờ húp cháo lú chưa? Hay còn quanh quẩn đâu đây. Hay còn chứng giám tao đang lấy ngon lành dễ dàng thơ thới hân hoan con em vợ mầy ngây thơ non dại dậy thì mơn mởn. Tao đang lấy đây, Kh., Tao đang lấy...

Tôi nắm tóc con nhỏ kéo sát lại gần, ngậm chặt đôi môi run rẩy ú ớ lảm nhảm. Mồ hôi tươm ra nhỏ giọt xuống bụng con nhỏ...

Dòng nước đục nhờ pha máu tràn ra, nhỏ giọt tong tong xuống nền xi măng khi tôi đưa tay kéo ngăn kệ sắt đựng xác Kh. cho Hoa nhận diện. Tôi đoán không sai, vừa nhìn thấy xác chồng một đống lộn xộn tay chân phèo phổi, Hoa hét lên chói lói rồi ngã vật ra. Đã chuẩn bị sẵn, tôi gọn gàng đỡ cây thịt nặng nề rơi vào vòng tay, hất hàm nói với người lính trực nhà xác *Lấy băng ca, gọi bác sĩ*... Hoa nằm thẳng băng, đầu ngoẹo qua một bên, bụng nhô cao như một nấm mồ. Tôi nhớ hình ảnh Nguyễn thị Thanh Sâm đã gợi ra trong một cuốn tiểu thuyết. Hình ảnh tuyệt vời: người ta sinh ra từ một cái gò, gò bụng của mẹ, và chết đi cũng trong một cái gò, nấm mộ ngoài nghĩa trang. Gã lính thuộc đội chung sự đi bên cạnh tôi lắc đầu than thở: "Em chỉ mới đổi về đây có ba tháng mà đã muốn... đào ngũ thiếu úy ơi. Ngày nào cũng thấy xác chết, đủ kiểu đủ cách, ngày nào cũng thấy người ta khóc lóc, ngất xỉu, chửi rủa, trách trời than đất. Thần kinh căng thẳng, muốn điên luôn". "Rồi cũng quen đi chứ". "Quen sao được với xác chết, thiếu úy?". Khi đi ngang qua chỗ bệ xi măng có dãy vòi nước chạy dọc phía trên, chỗ rửa ráy kỳ cọ xác chết cho sạch sẽ mát mẻ trước khi mang để trong ngăn lạnh, tôi nhìn thấy ba bốn cái xác dựng dọc vách tường. Người lính nói: "Xác rửa xong dựng đó cho ráo nước. Thiếu uý nhìn kìa. Cái kia

trông có giống người không?". Quả thật, "cái kia" chẳng giống người tí nào! Đó là một khúc thịt trương phình, đen thui nứt nẻ, không đầu không chân, chỉ còn hai nhánh xương co quắp đeo lủng lẳng hai bên vai, từ những chỗ nứt, máu trộn với mủ tươm ra, chảy ngoằn ngoèo, nhỏ long tong xuống sàn xi măng lầy nhầy thịt xương vụn chưa kịp tẩy rửa. Tôi rùng mình quay đi chỗ khác. Một con ruồi xanh to bằng đầu điếu thuốc vù qua mặt, tiếng kêu phát ra u u như tiếng trực thăng. Tôi lợm giọng, muốn ói.

Tôi tiếp tục nhịp nhàng. Tiếng da thịt lép nhép cọ xát. Tôi trương cứng vào ra giữa chỗ tối tăm ẩm ướt.

– Thôi anh ơi... Em đau quá, em hết chịu nổi rồi, thôi anh ơi, em lạy anh, anh ơi...

Phải chịu em ơi, lỡ rồi em ơi. Anh đâu có dừng được. Anh chẳng thể dừng ngang xương tức tưởi được em ơi. Tôi siết mạnh con nhỏ, ép sát hai vú con nhỏ vào người, con nhỏ nấc lên từng chặp. Nước mắt chảy ra hai bên khóe, bò xuống má, xuống môi. Tôi cúi hôn, cảm thấy đầu lưỡi mằn mặn. Tôi cúi hôn:

– Rán tí nữa em. Lần lần rồi quen em à.

– Có quen không anh. Ối, đau! Quen thật hả anh? Ối, đau, nhẹ nhẹ thôi anh...

– Quen chứ. Không quen sao người ta thành vợ thành chồng?

– Đừng bỏ em nghe anh. Đừng bỏ em tội nghiệp em. Em yêu anh... Ối, nhẹ nhẹ anh ơi...

Bây giờ tiếng tụng kinh chuyển nhanh, tiếng mõ tiếng chuông cũng chuyển nhịp bắt theo. Tôi bỗng thấy người sượng cứng. Tôi ôm siết con nhỏ. Động tác tôi gia tăng. Con nhỏ càng quằn quại dữ dội, miệng há ra, hơi thở hổn hển. Anh... anh... anh... anh... Con nhỏ rít lên, nước mắt giàn giụa. Con nhỏ rít lên, hết gọi tôi đến gọi cha gọi mẹ, thân thể rung bần bật, hai đùi khép mở cuống cuồng... Máu căng dưới da, máu dồn lên óc, tôi chõi tay nhổm người, cố đẩy sâu vào trong, và tôi rùng mình... Cảm thấy một luồng gió lạnh toát chạy rần rật qua người, cảm thấy sinh lực thoát ra, thoát ra, thoát ra... Tiếng kinh tụng tiếp tục đuổi bắt theo tiếng chuông mõ. Tôi ngẩng đầu lên, hớp vài ngụm không khí. Nằm yên một lát, tôi vật người qua bên cạnh. Con nhỏ thở hắt ra, như trút một gánh nặng. Tôi dùng hai ngón chân khều chiếc quần đùi nằm nhăn nhúm phía dưới, lau nhẹ nhàng phần giữa của con nhỏ rồi tự lau

cho mình. Qua ánh bạch lạp trên nắp áo quan từ dưới nhà hắt lên mù mù, tôi nhìn thấy vết máu đỏ nhòe nhoẹt. Nhưng khi nhìn thấy vết máu trên lớp vải quần, tôi không khỏi giật thót. Tôi xoay qua ôm Lệ vào lòng, vỗ vỗ lên lưng:

– Hết đau chưa cưng?

Con nhỏ cũng quàng tay ngang hông tôi, siết mạnh:

– Còn, nhưng bớt nhiều. Anh ơi, lần sau.... có quen không anh?

– Anh đã nói rồi, quen là cái chắc. Lần sau... không đau nữa đâu.

Tôi tự hỏi, có lần sau không? dan díu lâu, lậm sâu e khó thoát. Lần nầy, về đơn vị chắc tôi trốn luôn. Nhưng trốn thế nào được, tôi đâu thể đổi qua tiểu đoàn khác, tôi cũng đậu thể không trở lại đây thăm Hoa, thăm hai đứa con của Kh. Hai đứa con của Kh. Tôi nhìn xuống, con bé còn ngủ trên đùi mẹ, mê mệt, thằng lớn gục đầu tựa vào chiếc đòn gỗ kê quan tài, cũng đang ngáy ngon lành. Hai vai Hoa nhô lên, lưng gù xuống, chiếc bụng chồm ra phía trước. Chiếc lon sữa bò đã đầy chật chân nhang. Những ngọn bạch lạp đã cháy già nửa. Chiếc mũ đỏ. Đôi mắt đăm đăm. Nụ cười trắng bóng hai hàm răng. Sợi dây huân chương lòng thòng bên vai. Kh., tao là đứa khốn nạn, phải không?

*

Tao là đứa khốn nạn, phải không? Thư Lệ gởi cho tôi, theo chuyến tiếp tế lương thực người thượng sĩ thường vụ trao lại:

*Anh T. ơi!*

*Sau ngày đám táng anh Kh, chẳng thấy anh ghé chơi. Chị Kh. nhắc anh hoài. Em cũng nhớ anh muốn điên luôn, mấy lần em tính vào tiểu đoàn thăm anh, nhưng sợ anh la nên em không dám. Rồi có tin anh đi hành quân. Thôi thế là em phải xa anh thêm cả ngàn cây số, và cả ba bốn tháng trường. Em đã viết cho anh bao nhiêu là thư, ngày nào cũng viết, mà chẳng dám gởi. Biết anh có bằng lòng cho em gởi hay không? Em chẳng hiểu tại sao lại sợ anh đến thế, cái gì cũng sợ, lúc nào cũng sợ. Bữa anh... đòi em, thật tình em run muốn chết, đau nữa, nhưng em sợ anh, em sợ anh giận, em sợ anh buồn, nên em phải cắn răng chịu. Mãi cả tuần sau còn đau. Bây giờ thì hết rồi, anh đừng có lo, em hết đau rồi. Hết đau rồi em lại nhớ anh, nhớ quá là nhớ, không lúc nào không nhớ. Em đi ra đi vô, em đi lên đi xuống, em đi chợ đi may, em nấu cơm rửa chén, em giặt đồ quét nhà, em lên xe buýt, em đạp xe đạp, em ngồi với bạn bè, em thức em ngủ... chỗ nào, lúc nào cũng nhớ, nhớ điên khùng, nhớ quặn ruột quặn*

*gan. Nhớ quá, em leo lên gác, nằm xuống chỗ anh với em đã... Em tưởng sẽ dễ chịu, ai ngờ còn nhớ hơn. Nhớ quá, em lại lôi giấy bút ra, viết cho anh, viết lung tung, viết tầm bậy tầm bạ, viết đầy giấy đầy chữ, viết cho đỡ nhớ. Ngày nào em cũng viết, cuốn tập trăm trang không còn chỗ trống, em viết cả lên lề. Mà em đâu có dám gởi. Em sợ anh không cho.*

*Nhưng hôm nay thì em không thể không gởi cho anh. Đã một tháng kể từ ngày đó. Em bỗng hay chóng mặt xây xẩm, ớn cơm tanh cá. Em nghi, em dấu chị đi khám bác sĩ. Bác sĩ nói em có thai. Em sợ quá. Em có thai, mà anh thì còn ngoài hành quân, em không biết phải làm sao? Em phải làm sao đây anh? Viết cho em. Em lạy anh, viết cho em, bày em với. Anh biểu để, em để, anh biểu phá, em nghe lời anh. Anh biểu gì em làm nấy. Em nghe anh. Anh ơi, đầu óc em bây giờ cứ như cuộn chỉ rối, rối nùi rối beng, chẳng suy nghĩ tính toán cái chi ra hồn. Em trông tin anh từng giờ từng phút. Viết cho em nghe anh.*

*Anh ơi. Anh nói anh yêu em. Em nửa tin nửa ngờ. Đôi khi em tin, anh là bạn thân của anh Kh., chẳng lẽ anh nói dối? Đôi khi em ngờ, em xấu xí ngu dốt, làm sao xứng đáng với anh. Xứng đáng với anh phải là mấy cô nữ sinh đẹp đẹp, học hành chữ nghĩa nhiều nhiều. Em như con lọ lem. Anh mà yêu em thì kể cũng lạ. Anh ơi, em lo sợ quá. Anh có yêu em không? Trả lời em đi anh. Anh có yêu em không? Nếu yêu, anh viết ngay cho em. Thư từ vùng hành quân về đến Sàigòn cũng mất cả tuần. Em sẽ trừ hao thêm ba ngày. Nếu sau mười ngày em không nhận được thư anh, thì kể như anh không yêu em. Anh không yêu em! Trời ơi, em phải làm sao. Chắc em phải phá, chắc em không sống..Ồi, chắc em hận anh suốt đời... Nói thế chứ em không dám hận anh đâu, chẳng qua cũng tại em, tại em đèo bòng trèo cao. Trèo cao thì té nặng, cho đáng đời em. Em không hận anh đâu. Bao giờ em cũng yêu anh, cho dù anh bỏ em, chẳng thèm đoái hoài tới em, em vẫn yêu anh suốt đời. Em nói thật, em không biết nói dối đâu. Em yêu anh suốt đời.*

*Anh ơi, trả lời em nghe anh. Anh có yêu em không?*

*Em mong anh bình an mọi mặt. Hành quân ăn uống chắc cực khổ lắm, anh Kh. nhiều lần kể có khi các anh phải nhịn đói hai ba ngày, chỉ uống nước suối thay cơm, vì tiếp tế không được. Em thấy xót ruột quá, ước gì em ở gần bên anh, để cùng chịu đói với anh, ước gì người ta cho vợ lính theo chồng, để em hầu hạ cơm nước cho anh. Anh về, ghé nhà em sẽ nấu canh chua cá lóc anh nhậu. Anh Kh. thường khen em nấu lẩu canh chua*

*ngon số một. Ồ, em nói dông dài bậy bạ quá, chắc anh không thích phải không?*

*Anh ơi, có yêu em không?*

*Cho em hôn anh nghìn cái, nghìn nghìn cái.*

*Em của anh.*

Tôi có yêu Lệ không. Dĩ nhiên tôi chẳng thể yêu. Người tôi mơ ước, dĩ nhiên đúng như Lệ nói. Tôi không yêu Lệ, dù chỉ một chút. Cho đến bây giờ, tôi vẫn chưa hiểu động cơ nào đã khiến tôi hành động như đã từng, ngay trong ngày đám táng của Kh. Tôi biết chẳng phải vì thân xác Lệ ngồn ngộn sinh lực đã khiến con thú trong tôi lồng lên trở chứng. Bao nhiêu lần tôi từng nhìn thấy Lệ. Những đêm về khuya với Kh., Lệ ra mở cửa, áo ngủ phong phanh, trong men rượu say ngất, thú tính dễ thao túng, nhưng tôi nào có chút xúc động nào đâu? Nếu muốn, tôi đã làm việc đó từ lâu. Vậy mà tại sao hôm đó tôi lại hành động điên cuồng súc vật như thế? Có lúc tôi nghĩ, những bức xúc trong suốt một tuần từ lúc nhìn xác Kh. nát bấy bó vào poncho, chứng kiến cảnh vợ con Kh. tơi tả kiệt lực, sự mỏi mệt rã rời trong nhiều đêm mất ngủ, đã làm đầu óc tôi mù lòa, khả năng đề kháng bị đè bẹp. Và tôi hành động hoàn toàn bị dẫn dắt bởi bản năng. Cái bản năng thú vật luôn luôn tồn tại trong mỗi con người, chỉ chờ thời cơ thuận tiện là nhảy ra, chiếm ngự. Có lúc tôi lại nghĩ, điều làm cho mỗi con người chúng ta sợ hãi nhất, là cái chết, cho nên bằng cách nầy hay cách nọ, chúng ta cố cưỡng chống lại. Vua chúa ngày xưa tìm thuốc trường sinh, các phù thủy luyện linh đơn bất tử, các nghệ sĩ miệt mài sáng tạo, ngoài chuyện thỏa mãn nhu cầu tìm kiếm cái đẹp, còn ẩn chứa ước muốn tồn tại cùng thời gian. Cách nào, duy trì sự sống miên viễn hay để lại tí danh thơm, đều là biểu hiện phản kháng định luật đào thải. Và hình như hành động giao cấu, giữa hai phái tính, cũng là cách phản ứng chống lại cái chết, bằng con đường truyền giống. Ý niệm nầy ẩn tàng trong thẳm sâu tiềm thức con người, chúng ta không thể chứng minh bằng luận cứ vững chắc cụ thể, bởi ý niệm đâu có hình thù? Đâu phải những con số? Nhưng nó vẫn có đó, vẫn tồn tại, đến một lúc nào, khi chúng ta bị đẩy đến mé bờ cái chết, hoặc quá đỗi lo sợ cái chết, nó xuất hiện, dưới dạng đòi hỏi của xác thịt. Tôi nghe người ta kể, những người tự tử, những người treo cổ thường trước khi tắt thở, tinh khí bắn vọt ra. Nếu điều nầy có thật, thì một cách nào đó, suy nghĩ của tôi chắc không sai.

Nhưng mọi cách suy diễn, dù đúng hay sai, giờ đây không còn quan trọng nữa. Vấn đề với tôi nhãn tiền là lá thư của Lệ. Lá thư của Lệ! Tôi có nên trả lời không? Tôi không yêu Lệ, nếu trả lời, cái bào thai trong bụng Lệ sẽ đương nhiên được tôi chấp nhận, cũng có nghĩa tôi không thể chối bỏ Lệ. Trời ạ. Làm chồng Lệ, điều đó quả quá sức tôi. Chẳng bao giờ, không đời nào. Tôi thà biến thành tên sát nhân còn hơn phải chấp nhận cái giá kinh khủng nầy. Tôi nằm trằn trọc trong căn hầm tối, bên ngoài, đêm đã quá khuya, tiếng cú rúc trong cánh rừng dưới chân đồi vang âm buồn bã. Một trái hỏa châu từ căn cứ chỉ huy phóng lên, ánh sáng lung linh chiếu qua lỗ châu mai, phủ mờ trên thân thể tôi. Không thể được, tôi tự nhủ. Trong tôi, niềm ân hận mỗi lúc một lớn, nó dày vò hành hạ tôi đến đau quặn buồng ngực. Nhưng không thể được. Cuối cùng tôi quyết định tiếp tục im lặng. Tôi chọn thái độ của một tên sở khanh. Đành vậy. Tôi thì thầm, với Lệ, mà như với chính mình. Xin lỗi, anh xin lỗi, em.

Ba tháng sau tôi trở lại hậu cứ. Một hôm Hoa vào tiểu đoàn. Hoa mới sinh xong, cần bổ túc hồ sơ cô nhi quả phụ. Gặp tôi, Hoa trách sao hành quân về không ghé nhà thăm, tôi lúng túng trả lời lấp liếm. Hoa đã khá hơn, nỗi đau nào rồi cũng nhạt. Tôi thầm nghĩ quả thật thời gian là một liều thần dược. Tôi nhớ đến Lệ. Bây giờ con nhỏ ra sao? Lệ giải quyết cách nào về cái bào thai? Làm như vô tình, tôi hỏi thăm tin tức con nhỏ. Hoa cho biết, sau ngày Kh. chết hai tháng, con nhỏ bỗng nằng nặc đòi lấy chồng. Một anh trung sĩ không quân muốn cưới con nhỏ. Nó bằng lòng. Đám cưới như chạy tang, chẳng kịp chuẩn bị mời mọc ai. Bây giờ con bé đang mang thai. Hoa chép miệng cười: *Con nhỏ tối nái, mới ba tháng mà cái bụng chang bang, điệu nầy e sinh đôi*. Tôi choáng váng. Con nhỏ không phá thai. Anh trung sĩ nào quả đã trúng số! Tôi tự trấn an, thôi thế cũng tốt. Dù lương tâm tôi không yên ổn mấy, nhưng biết làm sao?

Nửa năm sau tôi có vợ, người vợ như mơ ước, đẹp, có học, yêu thi ca nghệ thuật, hát hay, ngâm thơ não nuột đến rụng rời tay chân. Tôi yêu vợ một cách mù quáng, tôi tôn thờ nàng như tôn thờ một đấng linh thiêng. Nàng hơi nhỏng nhảnh khó tính. Nhưng nàng đẹp, tôi nghĩ, nhỏng nhảnh khó tính thế, chứ hơn nữa tôi cũng vui vẻ chấp nhận. Đàn bà đẹp, đàn bà thông minh, đàn bà tài ba, tất phải có đặc quyền bắt đàn

ông chiều chuộng, nâng niu. Cái nầy tất nhiên như chuyện trời mưa trời nắng, có gì phải thắc mắc bận tâm.

Dĩ vãng hầu như chẳng còn để lại dấu vết nào trong tôi.

*

Con đường tối mù. Hai hàng cây sao cao vút rào rào gió động. Cuối đường, chỗ ngã tư đèn xanh đèn đỏ, những sạp bán hủ tiếu, phở, bánh mì, nghêu sò, cháo lòng... đèn măng sông sáng choang. Tràn ra lề đường, những chiếc ghế đẩu thấp tè sắp từng hàng dài, khách ăn khuya nhộn nhịp. Tôi ngồi tựa lưng vào gốc cây, khoanh tay trước ngực cho đỡ lạnh. Gió chạy lướt trên mặt lộ, phả vào mặt buốt rát, lùa đám lá khô đuổi nhau chạy dồn về một hướng. Trên lề, chiếc chai không nửa lít đứng bên cạnh cục sắt tròn rỗng ruột có tay quay bên trên, dụng cụ ép vá ruột xe. Ngọn lửa leo lét đỏ cạch từ lòng cục sắt rỗng tạt nghiêng, khói đen kịt tỏa ra, táp vào mũi tôi ngột ngạt. Tôi chửi thề xoay chiếc ghế đẩu vào phía trong gốc cây tránh khói. Cũng đã khá khuya. Tôi định dọn dẹp đi kiếm cái gì bỏ bụng rồi về ngủ một giấc cho lại sức. Cả ngày chỉ ăn qua quít khúc bánh mì buổi trưa và dĩa cơm lưng lửng buổi chiều, bây giờ đói meo. Tôi xấu đói, lại yếu sức nên đến bữa chưa có cái gì nhét vô miệng là xây xẩm mặt mày, đứng không muốn vững. Nhất là từ ngày đi học tập về, sức khỏe tôi càng tồi tệ một cách đáng lo ngại. Nhiều lúc soi gương, tôi thật tình không thể nào ngờ mình đã biến đổi nhanh chóng và thê thảm như thế. Anh chàng thiếu úy nhảy dù hào hoa phong nhã ngày nào đã hoàn toàn biệt tích. Tôi bây giờ chẳng khác chi thằng nghiện xì ke. Hai má hóp, sạm đem, lưỡng quyền vênh lên nhọn hoắt. Đôi mắt vàng cạch lờ đờ, môi thâm tím, hậu quả của vi trùng sốt rét. Nhưng có lẽ tôi cũng không đến nỗi xuống dốc không phanh như thế nầy, nếu tinh thần tôi đừng suy sụp quá đáng. Nguyên nhân chính khởi từ chị vợ yêu quý của tôi, chị vợ tôi cưng chiều hết mức, chị vợ tôi tôn thờ như nữ thánh! Chị vợ đó, ngày tôi đi học tập, chỉ thăm nuôi độc nhất một lần, rồi biệt vô âm tín. Cho đến một năm sau, tôi mới được tin chị đã cùng anh kép mới xuống tàu vượt biên. Bỏ mẹ đời tôi! Chẳng xuống dốc không phanh sao đặng? Tôi còn sống đến ngày hôm nay, kể cũng đã... cương cường dũng mãnh quá xá rồi ấy chứ! Người đàn bà tóc dài da mướt của tôi giờ nầy ra sao? Có lẽ đang lái BMW chạy phom phom trên xa lộ? Có lẽ đang nằm bên chồng coi phim bộ Hồng kông? Có lẽ đang sửa soạn mua thêm cái nhà mới? Tôi không biết, hoàn toàn mịt mù tin tức. Nhiều đêm, nằm co quắp một thân một

mình sau cái chái bếp thuê lại của một người bạn đồng ngũ, tôi không cầm được nước mắt. Tôi nhớ nàng quay quắt, tôi vẫn còn yêu nàng thảm thiết. Giả dụ nếu bây giờ nàng có mặt ở đây, giả dụ nàng trở về với tôi? Bao nhiêu cái giả dụ không tưởng! Nhưng nếu thành sự thật, tôi biết chắc, tôi sẽ tha thứ hết, tôi sẽ coi như không có gì xảy ra. Tôi yếu mềm? Tôi hèn nhát? Tôi chẳng đáng mặt nam nhi? Cũng được. Nào sá chi miệng tiếng thế gian! Tôi yêu nàng. Tôi vẫn yêu nàng. Đủ rồi. Cần quái gì cuộc đời thấp cao phê phán.

Thế vẫn còn hơn bây giờ, tôi sống mà như đã chết. Lòng tôi lúc nào cũng như muối xát. Tôi mơ ước một ngày nào trúng số, có tiền vượt biên, tôi sẽ qua Mỹ tìm nàng, chúng tôi lại nối kết duyên xưa. Một người như nàng, có lúc sa ngã cũng là chuyện thường. Một người như nàng, làm sao chịu đựng nổi cơ cực? Nàng phải có lối thoát để tồn tại chứ! Tôi tìm mọi lý do để bênh vực nàng, để tha thứ cho nàng, để nghiệm ra rằng, nàng hành động như thế cũng là điều hợp lý, chẳng có chi đáng ngạc nhiên. Chẳng có chi đáng ngạc nhiên, như ngày xưa, tôi đã từng chấp nhận cái nhỏng nhảnh khó tính của nàng. Bao giờ tôi cũng thấy nàng hữu lý. Ít nhất, hữu lý hơn tôi, nếu tôi còn hẹp hòi kết án nàng. Trúng số, có tiền, vượt biên... Cái ước mơ của tôi tuy vô vọng nhưng đang là niềm an ủi lớn. Con người ta, nếu không còn hy vọng, không còn ước mơ, thử hỏi sống để làm gì?

– Anh thợ ơi, vá dùm cái xe.

Tôi giật mình. Vội vã chạy ra:

– Cán đinh?

– Không biết. Anh coi dùm.

Người đàn ông mập mạp cao to, mái tóc cắt ngắn, mặc chiếc áo da nhập cảng, chiếc quần jean xanh cáo chỉ. Tay nầy chắc thuộc tư sản mại bản, nếu không cũng chủ sạp chợ trời chứ chẳng chơi. Người đàn ông dựng chiếc honda đứng yên vị, quay qua nói với vợ và thằng con trai trạc sáu tuổi đang nắm tay mẹ:

– Em đưa con đến ngã tư ăn cái gì đi. Anh coi thủng mấy lỗ, tới sau.

– Có lâu không? Hay đợi vá xong mình đi luôn.

– Em đưa con tới trước đi mà, chỗ nầy tối thui tối mò, lại lạnh nữa. Con nó cảm hàn bây giờ.

Tôi giật thót người. Giọng nói quen quen. Tôi kéo sụp chiếc nón lưỡi trai, liếc nhanh về phía người vợ. Lệ. Đúng là Lệ. Nàng mập hơn, nhưng không khác xưa bao nhiêu, chỉ chững chạc người lớn ra thôi. Tôi

cúi gầm mặt, cố tình bận rộn với cái lốp xe. Lệ dắt con đi về phía ngã tư, hai mông đẫy đà ngoe ngoẩy, chiếc quần, cũng jean xanh cáo chỉ, chấm tới đôi giày cao gót bóng lưỡng. Hai bàn tay tôi run bắn, lụp chụp mãi tôi mới tháo được vỏ xe, lôi cái ruột ra, lẩy bẩy nhúng vào thau nước. Người đàn ông hỏi:

– Lạnh hả, run dữ vậy?

– Dạ lạnh, tôi quên mang áo ấm.

– Mùa nầy mà quên mang áo ấm thì không xong rồi.

Người đàn ông cúi xuống, anh ta theo dõi tôi làm việc.

– Đó, sủi tăm kìa.

Người đàn ông chỉ tay. Tôi dùng ngón cái đè lên chỗ sủi tăm, móc túi lấy cây đinh ấn vào làm dấu rồi tiếp tục di chuyển cái ruột xe. Bậy quá, mình mất bình tĩnh, quên không nhìn thằng nhỏ. Thằng nhỏ. Trời ạ! Bây giờ nó là con của người đàn ông. Anh ta có biết không? Chắc không. Trông thái độ săn sóc của anh ta đối với thằng nhỏ cũng đủ hiểu. Thằng nhỏ giống ai? Chắc giống mình, nhất định phải giống mình. Máu mủ của mình mà. Lệ yêu mình quá mà. *Anh ơi, em yêu anh, em không dám hận anh đâu, cho dù anh bỏ em, em vẫn yêu anh...* Không giống mình thì còn giống ai? Chẳng lẽ giống người đàn ông nầy? Anh ta đâu phải tác giả! Nhưng bây giờ anh ta là bố của thằng nhỏ. Ông bố chủ sạp chợ trời, ông bố thương con thắm thiết, *Lạnh, con nó cảm hàn bây giờ.* Trời ạ! Còn tôi, tôi là ai? Thằng thợ sửa xe không nhà không cửa không vợ không con. Thằng thợ sửa xe không ngừng ấp ủ niềm ước mơ một ngày nào có tiền vượt biên, đi tìm thánh nữ! Thằng thợ sửa xe có tấm lòng trời biển, sẵn sàng tha thứ hết mọi chuyện cho dù em đã lấy cả chục thằng, cho dù em đã làm đĩ mười phương. Mẹ bố cuộc đời đen như trôn chó, mẹ bố cuộc đời bất công khốn nạn.

Chiếc ruột chỉ một lỗ thủng. Người đàn ông đứng thẳng lên:

– Anh vá nhanh nhanh nhé. Tôi ăn xong về lấy.

Người đàn ông vòng ra trước, khóa cổ xe cẩn thận, trở lại phía sau lật yên lấy sợi xích khóa luôn bánh trước vào khung xe, cho chắc, rồi bước đi. Tôi ngồi bệt xuống lề đường. Bóng tối phủ tràn. Những ngọn đèn măng sông chỗ ngã tư nhòe mờ.

Khánh Trường
1989

# NHỮNG NGƯỜI CHẾT ĐUỐI TRÊN CẠN TRONG MÙA BIỂN ĐỘNG CỦA NGUYÊN MỘNG GIÁC

**Quỳnh Giao**

Trong bộ trường thiên tiểu thuyết Mùa BIển Động, những nhân vật nữ của Nguyễn Mộng Giác không mấy được hạnh phúc. Nhưng, qua hơn 1.800 trang sách của bộ truyện đồ sộ, người đọc tự hỏi có mấy ai được hạnh phúc trong một trận bão kéo dài gần 20 năm...

Được khởi sự viết từ đầu năm 1982, khi tác giả mới đặt chân tỵ nạn trên một đảo nhỏ tại Nam Dương, và hoàn tất hơn 7 năm sau, vào mùa hè 1989 vừa qua tại California, Mùa Biển Động không phải là một bộ tiểu thuyết lịch sử – như tác giả phân trần từ tập thứ hai trở đi – mà chỉ là *một sản phẩm của tưởng tượng,* nhưng một trí tưởng tượng có chủ đích, đó là đi tìm *sự thực của đời sống.*

Sự thực của đời sống đó, sau khi đón đợi 7 năm trường, đọc đến hàng cuối của bộ truyện và lời của tác giả, người đọc cảm được trong tiếng thở dài: Con người ta không có hạnh phúc.

*

Dù không thể dài dòng, chúng ta cũng cần điểm qua nội dung cốt yếu của bộ trường thiên, trước khi nêu lên vài nhận xét về các nhân vật và thử tìm ra một vài ý nghĩa chính trong thông điệp khá bi quan của tác giả:

*

Sơ lược về nội dung.

Bộ trường thiên tiểu thuyết gồm có 5 tập, viết về những nhân vật chính thuộc ba gia đình vào đầu truyện sống tại Huế. Khởi điểm bắt đầu từ 1963, kết cuộc chấm dứt vào năm 1981, sau khi miền Nam sụp đổ rơi vào vòng cai trị Cộng sản. Ngoài khoảng một chục nhân vật chính, Nguyễn Mộng Giác dày công giới thiệu đến hàng trăm nhân vật phụ. Họ sống, họ yêu, họ tranh đấu, họ cầm bút, họ buôn bán, họ cười khóc, họ mưu mô và thất bại, căm thù hay chán nản, trong một giai đoạn gần hai mươi năm tràn đầy thống khổ.

Người đọc không chỉ khâm phục ký ức phi thường của tác giả, khi ông ghi lại các biến cố liên tiếp xảy ra hơn hai mươi năm về trước với đầy đủ tình tiết chân thực như kể lại chuyện mới xảy ra. Ông đã ghi nhớ thế nào khi chính bản thân cũng bị cuốn vào cơn bão cả nước, và không có điều kiện biên chép, tồn trữ hay tham khảo sẵn sàng đầy đủ trong tay? Về việc hồi tưởng khung cảnh thì như vậy, về tình cảm thì tác giả đã khiến người đọc bồi hồi vì những nhận xét tinh tế, ý nhị, kể cả những khi ông không còn là người bình thản kể lại chuyện cũ mà cũng có những phản ứng khổ đau hay châm biếm phê phán ngay giữa những diễn tiến của biến cố, ngay trong nội dung của câu chuyện.

Tập I mang tên *Những Đợt Sóng Ngầm*, giới thiệu Huế trong cơn oi bức hầm hập của thời kỳ 1963, khi Đệ Nhất Cộng Hoà vừa sụp đổ. Trong tập này, Nguyễn Mộng Giác giới thiệu các nhân vật chính yếu sẽ bị cuốn vào trận bão lịch sử nổi lên từ những ngột ngạt chính trị của năm 1963 đó. Ông hăng say viết tập này trong vòng có mười ngày, như một con sông ứ nước vừa bung khỏi mặt đê, phơi ra những điều chất chứa không phải từ khi mất tự do, từ 1975, mà thực ra trước đó rất lâu, khi ông còn là sinh viên, rồi đi dạy học tại Huế và Quy Nhơn. Những Tường, Ngữ hay Ngô đều cùng thế hệ và cùng trưởng thành ở miền Trung với ông.

Tập II, mang tên *Bão Nổi* viết về những biến động tại Huế, thường được gọi là "vụ Phật Giáo miền Trung", dẫn tới việc Chính phủ ở Sàigòn phải đưa quân đội ra can thiệp. Qua cách mô tả có châm biếm nhẹ nhàng, người đọc hiểu ra sự phê phán của tác giả đối với những vọng động của một số nhân vật trong cuộc, của Tường và các bạn cùng mặt trận tranh đấu. Ông cho thấy nỗi lo âu của ông về vai trò âm thầm mà quyết định của Cộng sản, sẽ đưa cuộc đấu tranh vào một chiều hướng mà hình như là cả những người chủ trương lẫn các diễn viên đều không lường được. Giữa những sôi nổi ngùn ngụt cháy trong một sự hiểu lầm lớn, lý trí phải lặng thinh, nhưng tình cảm con người lại trào dâng như bão táp. Mối tình của Tường và Nam nhen nhúm từ tập 1 đã bùng ra chan hòa và cao điểm của cuộc biến động, ở cuối tập II. Mối tình giữa Diễm và Ngữ cũng chớm nở từ những biến động này.

Tập I đã gây chút ít sóng gió cho tác giả khi dư luận có một vài phản ứng phê phán và kết án, đứng trên quan điểm chính trị. Có khi phê phán mà chưa đọc hay không đọc. Vì vậy mới có lời phân trần của

tác giả từ Tập II trở đi. Nhưng, phân trần như vậy, chứ trong tập II, tác giả vẫn thản nhiên mô tả sự chủ quan của một số diễn viên trong cuộc và sự lúng túng của những người có trách nhiệm giải quyết.

Tập III mang tên của cả bộ trường thiên *Mùa Biển Động* được dành cho Huế trong vụ Mậu Thân 1968. Tác giả khéo léo sắp xếp để tất cả các nhân vật chính cùng tái ngộ ở Huế, nhưng không phải trong tiếng hô hào biểu tình đả đảo hồn nhiên trước đó, mà trong tiếng bom rơi đạn xé. Nguyễn Mộng Giác rất chân thực giải thích là ông đã phải dựa vào cuốn *Battle For Huế, Tết 1968* của một tác giả Hoa kỳ, cùng nhiều tài liệu quân sử của Việt nam Cộng hòa, để lấy chất liệu lịch sử cho bộ tiểu thuyết. Ông còn khiêm nhường giãi bày sự ngập ngừng lúng túng mỗi lần viết về chiến tranh. Nhưng, theo ý riêng của người đọc, tập III có giá trị như lời tường thuật nóng hổi của người trực tiếp mục kích thảm kịch. Với những đối thoại sống động nhất, những cảnh ngộ thương tâm nhất.

Vẫn theo ý riêng, tác giả không cần quá thận trọng dẫn độc giả ra khỏi tiểu thuyết để cho xem một số tài liệu quân sự hay bình luận chính trị liên quan đến trận Mậu Thân. Tiểu thuyết của ông có những giá trị khác, chẳng thể so sánh với một tài liệu lịch sử, nhất là những tài liệu của một giai đoạn mà chính tác giả không nhịn nổi căm phẫn đã gọi là *Lịch Sử Mù Lòa*.

Cũng giữa tiếng gầm thét của chiến tranh, tiếng than khóc của nạn nhân, người ta có nghe thấy tiếng đập của con tim. Nếu tập I là chuyện tình của Tường và Nam, tập hai là chuyện tình của Ngữ và Diễm, thì tập III là chuyện tình của Dale và Quỳnh Như.

Đến tập IV, mang tên *Bèo Giạt* thì trong ba gia đình ở Huế, chỉ còn một gia đình ở lại, và tác giả dẫn người đọc đi khắp nơi, theo bước thất tán mỗi người mỗi ngả của các nhân vật chính. Ở tập IV này, tác giả đã dựng lại thành công trọn vẹn không khí nhiễu nhương của xã hội trong cuộc chiến nổ ra rộng lớn và phức tạp với sự tham chiến của Hoa kỳ. Những nhân vật phụ xuất hiện ngày một đông, với đầy cá tính thật sắc nét, phơi bày thêm nỗi lao đao vất vả của con người khi cơn gió bụi không nổi lên quanh một biến cố giữ vị trí trọng điểm (thí dụ vụ biến động miền Trung, vụ tổng tấn công Tết Mậu Thân), mà gần như từ mọi nơi, trong mọi lãnh vực, mọi ngành. Nếu các tập đầu lấy một biến cố chính làm khung sườn, như một biểu hiện của định mệnh, cái gút thắt

của một vở kịch, thì tập IV lấy nỗi tan tác bơ vơ của con người làm chủ điểm.

Cũng trong tập IV này, Nguyễn Mộng Giác không quên kể lại cho người đọc những khúc mắc trong nền báo chí, nhất là báo chí Mỹ, và những hậu quả ngày một trầm trọng của phong trào phản chiến, mà nhân vật Quỳnh Như là người chứng kiến tận mắt, khi theo chồng qua California. Tập IV phức tạp và đa diện nhất, báo hiệu sự kết thúc trong kinh hoàng của miền Nam tự do, nội dung của tập V, cũng là tập cuối.

Tập cuối, dài hơn cả trong 5 tập, mang tên *Tha Hương* được mở đầu bởi mùa Xuân 75 với những mây đen vần vũ uất kết trên vùng trời Pleiku – Kontum và kết thúc với những hình ảnh của miền Nam quằn quại trong chế độ Cộng sản. Nếu đã quen với bút pháp cô đọng và sắc xảo một cách kín đáo của Nguyễn Mộng Giác, người đọc có thể sẽ thất vọng với tập V dàn trải ra mông lung và đôi lúc mơ hồ trúc trắc. Nhưng, *Tha Hương* là một trận pháo bông màu đen kết thúc bộ truyện, soi lên những tâm sự và phản ứng phức tạp, đôi lúc mâu thuẫn của con người, khi bão táp của thời cuộc rút êm trên một bãi hoang rã rời.

Nguyễn Mộng Giác chân thực giải thích là ông đã mượn hai tác phẩm *Ngày N+...* của Hoàng Khởi Phong và *Tháng Ba Gãy Súng* của Cao Xuân Huy làm chất liệu cho việc mô tả hai cuộc tháo chạy kinh hoàng nhất. Ngữ đóng ở Phú Bổn dưới quyền Trung tá Thanh, và là một trong những người rút chạy dọc liên tỉnh lộ 7 từ Pleiku ra biển. Trong khi đó, Lãng vẫn ở vùng địa đầu giới tuyến, và là một trong những binh sĩ của Lữ đoàn Thủy quân Lục chiến bị một đại đội Việt cộng bắt, như nhà văn Cao Xuân Huy đã mô tả với nỗi uất hận chán chường.

Khởi đi từ hai tập hồi ký trên, tác giả đã hòa lẫn một cách tài tình những chứng liệu thật với những nhân vật tiểu thuyết của ông. Chỉ riêng khía cạnh này, cũng đã tạo cho tác phẩm và tác giả một chỗ đứng riêng biệt trong nền văn chương nửa ký sự nửa tiểu thuyết của chúng ta.

Giữa cơn hấp hối và tan rã của miền Nam, khi các biến động nối tiếp nhau bùng nổ, Nguyễn Mộng Giác có nhiều lúc làm độc giả ngạc nhiên hay ngậm ngùi về những phản ứng chống trả hay những đam mê rất táo bạo của các nhân vật. Như Diễm, khi nàng tỉnh táo thu xếp để tìm lại Ngữ trong một tổ uyên ương êm ả, ngay giữa trận cuồng phong

của thời sự. Không khí ngột ngạt của thời cuộc và tình yêu vụng trộm hối hả của hai người làm ta liên tưởng đến Zhivago và Lara tại Yuriatin. Người đọc càng liên tưởng đến cảnh Zhivago say mê làm thơ trong tịch mịch hiu quạnh khi đọc đến đoạn Ngữ bị bắt đi cải tạo, mấy năm sau được ra, lên Bảo Chánh canh tác. Đây là thời kỳ thống khổ của cả nước mà Ngữ viết miệt mài, say mê đọc thơ chữ Hán của Nguyễn Du và Cao Bá Quát, lại muốn học cái đạo sống lẫm liệt của Tố Như. Nhưng, cũng giống Nguyễn Du trong mười năm gió bụi, Ngữ bơ phờ chịu thua. Chàng nhớ Diễm, khăn gói trở về Sàigòn, và rơi vào giữa trận kiểm kê đánh Tư sản ngụy trang thành kiểm tra văn hóa phẩm. Trong khi Ngữ lên rừng trồng chuối đọc thơ để vợ là Quỳnh Trang ở lại nuôi con và cầm cự với chế độ mới thì Diễm vẫn chủ động tìm ra con đường buôn bán với cán bộ, đến khi bị truy lùng mới xoay ra tính chuyện vượt biên...

Tập V có đầy đủ chất liệu cho một bản phân cảnh của một truyện phim và chấm dứt với chuyến vượt biển của Diễm, đưa Ngữ đi cùng con của chàng và của người em gái, với kết quả làm người đọc choáng váng.

Gấp cuốn sách lại, người đọc thấy câu chuyện chưa thể kết thúc trong hoang mang hụt hẫng như vậy. Tác giả của bộ trường thiên tiểu thuyết, ngồi trên thảm cỏ xanh của California để kể lại hoàn cảnh thai nghén và hình thành bộ truyện, cũng tâm sự là mình chưa dứt được lo âu. Ông tự hỏi là còn đủ liều lĩnh để viết một bộ trường thiên tiểu thuyết khác hay không. Người đọc mong ông còn thừa nghị lực và có được hoàn cảnh thuận tiện cho việc đó.

*

Sau khi sơ lược cốt truyện, chúng ta thử nêu vài cảm nghĩ về những nhân vật của Nguyễn Mộng Giác, bắt đầu bằng những nhân vật nữ.

Như vừa trình bày ở trên, Mùa Biển Động viết về ba gia đình sống tại Huế, bị cơn bão của thời cuộc dập vùi cho tan tác rồi quăng ra mỗi người mỗi ngả, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Pleiku, Sàigòn, San Francisco... Trong ba gia đình này, dường như những người con gái đã được chọn lựa là những nạn nhân hàng đầu, những người bị định mệnh đầy đọa nhất.

Gia đình ông Văn, một giáo sư văn chương trung học, có Nam và Quế. Gia đình ông Thanh Tuyến, một thương gia trung lưu, có Quỳnh Trang và Quỳnh Như. Gia đình ông Bổng, một nhân viên hỏa xa thấp

kém, có Diễm. Nguyễn Mộng Giác viết ít về nhan sắc của năm người con gái này. (Nhân đây, cũng xin nêu nhận xét là trong bộ truyện, ông cũng ít viết về màu sắc, ngoại trừ những mô tả về tranh của Ngô, ông ít ghi nhớ âm thanh, nhưng diễn tả tỉ mỉ hương thơm của mỗi lần gặp gỡ, và mùi khét lẹt của chiến tranh). Về nhân cách và tính tình, ông giới thiệu khá kỹ các nhân vật Nam, Diễm, Quỳnh Như và Quỳnh Trang. Trong truyện, nhân vật Quế được mô tả không nhiều, có ít tiểu thuyết tính nhất, nhưng lại là người được tác giả cho nhiều cá tính khá đặc sắc của một em gái ngoi lên giữ vai trò cột trụ cho gia đình ông bà Văn khi chiến sự bùng nổ lan rộng.

Nam là con gái thứ của ông bà Văn, nữ sinh viên sư phạm, đa cảm, ít nói, thụ động và mềm yếu. Nam sống trong nền giáo dục nghiêm khắc và chừng mực của nhà giáo. Trong phòng nàng treo đầy danh ngôn. Nam không xinh đẹp, phải nói là hơi xấu với vẻ gầy gò khắc khổ, nàng ưa đọc sách, mụ người vì đọc sách. Nàng hay đọc truyện và dễ xúc động bởi những hệ lụy phức tạp của tiểu thuyết, ưa tìm hạnh phúc trong những khổ đau thần kín. Người đọc cảm thấy là nàng có phản ứng tôn giáo và siêu hình, có khuynh hướng tìm tới hoàn cảnh của người tuẫn đạo.

Và dường như khuynh hướng đó khiến Nam có lần vào chùa xuống tóc khi em ruột là Lãng đi lính, uống rượu say, đeo một chuỗi tai người kết thành xâu, gây gỗ rồi đâm người giữa chợ. Cũng chính khuynh hướng đó khiến Nam bàng hoàng xúc động khi đọc và phiên dịch lá thư tuyệt mệnh của một ni cô chuẩn bị tự thiêu. Biến cố đó ít nhiều đưa tới việc Nam tự dâng hiến cho người yêu là Tường. Vì lo sợ, vì khát khao, vì sự thôi thúc muốn tự hành hạ hay tự làm mình vẩn đục để cứu chuộc... mỗi người có thể hiểu theo một cách để giải thích việc trao gởi bất thường. Từ đó, Nam sống khép kín với đứa con của mối tình ngang trái và khó hiểu đối với chính nàng. Sống khép kín chứ không câm nín: nàng cau có với mọi người, phẫn hận với mọi chuyện, và trở thành một mụn bọc của gia đình lẫn bạn bè, không ai dám hay nỡ đụng tới.

Nguyễn Mộng Giác có vẻ đặc biệt thương cảm nhân vật này nhưng vẫn không làm người đọc có cảm tình. Trong suốt tập 2, mang tên *Bão Nổi*, người đọc không chỉ thấy sự lố bịch rồ dại của Tường, mà còn thấy cả sự thiếu trưởng thành của Nam trong một cuộc sống ngột ngạt kéo dài cho tới những trang chót của tập chót, tới chuyến vượt biên của

Ngữ, đem theo đứa con của nàng và Tường... Nam yêu Tường như yêu một vài nhân vật tiểu thuyết Tây phương, yêu cái hình ảnh trừu tượng của "người tình", "người hùng", "người trai thời loạn"... Con người ít nói và thầm kín này đã bày tỏ tình yêu khi Tường bị thương, khi Tường cần cả sự chăm sóc tinh thần lẫn vật chất. Tình yêu trừu tượng của Nam nảy nở và biến thái thành một phản ứng chiếm ngự pha lẫn nỗi khát khao đùm bọc che chở. Nam chỉ hạnh phúc khi thấy Tường yếu đuối và phải nương tựa vào mình, là của riêng mình. Nam có một chút tình mẫu tử dành cho Tường, nên có lẽ chẳng còn gì cho con gái. Khi có con, nàng đã ê chề với tất cả, và sống lây lất với con như trong một ổ chuột chua lòm.

Nam sống trong mơ mộng rồi tưởng là mình hy sinh, rồi chán chường với tất cả trong khi không nhìn ra cảnh nhà sa sút, không nhìn ra nỗi lam lũ vất vả của em gái là Quế. Nàng đa cảm và lãnh đạm không để ý đến mối tình của anh là Ngữ với Diễm. Nàng sống quá nhiều với nội tâm, nên như chỉ còn biết yêu chính mình, và hận chính mình, yêu một hình ảnh nào đó của tình yêu, rồi thất vọng với tất cả.

Cùng học với Nam, và cũng là người kín đáo thâm trầm, Quỳnh Trang cũng chẳng có một cuộc sống hạnh phúc hơn. Nàng đẹp phúc hậu, hai má bầu bĩnh, mũi thẳng, khuôn mặt vuông vắn rạng rỡ. Quỳnh Trang luôn luôn chậm rãi, ý tứ và tự tiết chế: vui không dám vui hết, cười không thành tiếng, nên buồn cũng chỉ một nửa. Vẻ đẹp phúc hậu với mái tóc dầy và sự chịu đựng nhẹ nhàng của nàng khiến người đọc liên tưởng đến một Thúy Vân.

Nhưng, khi bão nổi lên, và gia đình ông bà và Thanh Tuyến bị sa sút, Quỳnh Trang hành xử khác với Nam. Nàng cố vươn khỏi sự bức bí của hoàn cảnh mà bỏ học xoay ra việc sinh kế cho gia đình. Nàng trở thành điểm tựa cho cả gia đình, và cho cả Ngữ. Tác giả khéo léo dẫn người đọc vào không khí mơ hồ và có vẻ bất chợt của mối tình giữa Quỳnh Trang và Ngữ nhưng phức tạp không kém gì mối tình giữa Ngữ và Diễm.

Thực ra, vào đầu truyện, người đọc đã chờ đợi Ngữ nản chân bon mà tìm tới Quỳnh Trang, nhưng câu chuyện lại không xảy ra như vậy. Ngữ yêu Diễm và thất bại với một niềm hạnh phúc đắng chát, không mấy quan tâm đến Quỳnh Trang. Nhân vật Quỳnh Trang chỉ là một cái gì quý hóa, hiền hậu, như một người chị hiện diện sẵn ở bên tự bao giờ

mà mãi đến sau này Ngữ mới nhìn ra. Nhưng, mối tình hôn nhân giữa Quỳnh Trang và Ngữ đã chẳng lật qua một trang sách hồng. Tiếng là ở rể, Ngữ thường phải đóng quân ở xa, và hai vợ chồng ít có dịp gặp nhau, chẳng có mấy khi gần gũi riêng tư... Quỳnh Trang còn phải tranh đấu với hình ảnh của Diễm án ngữ ở giữa. Nàng hay ghen, ưa hờn dỗi, nên những âm thầm chăm chút cho chồng cũng vẫn không là một bến đậu êm ả cho Ngữ.

Cùng sống trong nhung lụa của gia đình ông bà Thanh Tuyến, có Quỳnh Như, em ruột của Tường và Quỳnh Trang. Quỳnh Như là người được coi là xinh nhất, có duyên với chiếc răng khểnh và láu táu với tiếng nói cười trong vắt. Nàng là một đóa hoa của Huế, mơ mộng nhưng thẳng thắn, không đam mê và không tự dằn vặt với những nỗi u uẩn vu vơ.

Người con gái Huế xinh xắn và hồn nhiên như con chim sơn ca đó đã không tìm thấy hạnh phúc ở những thanh niên cùng trang lứa, bạn của anh Tường. Hình như nàng cũng chẳng đi tìm hạnh phúc. Hạnh phúc đến với nàng dưới hình ảnh một thanh niên Hoa kỳ, lý tưởng, đa cảm mà thiếu thực tế – thiếu chất Mỹ –. Sau khi cửa nhà sa sút, ông bà Thanh Tuyến dọn xuống Sàigòn, Quỳnh Như ở lại nội trú tại Huế. Biến cố Mậu Thân xảy ra và Dale Davidson, người thanh niên thiện nguyện qua Việt nam dạy Anh văn trong trường sư phạm Quỳnh Như đang theo học, đã yêu cô nữ sinh viên khả ái này. Tình yêu của họ đến nhẹ nhàng, nhưng cũng trải qua biết bao sóng gió mới tiến tới hôn nhân. Thời đó, nạn lính Mỹ đổ quân vào Việt nam, với bao rác rưởi vật chất và tinh thần, đã là một chướng ngại xã hội và tâm lý không nhỏ cho một gia đình trung lưu của Huế cổ kính. Dale lại phải hồi hương, Quỳnh Như phải kiên nhẫn tranh đấu mãi mới được kết hôn và theo chồng về Mỹ.

Tới nơi nàng mới thấy Dale không yêu mình bằng yêu Việt nam, yêu cái không khí thảm thương của Việt nam. Tới nơi, đóa hoa xinh đẹp đó của Huế đã tàn tạ lần mòn vì bị bứng khỏi quê hương. Tới nơi, con chim sơn ca đó đã hết hót. Mối tình và cuộc hôn nhân dị chủng đã kết thúc như một tiếng thở dài héo hắt... Khi đó, chẳng còn mấy ai nhớ đến nàng, vì chinh chiến đã lan rộng từ miền Cao Nguyên và miền Trung, dẫn tới cơn chấn động 30 tháng Tư...

Nhưng, nàng trở thành một cái phao, một bến bờ hy vọng cho cả gia đình, khi cơn bão Đỏ nổi lên từ 1975. Trong hai chị em, Quỳnh Trang là người tẻ nhất, cuối cùng lại có một cuộc sống sôi nổi đầy biến động. Quỳnh Như tươi tắn và sống động hơn lại khép mình trong một cuộc sống độc thân tẻ nhạt bên vịnh San Francisco, nuôi con cho Diễm và Ngữ, chờ đón cha mẹ đoàn tụ... Nguyễn Mộng Giác có thể thấy người đọc khe khắt với Nam, người đọc lại thấy Quỳnh Như xứng đáng được "hồi sinh" trong một bộ tiểu thuyết nối tiếp Mùa Biển Động.

Con người đam mê và phức tạp nhất trong các nhân vật nữ là Diễm.

Diễm là bạn học cùng Quỳnh Như, là em của Ngô, người bạn thân của Tường và Ngữ. Nàng không đẹp phúc hậu như hai chị em Quỳnh Trang, Quỳnh Như. Diễm đẹp mặn mà, có duyên ngầm. Da hồng quân, cằm nhọn, cổ thon, hơi gầy, mắt luôn luôn long lanh, ý nhị. Diễm bước vào truyện như người em gái ý tứ và cũng là người mẫu đầy quyến rũ của Ngô, nàng chiều anh và chiều bạn của anh. Nhưng, tình yêu giữa Ngữ và Diễm chớm nở cùng cơn bão nổi của thời cuộc. Bão càng bùng lên lại càng đẩy gia đình Diễm, và cá nhân nàng, đến trước một thực tế: sự khốn cùng. Diễm vùng ra mà vẫn muốn giữ lấy mối tình của nàng với Ngữ. Nàng vừa muốn kiếm tiền cho gia đình, bằng con đường nhanh nhất dù không giản dị, đó là lấy chồng thương gia (gian thương đúng hơn), trong khi vẫn muốn ôm trong lòng tình yêu của Ngữ. Nàng cho Ngữ những gì quý nhất của nàng, nhưng vẫn muốn tìm kiếm những gì nàng quý nhất: những tiện nghi của một đời sống sung túc. Vì vậy, "Diễm Ga" vẫn lấy chồng, làm ăn phấn chấn, thay đổi cả cách sống, cách phục sức, trang điểm, để trở thành "Diễm Sàigòn", đồng thời vẫn xoay xở để có được một nơi gặp Ngữ, là người tình của Ngữ.

Là người đọc và lý giải Kim Dung khá kỹ, thời còn băn khoăn với những vấn đề của Việt nam chiến tranh, của chính – tà, đúng – sai, chắc hẳn Nguyễn Mộng Giác đã tủm tỉm cười với vẻ kín đáo cố hữu, khi thấy Diễm lăn xả ra kinh doanh, trở thành nữ xướng ngôn viên của một chương trình phát thanh binh vận, trong khi vẫn là Diễm nồng nàn tình cảm bên Ngữ. Trong thế giới bão táp đó, quả là hắc bạch khó phân minh. Diễm vừa là nhân vật đáng ghét nhất, vì diêm dúa và lý tài khác hẳn Nam hay Quỳnh Trang, Quỳnh Như, lại vừa là người tình chung thủy dịu dàng của Ngữ. Nàng có sự sáng suốt và phàm tục của một con buôn không từ nan một thủ đoạn nào, kể cả móc ngoặc buôn lậu với cán

bộ Việt cộng đến nỗi bị truy nã tù đày, rồi đứng ra làm môi giới cho tổ chức vượt biên... nhưng nàng cũng là người đạt dào đam mê nhất trong ngần ấy nhân vật.

Qua 5 tập truyện và biết bao thăng trầm của những mảnh đời tan tác, Diễm là nhân vật nổi bật với những cá tính đầy tương phản; có lẽ là một nhân vật tiểu thuyết hay phim ảnh hấp dẫn vì những cá tính mâu thuẫn này.

Bên cạnh Diễm, một nhân vật nữ có cá tính rõ rệt không kém, dù tác giả không giới thiệu công phu, đó là Quế, em của Ngữ.

Quế không xinh không đẹp, không học giỏi, không mơ mộng và khả ái. Nàng là người thực tế, không thích rắc rối, và nếu có một sở thích, như tác giả mô tả trong tập I, thì đó là thích chợ búa, buôn bán. Nhưng, hơn hẳn tất cả các nhân vật nữ trong truyện – kể cả Diễm – Quế biết mình muốn gì, biết những người thân muốn gì. Quế an phận chứ không dần độn chậm lụt. Nàng là người luôn luôn nhìn thấy việc phải làm, và làm đúng lúc, kể cả lăn xả ra bán bar (trong ý nghĩa thương mại của nghề này) tại Đà Nẵng khi lính Mỹ đổ vào. Rời tuổi thanh niên vô tư lự, những Ngô, hay Ngữ hay Tường, lúng túng bao nhiêu thì Quế lại tỉnh táo bấy nhiêu. Nhưng, khác với Diễm – con – buôn, Quế lăn lưng vào nghề vì gia đình và không bao giờ than thở, không gây vấn đề cho bất cứ ai. Trong gia đình nhà giáo có ông Văn, Ngữ và Nam đều ưa thích hoặc dính líu đến nghề mô phạm vừa nghèo vừa khổ thì Quế mới là cây cột trụ.

Trong ngần ấy nhân vật nữ vật vã với ái tình, và không có hạnh phúc, Quế là người có cuộc sống tình cảm đơn giản nhất. Sau khi gánh vác cho cả nhà, tới trên ba mươi tuổi, Quế bình thản quyết định lập gia đình. Nàng lấy một người chồng cũng từng trải trong thương trường và tình trường, đã từng dang dở hai lần và có mấy mặt con. Quế bất cần, và cũng chẳng kể đến nỗi e ngại hay điều phàn nàn của mẹ. Nàng muốn nghỉ ngơi, cần có gia đình thì lấy chồng, và sẽ tìm được hạnh phúc bình thường trong sự chọn lựa tỉnh táo này. Có lẽ, trong ngần ấy nhân vật, Quế là người sống vì người khác nhiều nhất, tương đối có hạnh phúc nhất, dù chẳng phải là hạnh phúc rực rỡ mộng mơ. Nàng không phải là một nhân vật tiểu thuyết, mà là sự vạm vỡ mạnh khỏe của đời sống.

Phải chăng vì vậy mà người đọc thấy nhân vật này ít quyến rũ, ít thơ mộng?

Câu hỏi có thể được nêu lên bằng cách khác: trong thế giới đầy hoài nghi và bi quan của Mùa Biển Động, nhân vật ít tinh thần hoài nghi và có nghị lực nhất cũng lại là nhân vật có vẻ phẳng lặng bình thường nhất. Quế không là một điển hình của Huế – trong – tiểu – thuyết. Nàng gần với sự phấn đấu của Nghệ An hay Bình Định... Người đọc có cảm giác là tác giả đã có những lúc phân vân về ý nghĩa của một cuộc đời thơ mộng, đối chiếu với những thúc bách của đời sống mà ông đã và vẫn đang chứng kiến, để ngầm kết luận là thế giới văn chương sẽ chóng quên Huế, nhưng, đời sống không thể thiếu những người như nàng.

*

Đời sống cũng không thể thiếu một nhân vật phụ mà đầy cá tính khác. Đó là Lãng, người em của Quế và Ngữ. Chúng ta bắt đầu điểm qua những nhân vật nam của Nguyễn Mộng Giác.

Lãng là một thanh niên thuở nhỏ lêu lổng đàn đúm. Chán rồi Lãng mạo tuổi đăng lính Nhẩy Dù, đào ngũ đâm người, thành du đãng bê tha, rồi đổi ngũ vào Thủy quân Lục chiến để có mặt thật anh dũng ở những điểm "nóng" nhất trong giai đoạn Quảng Trị 1972, Sàigòn và Huế Mậu Thân 1968, rồi di tản từ miền Trung vào Sàigòn năm 1975... Lãng là một nhân vật tràn đầy bản năng, rất tiểu thuyết mà cũng rất thật. Run rẩy e sợ trong trận thử lửa đầu tiên, hóa dại đào ngũ uống rượu đâm người vô can ngay giữa chợ, rồi huênh hoang thành tay anh chị phụ giúp cho ông Thanh Tuyến trong những vụ thầu rác Mỹ, rồi phản tỉnh, đi vào chiến tranh như trò đùa, đuổi giặc khỏi Sàigòn rồi ra giải phóng Huế, suốt đời chẳng lên lon nhưng gan lỳ và có tình hơn cả, sáng suốt và thực tiễn hơn anh Ngữ đến mấy trận chiến, nên giặc vào liền xoay ra buôn bán chợ trời, chụp ảnh dạo kiếm ăn. Lãng cũng là người sẽ phụ trách việc tổ chức vượt biên cho cả gia đình sau này...

Nguyễn Mộng Giác không cho Lãng lên tiếng lắm lời, nhưng cách sống và cách nói của Lãng khiến nhân vật này là một nhân vật nổi bật, và đầy cá tính. Về phương diện thuần túy văn chương, tác giả đạt nhiều thành công với nhân vật này.

Trong gia đình nhà giáo là ông Văn, Lãng có vẻ "người" nhất, rất giống cha trong cái lô gích của kiếp người mà lại hoàn toàn tương phản về đạo đức và tính tình. Bên cạnh, và sáng chói hơn, đến độ trở thành nhân vật chính của bộ trường thiên là Ngữ. Ngữ dong dỏng cao, mạnh khỏe và thông minh, ưa sống cô độc ngay cả giữa các bạn bè trí thức

thời thượng của Huế tranh đấu 1963 – 1966... Là anh cả trong nhà, Ngữ chán học bỏ đi lính, tốt nghiệp hạ sĩ quan ở Đồng Đế, bị thương và bị quăng về đời lính văn phòng, Ngữ nổi trôi trong thế lính cầm bút và luôn luôn thấy đời không vừa ý. Có lúc chịu thua trật tự của xã hội chàng lặng lẽ học lại để được vào Thủ Đức ra sĩ quan, nhưng vẫn loay hoay giữa những vấn đề lớn không đáp số.

Chàng là người có nhiều hiểu biết nhất, và cũng vì vậy, có nhiều vấn đề nhất. Ngữ là điển hình của tinh thần hoài nghi, luôn luôn điềm đạm nhìn ra mặt trái của mọi vấn đề. Chàng muốn *làm người suy nghĩ độc lập và lương thiện,* nhưng lại có hai nỗi đam mê rất lớn, đó là Diễm và văn chương, mà không thành công trong cả hai mơ ước. Theo dõi kỹ những nổi trôi của nhân vật, từ tiểu khu Thừa Thiên tới Sàigòn, rồi Pleiku, Phú Bổn và Long An, trở lại Sàigòn mang tên thành phố khác, Ngữ nổi bật trong vài khía cạnh kín đáo: Ngữ chung thủy với những người chân thật. Ngữ thương người, theo cách lối của chàng. Chàng có thể không sợ những ông lớn thiếu tư cách, nhưng lẽo đẽo và can trường theo Trung tá Thanh, một người hùng hiếm hoi của bộ trường thiên, suốt khắp mấy vùng chiến thuật.

Ngữ là loại người có thể giữ được sự bình thản trước trăm cảnh chết chóc thương tâm, nhưng lại yếu đuối mẫn cảm trước một giọt nước mắt khổ đau, thường thì là của các mẹ già hay thiếu nữ thơ dại. Chàng thương người đến độ ủy mị thất thường. Trong một dịp thăm mộ cha, Ngữ đã xót thương một người chết trẻ trong ngôi mộ "láng giềng", và tỉ tê phân trần với vong hồn của cha, qua trung gian của người chết không quen biết này, để chợt thấy mình hơi lẩm cẩm...

Ngữ chỉ nổi bật bên cạnh Diễm, hoặc bên cạnh Trung tá Thanh, trong tầm đạn của kẻ thù.

Chàng là nhân vật phức tạp nhất trong các nhân vật nam của Nguyễn Mộng Giác. Những người đọc hiếu kỳ đa sự có thể ngầm hiểu về Ngữ như một phần tự truyện của tác giả. Nhưng, có lẽ sự thật nó phức tạp hơn vậy vì Ngữ quả ôm trong mình tất cả những tâm tư rắc rối và mâu thuẫn của một thanh niên đa tình, đa cảm, hơi làm dáng, nhưng can đảm và có trí tuệ, ở giữa thời loạn.

Cũng trong thế hệ của Ngữ, Ngô là người con thiếu may mắn hơn. Là con trai lớn của một nhân viên xoát vé xe lửa lên tới trưởng tầu, Ngô mới học tới năm thứ ba Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế, trong khi có người

em là Ngọc, một thứ Vương Quan hiện đại, chân chỉ hạt bột, học bác sĩ và sau này tốt nghiệp cũng ngăn nắp, ích kỷ và mờ nhạt như một bóng ma. Ngô không ngoan ngoãn và gương mẫu như em. Chàng yêu hội họa, yêu một màu xanh ngọc bích trên khung vải, nhưng chưa tìm được cho mình một màu xanh của đời sống. Ngô có duyên hơn Ngữ, nhanh trí đối chát với Tường mà cũng dễ nổi cục và chóng nản. Chàng không có định hướng rõ rệt nhưng hết sức chân thật, hơn hẳn Ngữ – và dĩ nhiên hơn hẳn Tường – trong một chọn lựa của mình: Ngô không mấy tin tưởng vào những khẩu hiệu đấu tranh của Tường, nhưng cũng lăn xả vào cuộc đến độ bị tù sau vụ biến động Phật giáo tại miền Trung. Gần mãn hạn tù thì Ngô gặp Huế Mậu Thân và được chính... Việt cộng giải phóng. Ngô không dám thoát ra khỏi sự giải phóng bất đắc dĩ này để tìm về phe Quốc gia, nên khi Việt cộng tháo chạy khỏi Huế, Ngô bị đem theo, lờ ngờ trở thành Việt cộng, "kinh qua" mọi nỗi khổ ải của trí thức trong cách mạng Vô sản, rốt cuộc đi ra Bắc, làm trong đài phát thanh của Việt cộng tại Hànội.

Nhưng, Ngô vẫn là người chân thật nhất, nên sau 1975, từ Bắc xin vào Nam thăm gia đình, Ngô can đảm bước ra khỏi guồng máy, trốn không về nhiệm sở cũ, xoay ra vẽ guốc sống qua ngày, và sống trong sự bình thản sáng suốt cho hết cái nghiệp của người kẹt giữa hai bánh xe lịch sử. Ngô mới là nhân vật đáng yêu, và trong một khía cạnh nào đó, đáng kính hơn nhiều nhân vật cùng thời.

Chắc chắn là Ngô đáng yêu đáng kính hơn Tường. Con nhà tư sản trung lưu, sống bám vào cha mẹ, Tường theo đuổi mọi trào lưu tư tưởng thời thượng của thành phố, và rất "hề" trong những hài kịch đấu tranh. Khi Ngữ đăng lính và Ngô vào Mỹ Thuật, Tường vào Sàigòn học Sư phạm rồi trở ra Huế dạy Triết. Dáng người gầy yếu, tóc dài, mắt nhỏ có đuôi và hấp háy sau cặp kính cận, Tường có cái mã rất hiện sinh, rất trí thức thành phố, ham hưởng thụ lại sẵn sàng đốt cháy tất cả bằng lời nói để tái lập một trật tự công bằng nào đó trong cõi người. Tường bất mãn với xã hội bao quanh, trước nhất với chính gia đình, và dễ dàng sôi nổi vì khẩu hiệu, đến độ trở thành lố bịch.

Trong các nhân vật nam, Tường là người được tác giả của Mùa Biển Động chiếu cố kỹ lưỡng, với những phân tách đầy châm biếm của ông. Chỉ có mình Nam tin và yêu những điều Tường nói, chứ có lẽ chính Tường cũng chẳng mấy tin.

Nhưng, cuộc tranh đấu đang mở ra như một chợ phiên rộn ràng, Tường lao theo, và rơi vào vòng tay Cộng sản lúc nào không hay. Sau vụ xách động tranh đấu vụng về tại miền Trung, sau những ân ái bất ngờ và tăm tối với Nam, Tường bỏ Huế chạy trốn ra bưng theo Việt cộng nhưng còn kịp khuyên Nam... tự thiêu như một tiếng bạc vỡ vát. Ở trong bưng, thành anh cán bộ Tư Vịnh, Tường có dịp so sánh cách mạng trên sách triết với cách mạng của Cộng sản, bẽ bàng trở thành cán bộ tuyên huấn cho Việt cộng mà chẳng bao giờ có tín nhiệm. Con nhà tư sản, em gái lấy Mỹ, lại là người "giác ngộ cách mạng" qua triết lý hiện sinh..., làm sao Tường có thể tìm cho mình một vị trí ổn định trong guồng máy Cộng sản?

Tường trở về trong dịp Mậu Thân, lại rút chạy và trở về năm 1975, mỗi lần về lại thêm già đi, thêm chán chường bất lực, chỉ có sự sợ sệt đến ngờ nghệch là không thay đổi. Sau 1975, khi Ngô dám trốn vào Nam và bất chấp tất cả để rút chân khỏi guồng máy, Tường vẫn bứt rứt trong những mâu thuẫn của mình. Thương bạn, Tường báo trước cho Ngữ những tai họa sẽ xảy ra vì vài truyện ngắn Ngữ đã viết trước đó. Nhưng, dù thương bạn Tường vẫn không chối từ được việc cầm bút viết bài mạt sát các sáng tác của Ngữ, theo quan điểm của ban Tuyên huấn, theo chỉ thị của thượng cấp và gieo thêm sóng gió cho Ngữ đang ở tù cải tạo...

Nam tưởng là mình yêu Tường, có lẽ nàng nhầm, nàng yêu một hình ảnh nào đó của một bến mơ cho người hùng thấm mệt, và thấy hạnh phúc trong một lối tự trừng phạt bất thường. Tường tưởng là mình yêu người, yêu sự công bằng của xã hội, yêu những tư tưởng cách mạng tiến bộ, hơn cả yêu Nam; chàng cũng nhầm luôn. Chàng yêu cái hình ảnh xách động của mình và mê tiếng âm vang của khẩu hiệu trừu tượng chứ không ngờ là những âm vang đó đội ngược thành tiếng súng, bắn vào chính những người thân của chàng. Nhưng, Tường không tìm ra được một lối thoát liều lĩnh như Ngô, như Mười Chí, một đảng viên Cộng sản cùng gốc gác tại Huế, hay chấp nhận một sự tự hủy cam nín như Nam. Sau cùng, Tường chỉ dám có một quyết định tạm coi là can đảm, đó là gửi con gái, của chàng và Nam, cho Ngữ đem đi vượt biên. Sau đó, không biết Tường sẽ tựa lưng vào đâu để nói chuyện với guồng máy...

Trong những nhân vật nam của Mùa Biển Động, Tường là người được mô tả tỉ mỉ với tính chất phê phán rõ rệt, vì vậy, cũng là nhân vật để lại cho người đọc nhiều ấn tượng bực bội lẫn thương cảm khó chịu. Nguyễn Mộng Giác yêu thích sự hồn hậu thâm trầm, nhưng rất thành công với một nhân vật có nhiều kịch tính, ồn ào và càn rỡ trước khi bão nổi, sau đó thì lầm lũi nhẫn nhục trong hoang tàn.

*

Bên cạnh những Tường, Ngữ, Ngô hay Lăng, người đọc có thấp thoáng thấy nhân cách đặc biệt của một số nhân vật phụ.

Ông Văn là người tiêu biểu cho thế hệ trước, đáng yêu và đáng kính trong nỗi phẫn hận của cả thế hệ. Từng tham gia kháng chiến tại Vạn Giả Ninh Hòa trong thời kỳ trước, rồi bị đứt liên lạc, về Ninh Hòa lấy vợ đẻ con, đi dạy học, ông cố sống một lối sống có tư cách, cố gieo rắc những hạt mầm tốt của một nhân sinh quan có đạo đức. Nhưng, lịch sử như một cơn bão dữ, đã chẳng để ông yên thân gieo trồng những tư tưởng hay đẹp của cổ nhân. Ông bị các con vượt lên, bị thời cuộc nhận chìm và sau cùng bị bạo lực tiêu diệt. Ông Văn là một trong mấy ngàn nạn nhân của vụ thảm sát Mậu Thân tại Huế. Ông bị chôn sống bởi những người đã về cùng Tường, đứa học trò yêu, con rể và có lẽ người mà ông tưởng là hợp tính hơn cả. Nguyễn Mộng Giác không viết nhiều về nhà giáo này, nhưng cũng đủ để người đọc có nhiều cảm tình và thấy gần gũi thân thiết hơn cả.

Hai lần sui gia với ông Văn là ông Thanh Tuyến, cha của Tường và Quỳnh Trang, một thương gia lanh lợi, có năng khiếu kinh doanh nhưng không đến nỗi thớ lợ giảo hoạt như cha con ông Toàn và Mân... Ông là người lẫn lộn xấu tốt, có lúc đáng ghét, có lúc đáng thương. Điểm ý nhị và lý thú là tình trạng hồi sinh của ông, sau khi chết hụt, sạt nghiệp và bị mấy năm như liệt nửa thân hình. Ông cùng gia đình vào Sàigòn buôn bán trà và cà phê cho qua ngày, rồi bỗng trỗi dậy trong nghề làm băng nhạc, đỏm dáng trong những mối quan hệ nửa văn nghệ nửa thương mại, những đua đòi theo trào lưu âm nhạc, kịch ảnh trẻ trung... Những thảm kịch liên tiếp xảy ra trong gia đình ông không cho người đọc đi sâu hơn vào sự thoát xác đổi tính của ông, nhưng tác giả cũng hé mở cho thấy những phức tạp rất tế vi của tâm tính con người. Nếu đi theo khuynh hướng văn chương có lúc là thời thượng, đem tâm phân học chiếu rọi vào các nhân vật, Nguyễn Mộng Giác có hai nhân

vật đáng đưa vào ống kính. Đó là Nam đã nói ở trên và ông Thanh Tuyến này.

Ngoài ra, có bốn nhân vật phụ khác khiến người đọc nhớ mãi, vì đánh dấu những góc cạnh đẹp của cuộc chiến.

Trung tá Thanh là thượng cấp của Ngữ, một người có vóc dáng kiêu hùng, tư cách lẫm liệt, một điển hình của sĩ quan can đảm và tận tụy với binh nghiệp. Ông đánh trận rất giỏi, nhưng gia tế không giỏi khi phải rời súng vào bàn giấy đối co với chính trị. Ông biết vậy, nên luôn luôn tìm ra trận, tuân lệnh thượng cấp đánh đến cùng, cho tới khi bị bỏ rơi cũng vẫn mò ra chiến tuyến, để rồi bị tù cải tạo, bị đưa ra miền cực Bắc, mấy năm sau mới trở về Thanh Hoá. Về tới nơi, ông trốn khỏi trại đi biệt tích. Cho tới khi đóng sách lại, người đọc vẫn cảm thấy thật rõ ràng là con người đó vẫn chưa buông súng, vẫn còn chiến đấu đâu đó ở trong rừng. Trung tá Thanh là người như vậy, chứ không thể nào khác được. Ngữ yêu ông, kính phục ông và chỉ biết theo ông đi khắp nơi là đúng. Với những con người đó, loài người chưa tuyệt vọng.

Va chạm với Trung tá Thanh một trận tại Bình Định, sau này trở thành một chiến hữu của ông, cho tới hơi thở cuối cùng, là Đại úy Thường. Ông từ quân đội ra, sau khi đã lăn lưng vào kháng chiến với Việt minh trước đó, ông trở thành một tỉnh đoàn trưởng Xây dựng Nông thôn, một trong những người anh hùng thầm lặng của đội ngũ cán bộ áo đen. Ông bị o ép trong những tranh chấp giữa quân sự và chính trị, giữa trách nhiệm và tham nhũng, nhưng dù bất mãn với phương thức tiến hành chiến tranh, ông gan lỳ hiện diện đến cùng, lần chót là vào cuối tháng Tư, với Trung tá Thanh và Ngữ trên quốc lộ 4. Không chịu đầu hàng khi bị tràn ngập, ông cố ý tìm cái chết dưới đạn thù để khỏi phạm lỗi tự vận, vì là một người Công giáo. Nhớ đến người Đại úy này, người đọc liên tưởng đến cảnh Ngữ chứng kiến tại bùng binh Quốc Hội khi Sàigòn đã đầy bộ đội: một vị sĩ quan cảnh sát kê súng vào đầu tự sát dưới chân bức tượng hai người lính Cộng hòa. Trong những giây cuối, ông vẫn cố kéo hai chân cho ngay ngắn, để chết trong tư thế nghiêm. Mùa Biển Động giới thiệu đầy dẫy những chi tiết hào hùng như vậy.

Có hai nhân vật khác thật linh động và đáng được người đọc chú ý tìm hiểu hơn nữa là Đại úy Vinh, Quân cảnh, và Trung úy Huy, Thủy quân Lục chiến.

Khi Ngữ lờ đờ thụ động chưa biết xoay trở ra sao để đưa Quỳnh Trang ra khỏi Phú Bổn về Sàigòn, tiếng cười tự tin của Đại úy Vinh là một sự sảng khoái kỳ thú. Ngữ gặp ông nhiều lần trước đó, thời còn giao du với các sĩ quan bán văn bán võ ở Sàigòn (Đại úy Vinh làm thơ), và Ngữ ít nói bao nhiêu thì Đại úy Vinh ồn ào bộc trực bấy nhiêu. Trong vụ triệt thoái biến thành bỏ chạy dọc liên tỉnh lộ số 7, ông vẫn là một thế nương tựa vững vàng với giọng cười ngạo nghễ. Tác giả Mùa Biển Động chỉ mô tả nhân vật này bằng vài đoạn đối thoại ngang tàng trong các chương 83 và 126 đến 134 nhưng thực sự đã vẽ ra hình ảnh tiêu biểu của những người lính chiến ở cùng thế hệ với những Tường, Ngữ, Ngô. Họ ít vấn đề rắc rối hơn, có vẻ bạt mạng coi thường mọi chuyện, nhưng lại có tâm hồn và sự hiểu biết sâu sắc hơn Tường hay Ngô rất nhiều.

Trong khi Ngữ cùng Đại úy Vinh rút chạy theo làn sóng người chuồi từ Pleiku xuống Tuy Hoà thì Lãng vẫn cầm súng nơi vùng hỏa tuyến tại Mỹ Chánh và khi lữ đoàn của Lãng bị bỏ rơi, tan rã dọc theo ven biển miền Trung rồi bị bắt trọn, Lãng chạy cùng thượng cấp là Trung úy Huy. Cả hai đều cố gắng, can trường trong những phút cuối thật quái gở của cuộc chiến, dù chẳng hiểu sao chưa đánh đã rút và cả một lữ đoàn bị đại bại thê thảm. Trong khi Lãng vừa chạy vừa chửi thề văng tục thì Trung úy Huy lặng lẽ trầm ngâm nghĩ ngợi mãi về những điều đã thấy, *như một loài nhai lại.* Về khía cạnh này, ông giống Ngữ, sống nhiều với nội tâm, nhưng hơn Ngữ, ông vẫn là người tỉnh táo bén nhạy đến tận cùng. Ông thèm cái phản ứng hồn nhiên và yêu cái bản năng đơn giản của Lãng, nhưng vẫn cố giữ sự chừng mực của một trách nhiệm đau đớn.

Dưới ngòi bút Nguyễn Mộng Giác, viên sĩ quan rất ngang tàng trong cảnh giữ đất trước giờ "ngưng bắn" đầu năm 1973 cũng là người phải nghiến răng vượt qua những cảnh khiếp hãi trong cuộc tháo chạy ven biển, giết nhau trên tầu trên bãi, năm 1975. Ông chẳng hoảng hốt lo sợ khi bị bắt, nhưng lại bật khóc khi thấy Lãng ngã gục, tưởng là người "đệ tử" sinh tử với ông trong ba năm trận mạc khắp nơi vừa bị bắn hạ.

Qua những mô tả của tác giả về nhiều nhân vật sĩ quan Cộng hòa, những ai theo dõi kỹ hẳn cũng thấy là ông gần gũi với họ, kính trọng và cảm thông với hoàn cảnh khó khăn của họ. Đối chiếu với những nhân vật ở phía Việt cộng – những Ba Liệu, Bảy Thu, Sáu Lăng, hay Thuấn,

hay cả Mười Chí – họ hơn hẳn ở cái nét sinh động và cái phức tạp của chất người.

Người đọc sẽ không thể nói hết về những nhân vật nổi trôi trong Mùa Biển Động. Qua hơn 1.800 trang sách, chúng ta gặp cả trăm nhân vật khác nhau, trong những tình huống bất thường, lẫn lộn cả xấu tốt, nhu nhược hay gan dạ, thủ đoạn hay chính trực, tầm thường hay cao quý. Cả bộ trường thiên tiểu thuyết ghi lại gần 20 năm đảo điên của lịch sử, nên tác giả không thể khoanh tròn câu chuyện trong một vài nhân vật hay một vài gia đình. Có thể nói là nhân vật chính của Mùa Biển Động chính là lịch sử nước ta, từ 1963 đến 1981, dưới cái nhìn tinh tế và tràn đầy thương xót của tác giả.

*

Đến đây, liệu ta có thể tìm hiểu "thông điệp" của tác giả về kiếp người trong giai đoạn lịch sử nói trên không?

Tùy theo người đọc, tùy ở tâm tư và hoàn cảnh từng người trong cuộc biển dâu đằng đẵng vừa qua, mỗi người có thể tìm thấy cho mình những kết luận về tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác. Trong tinh thần dè dặt và với sự chủ quan của mình, người đọc thử nêu ra đây một vài nhận xét thô thiển:

Nguyễn Mộng Giác không thích, và rất nghi ngờ vai trò của chính trị. Những cuộc tranh luận về "tuổi trẻ trước hiện tình đất nước", về "nhu cầu của một cuộc cách mạng", về "sứ mệnh dấn thân của ngòi bút", v.v... được mô tả trong hai tập đầu với sự hoài nghi và châm biếm. Khi trận bão thời đại nổi lên, từ những tập sau của tác phẩm, chính trị trong ý nghĩa của những ước mơ viển vông và thoái lui, bất lực và đáng thương trước chính trị thủ đoạn và bạo lực chiến tranh.

Nếu đặt trên bàn cân vai trò tương đối của chính trị và văn nghệ, những nhân vật như Tường hay các đồng chí của anh ở một bên, và những nhân vật như Ngữ và các bạn văn của anh ở bên kia, người đọc đương nhiên thấy là tác giả thiên về vai trò của văn nghệ. Đúng hơn, giá trị trường cửu của văn nghệ trong đời sống đối chiếu với những tham vọng và thủ đoạn của chính trị. Nhưng, xét cho kỹ, tác giả cũng hoài nghi luôn về giá trị nghệ thuật của nền văn nghệ đó. Ông có thể làm nhiều người cầm bút chau mày với những mô tả về thế giới văn chương của Sàigòn (trừ phần trình bày về tờ *Bách Khoa*). Như nhân vật Ngữ của mình, Nguyễn Mộng Giác là người khó tính. Khó tính với chính

lãnh vực hoạt động của ông. Khó tính với chính những thành tựu rất tương đối với Ngữ.

Ẩn kín trong cả bộ trường thiên, người đọc thấy được một triết lý khác ít khi được tác giả minh nhiên xác nhận: Ông không thích những khẩu hiệu, những tư tưởng lớn. Qua những băn khoăn thao thức nhiều khi rất nhỏ nhặt của con người ta trong đời sống hay giữa phong ba, dường như tác giả muốn đặt con người trong vị trí thật khiêm nhường, với những động lực có thể là rất tầm thường, chẳng có gì là thần thánh cả. Cảnh hàng xóm của gia đình ông bà Thanh Tuyến đố kỵ ghen ghét với họ; hay tâm trạng bất mãn trở thành "cán bộ ba mươi" của ông Bống, cha của Ngô và Diễm, bị guồng máy Cộng sản đào thải sau khi lợi dụng; lối thủ thân của một ông đại tá tỉnh trưởng hay mưu mô vặt của một nhà báo "chống tham nhũng"; hay phản ứng ngỡ ngàng của Dale khi hiểu ra dụng tâm thiên lệch của hãng thông tấn UPI v.v... là những nét chấm phá sắc sảo vẽ lên bức tranh xã hội hỗn tạp, lẫn lộn thiện ác và xót thương căm giận. Nơi đó, mọi khẩu hiệu trừu tượng đều chỉ là giả trá hay bất lực.

Đời người ta thăng trầm vì những lý do rất bình thường, có khi rất thấp kém. Sự hoài nghi của tác giả về đời sống, về lịch sử, chính trị đến văn chương, hay súng đạn, trải rộng trong tác phẩm như một tiếng thở dài mông mênh bất tận. Các nhân vật của ông đều như người chết đuối trên cạn, cố ngoi lên trong nghịch cảnh rồi lại bị đánh chìm vào một cơn sóng dữ kế tiếp. Trong cả tác phẩm, người đọc chỉ thấy một chút xanh tươi nhú lên như mầm hy vọng, đó là khi Quỳnh Như dẫn Nam đi thăm trại cùi ở Tuy Hòa và cô nhi viện Xuân Phương tại Quy Nhơn. Nam có dịp so sánh nỗi khổ trừu tượng của mình với những khổ đau thực tế ở bên ngoài, và người đọc có thấy tác giả mở ra một ước mơ của mình: Tình thương sẽ hàn gắn được. Nhưng, trong Mùa Biển Động cuồn cuộn thác lũ, ước mơ đó quá mong manh, và mờ mịt như một ốc đảo nhợt nhạt giữa đại dương màu chì.

Người ta thường nói *sau cơn mưa trời lại sáng,* như một lời thầm ước về một kết cuộc có hậu. Gấp bộ truyện sau một cơn biển động kéo dài mười mấy năm, độc giả vẫn thấy gió lạnh thổi trên sự hoang vu trống vắng của kiếp người: Bàng bạc trong khắp 1.800 trang sách, người ta cảm ra được nỗi hoang mang bất định của Ngữ, và của tác giả. Ông là một người cực kỳ bi quan. Nhân vật của Nguyễn Mộng Giác, cả nam lẫn nữ, đều không có hạnh phúc. Càng là người sống nhiều với nội tâm

càng là người sống ít có hạnh phúc. Ngữ là người tiêu biểu, không phải là người duy nhất.

Nhưng, thế nào là hạnh phúc, có lẽ chính Ngữ cũng không giải thích được. Không chỉ là một người bi quan, Nguyễn Mộng Giác còn có tư tưởng hoài nghi với tất cả. Không nên trông đợi tác giả đưa ra một thông điệp nào về kiếp người hay việc cải tạo xã hội cho hạnh phúc con người. Như một vài truyện ngắn của Ngữ, cả bộ trường thiên tiểu thuyết cả Nguyễn Mộng Giác mà vào đến tay Cộng sản, tất cũng bị phê bình là không có lập trường dứt khoát, hay *"nhân đạo chung chung"*. Thực ra, trong hoàn cảnh nhiễu nhương của đất nước, khi chiến tranh và chính trị đảo lộn mọi trật tự, khi bạo lực chỉ muốn xăm xăm *thái mỏng văn nghệ ăn ghém với chính trị*, như câu của Ngữ phê phán lập trường của Tường, thì ít ai có thể đưa ra bất cứ một khẳng định nào có giá trị cả.

Chính Nguyễn Mộng Giác là người nghi ngờ và bi quan nhất về những loại "thông điệp", "sứ mệnh", những khẩu hiệu thần thánh có khả năng không đưa người thành thánh mà biến người thành thú.

Và đến đó, người đọc xin nêu lại một vấn đề với tác giả: Sau khi tập I xuất bản và có những lao xao công kích nổi lên, Nguyễn Mộng Giác đã phải phân trần và phân biệt *sự thực lịch sử với sự thực tiểu thuyết*. Thực ra, nhà văn có quyền tự do của mình, và người thưởng ngoạn có quyền chọn lựa hay phê bình. Vì vậy, ông chẳng cần phải thu vén hay trả lời cho những than phiền hay chỉ trích, đâm ra chính mình cũng có lúc phân vân giữa mục đích "ghi lại một giai đoạn lịch sử của đất nước" với sự thôi thúc sáng tạo ra một "sự thực tiểu thuyết", có thể lấy bối cảnh từ những biến cố có thật, nhưng với những tình tiết và nhân vật hoàn toàn hư cấu. Khi thảm kịch của lịch sử đã in hằn vào tâm hồn, để lại những dằn vặt không giải tỏa không được, thì sự thực lịch sử hay sự thực tiểu thuyết cũng chỉ là một phần của sự thực của đời sống, và nhà văn cứ sống và viết theo tâm hồn của mình thành một tác phẩm có giá trị cho mãi mãi sau này.

Những độc giả đã yêu quý ông mong là ông viết cho cả độc giả của vài mươi năm tới, chứ không nên bận tâm vì những công kích bất công nhân danh những khuynh hướng này khác, kể cả những phê bình sẽ có từ phía bên kia... Một tác phẩm văn chương không thể được viết ra để thỏa mãn một vài thành phần độc giả vẫn chưa thanh toán hết những vướng mắc của quá khứ. Tác phẩm của ông được viết cho nhiều thế hệ

khác của sau này, của cả những người hiện còn trong nước, và những đứa con của Nam và Ngữ, như chính ông đã nhắc tới.

Nghĩ đến những tác phẩm của văn chương Tây phương, đặc biệt là các tác phẩm hình thành sau những biến động lớn của lịch sử, người ta thường tự hỏi là vì sao một dân tộc đã từng gặp những thảm kịch ghê gớm như dân tộc Việt nam vẫn chưa có những tác phẩm "lớn", tương xứng với thảm kịch của mình?

Trường thiên tiểu thuyết Mùa Biển Động của Nguyễn Mộng Giác là bước đầu bù đắp vào khoảng trống này. Tác giả có thể hoài nghi và bi quan về đời sống, chứ độc giả không hoài nghi mà còn lạc quan với những tác phẩm kế tiếp của ông.

Quỳnh Giao
Tháng Chín, 1989

NHỮNG BÍ ẨN LỊCH SỬ
DƯỚI CHẾ ĐỘ
NGÔ ĐÌNH DIỆM
của Cửu Long Lê Trọng Văn
cựu đặc vụ của ông Ngô Đình Nhu

Nhiều sự kiện tối mật chưa bao giờ được tiết lộ nay xuất hiện trên hồi ký này. Đọc nó bạn sẽ thấy thích thú, hấp dẫn, ly kỳ, chứ không khô khan, rỗng tuếch như các sách khác.
Bạn đọc muốn đặt mua xin gởi Money Order hay Check (giá $16.00 US. Ngoài Hoa kỳ xin thêm $1.00 US cước phí) về nhà xuất bản:
MẸ VIỆT NAM
P.O. Box 151208
San Diego, CA 92115
USA

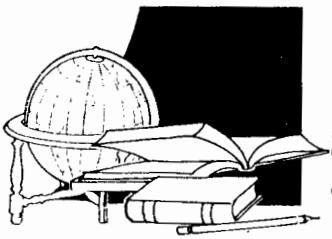

# GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG NOBEL NĂM 1989 TIỂU THUYẾT GIA TÂY BAN NHA CAMILO JOSÉ CELA MỘT NỀN VĂN CHƯƠNG ĐEN TỐI, TÀN BẠO, HOANG TRỐNG, KHÔI DỊ, ĐIÊN LOẠN, KHỐC LIỆT, VÀ VÔ CÙNG THƠ MỘNG

**Phạm Công Thiện**

## CHƯƠNG NHẤT

Ít ai biết tên tuổi Cela. Thực ra thì Cela đã nổi tiếng trên bốn mươi lăm năm rồi; quyển tiểu thuyết đầu tiên của Cela, nhan đề khiêm tốn và kín đáo là "Gia đình của Pascual Duarte" (La familia de Pascual Duarte) được xuất bản năm 1942, sau đó bị cấm phổ biến, đã đưa tên tuổi Cela lên hàng đầu dẫn đạo cả một nền văn chương mới của Tây ban nha. Có thể nói cho dễ hiểu: vị thế nghệ thuật của quyển tiểu thuyết đầu tiên của Cela trong văn học hiện đại thì giống như bức tranh nổi tiếng "Guernica" của Picasso trong hội hoạ. Paul West đã từng so sánh thế giới tiểu thuyết của Cela với thế giới khôi dị của những danh hoạ lạ lùng kỳ quái như Hieronimus Bosch và Brueghel; Paul West cho rằng "Cela là Goya của Tây ban nha dưới thời Franco". (Paul West, The Modern Novel, cuốn 2, trang 420 – 421). Nhiều nhà phê bình văn học thường so sánh Cela với những văn hào nổi tiếng như Dostoevsky, Céline, Malaparte, Camus, Faulkner, Kafka, Cervantès, Dos Passos, Sartre, Thomas Mann, Moravia, Baroja, Unamuno, vân vân. Alastair Reid so sánh nhân vật Pascual Duarte của Cela với Oedipus của nhà viết kịch bi tráng Hy lạp Sophocles; tiểu thuyết gia nổi danh Huê kỳ Saul Bellow (cũng Nobel văn chương), từ năm 1953, đã từng so sánh thái độ văn chương triệt để của Cela với những tên tuổi đồng loại như Camus, Sartre, và Moravia (The New York Times Book Review,

September 27, 1953, trang 5). Tất nhiên, những sự so sánh linh tinh trong văn nghệ đều ít nhiều võ đoán; nhắc lại những điều ấy nơi đây chẳng qua là nhấn mạnh rằng vị thế của Cela trong nền văn học hiện đại ở thế giới đã được tri nhận vững vàng và ưu liệt từ lâu: giải Nobel văn chương 1989 đã đến tay Cela quá trễ, và toàn bộ tác phẩm của Cela (Obra Completa de Camilo José Cela) đã bắt đầu được xuất bản tại Barcelona từ năm 1962; Cela đã đi vào văn học sử hiện đại từ mấy chục năm nay.

Ít ai biết đến tên tuổi Cela: ông đã bị bỏ quên từ mấy chục năm qua, giống như con người vốn thường bỏ quên thực tại đen tối, bi đát, bi tráng, dữ dội, tàn bạo, khốc liệt, hoang trống và u ám; không ai có đủ sức để nhìn thẳng vào Định Mệnh tàn khốc của Ý Thức bệnh hoạn. Từ năm 1913, thi sĩ triết gia thiên tài Tây ban nha Miguel de Unamuno đã thiết tha hiu quạnh lên tiếng về "Cảm thức bi đát của đời sống" (Del sentimiento trágico de la vida): "...so sánh với con lừa hay con cua thì con người là một con thú vật bệnh hoạn, do chính sự kiện là người, nghĩa là có ý thức. Ý thức là một bệnh tật". (...el hombre, por ser hombre, por tener conciencia, es ya, respecto al burro o a un cangrejo, un animal enfermo. La conciencia es una enfermedad). Chúng ta cũng nên trầm tư thân chứng cho đến hậu quả bi đát cuối cùng: "Ý Thức là một sự Bệnh Hoạn!" ...Alastair Reid đã xác định tương ứng rằng: "...nhân vật Pascual Duarte của Cela là một thí dụ minh chứng tuyệt vời cái mà Unamuno gọi là cảm thức bi đát của đời sống". Năm 1925, một triết gia khác của Tây ban nha, cũng rất có ảnh hưởng lớn mạnh trong văn nghệ học thuật hiện đại, Ortega y Gasset đã tuyên bố một câu bất ngờ, khiến cho giới văn học đều ngơ ngác: "Tiểu thuyết đã là một văn thể đang chết, không có được những đề tài hay những ý tưởng mới mẻ nữa". (Ortega y Gasset, La deshumanización del arte e ideas sobre la novela, 1925). Chúng ta cũng nên suy nghiệm lặng lẽ cho tới nơi câu khẳng định bất thường của triết gia đa tài Ortega y Gasset. Cela đã trải qua tuổi thơ và tuổi trẻ mình dưới hai thế lực tư tưởng triết lý lan tràn giai đoạn ấy, hai thần tượng dị biệt của bao thế hệ thanh niên sinh viên Tây ban nha, Miguel de Unamuno và Ortega y Gasset, một triết gia với trái tim, thịt và xương qua "cảm thức bi đát của đời sống" (Unamuno) và một triết gia với trí óc hăng say cuồng nhiệt qua cái "lý trí sinh động" (Ortega y Gasset: "razón vital").

Cela, một thanh niên mới ra đời trong những năm tàn tạ, tan rã, gần hai mươi năm sau sự bại trận của đế quốc Tây ban nha trong trận chiến tranh với Huê Kỳ, vừa mới hai mươi tuổi thì trận nội chiến tàn bạo bùng nổ ở Tây ban nha; Cela bỏ học ở đại học Madrid và đi đánh giặc trong hàng ngũ lực lượng nổi loạn của Franco, từ năm 1936 – 1939, rồi từ 1939 – 1943 mới trở lại học đường. Trong thời gian hãy còn là một sinh viên nghèo ở đại học Madrid, Cela đã sáng tác rất nhiều thơ. Cela đã là thi sĩ trước khi là tiểu thuyết gia. Mấy tập thơ đầu tay của Cela chỉ được xuất bản sau đó, sau khi Cela đã nổi tiếng qua quyển tiểu thuyết đầu tiên được viết vào mùa thu năm 1941, lúc Cela mới được 25 tuổi: đó là quyển "La familia de Pascual Duarte" (Gia đình của Pascual Duarte). Giải Nobel 1989 đã được trao tặng cho toàn bộ sự nghiệp của Cela, nhưng thực ra tất cả đã được quyết định từ ngay tác phẩm quan trọng nhất của Cela, quyển "Gia đình của Pascual Duarte" (đã được dịch ra tiếng Thụy điển từ năm 1947). Một quyển tiểu thuyết khủng khiếp lạ thường mà tác giả chỉ là một thanh niên mới 25 tuổi.

Lời tuyên bố của triết gia Ortega y Gasset về sự dẫy chết của văn thể tiểu thuyết đã trở nên vô nghĩa lúc quyển "Gia đình của Pascual Duarte" được xuất bản vào năm 1942 lúc Cela được 26 tuổi. Từ năm 1942 cho tới năm 1989, Cela vẫn tiếp tục viết mạnh, viết hăng say, và tạo ra cả một sự nghiệp văn chương đồ sộ, đủ mọi thể loại, từ thi ca đến kịch nghệ, từ thể văn du ký đến tiểu luận và cả tự điển (Bộ tự điển hai cuốn của Cela, nhan đề "Tự điển bí mật", "Diccionario Secreto", nói về Dục tình). Còn riêng về bộ môn tiểu thuyết thì Cela đã tiếp tục xuất bản rất nhiều kiệt tác nữa và thể hiện đủ mọi kỹ thuật bất ngờ trong nghệ thuật tiểu thuyết và đưa bộ môn tiểu thuyết lên ngôn ngữ chính yếu trong sự khai phá thể hiện khả tính tối thượng về "cảm thức bi đát của đời sống" và giới hạn tối hậu của cái mà Ortega y Gasset gọi là "Lý trí sinh động" (Razón vital)! (Mặc dù Ortega y Gasset, học trò của Husserl, thường tỏ vẻ đố kỵ với Unamuno và Heidegger, nhưng đứng về mặt Tính mệnh nhân loại thì "lý trí sinh động" phải vỡ nát trước bão tố xoáy tròn lặng lẽ của "cảm thức bi đát về đời sống" và của kinh nghiệm hư vô bàng bạc trong lòng Thể Tính).

Tưởng cũng cần nên lưu ý đến khí hậu tư tưởng, triết lý, tâm linh, đã vây phủ tâm thức của Cela: theo Jacob Ornstein và James Y. Causey thì Cela rất ngưỡng mộ Dostoevsky và Baroja (Books abroad, cuốn

27,số 27, 1953, trang 136 - 137); theo John J. Flasher thì Cela rất thán phục Faulkner và quen thuộc với những tác phẩm của Heidegger, Sartre, Kafka, và Camus. Cela đọc cặn kẽ tác phẩm huyền học của thánh San Juan de la Cruz (quyển "San Juan de la Cruz" của Cela xuất bản năm 1948, với bút hiệu là Matilde Verdu); Cela cũng đọc kỹ những văn thi sĩ đàn anh thuộc thế hệ 98 như Unamuno, Valle Inclan, Baroja, và Azorin (Cela đã viết riêng về những nhà văn này trong quyển "Cuatro figuras del 98: Unamuno, Valle Inclan, Baroja, Azorin..." được xuất bản năm 1961). Cela cũng quen thuộc với tiểu thuyết của Malraux và thần học của thánh Augustine; Cela thích viện dẫn những triết gia tâm đắc như Pascal, Max Scheler, Bergson, và chẳng quên đùa giỡn với triết lý khắc nghiệt của thiên tài Wittgenstein trong lời tựa quyển tiểu thuyết điên loạn và thơ mộng: "Bà Caldwell nói chuyện với đứa con trai của bà" (Mrs. Caldwell habla con su hijo), lời tựa viết riêng cho cuốn thứ VII của toàn bộ tác phẩm của Cela xuất bản tại Barcelona. Riêng đối với Camus thì Cela rất kính trọng; quyển "Gia đình của Pascual Duarte" của Cela được xuất bản cùng một năm với quyển "Kẻ xa lạ" của Camus ("l'Étranger" của Camus được ấn hành lần đầu vào ngày 15, tháng 6, 1942); Jorge A. Maraban có viết về Camus và Cela, nhấn mạnh tính cách bi đát của nhân vật "phản chống nhân vật anh hùng" trong tác phẩm của Camus và Cela (J. A. Maraban, "Camus y Cela: El Drama del antiheroe tragico", Picazo, 1973). Còn với Sartre, theo D. W. McPheeters, trong câu chuyện trò riêng tư, Cela coi Sartre như "kẻ bịp bợm"! (D. W. McPheeters, "Camilo José Cela", New York, Twayne x.b. 1969, trang 46 – 48). Về cá tính và con người của Cela, chúng ta còn có dịp nhắc tới vào lúc cần thiết; điều quan trọng nhất vẫn là tác phẩm của Cela: chúng ta hãy đi vào thẳng quyển tiểu thuyết nổi tiếng nhất của Cela viết vào năm 25 tuổi, quyển "Gia đình của Pascual Duarte" (La familia de Pascual Duarte). Quyển này được dịch ra tiếng Ý (năm 1944 và 1960), tiếng Anh (năm 1946), tiếng Thụy điển (năm 1947), tiếng Pháp (năm 1948), tiếng Đức (năm 1949), tiếng Đan mạch (năm 1950), tiếng Hòa lan (năm 1950), tiếng Bồ đào nha (năm 1952), tiếng Tiệp khắc (năm 1960) và nhiều thứ tiếng khác nữa.

Bây giờ, chúng ta hãy lắng nghe Pascual Duarte kể về cuộc đời mình qua tiếng Việt nam; chúng ta hãy đi vào từng chương một của

quyển "Gia đình của Pascual Duarte" (Cela không đánh dấu số chương, nhưng có thể đánh dấu phân đoạn thành 19 chương, theo bản san nhuận nguyên tác của Harold L. Boudreau và John W. Kronik; nguyên tác bằng chữ Tây ban nha thì tôi sử dụng bản nhà xuất bản Destino, Barcelona, 1960; tôi cũng tham khảo bản dịch chữ Anh của Anthony Kerrigan và của John Marks). Quyển tiểu thuyết "Gia đình của Pascual Duarte" được Cela viết theo văn thể tự thuật của chính nhân vật: Pascual Duarte bị tội tử hình, và trước khi bị hành quyết, ngồi trong tù viết lại cuộc đời quá khứ của mình. Chúng ta hãy thong thả lắng nghe những gì Pascual Duarte muốn kể cho chúng ta nghe; chương nhất bắt đầu như vầy: "Thưa ngài, tôi không phải là một kẻ bất thiện đâu, mặc dù thực ra thì tôi không thiếu những duyên cớ, động cơ thúc đẩy để làm kẻ bất thiện". (Yo, senor, no soy malo, aunque no me faltarían motivos para serlo). Tôi trích dẫn nguyên văn bằng chữ Tây ban nha ở đây, không phải chỉ làm mệt mắt người đọc, mà chỉ cốt ý nói lên lối văn ngắn gọn của Cela khi sử dụng ngôn ngữ Tây ban nha: ngắn, gọn và hàm súc. Có thể dịch ngắn và gọn: "Kính ông, tôi không ác độc, dù tôi không thiếu cớ để ác độc". Chữ "malo" trong tiếng Tây ban nha có nhiều nghĩa, ngoài nghĩa thông thường (ác, xấu, bất thiện, sai, hung dữ, nghèo, khó), còn có nghĩa: "bệnh hoạn, đau bệnh". Nếu hiểu theo nghĩa "bệnh hoạn" thì có thể coi lời mở đầu của Cela ở đây như là phản thanh tương ứng với "phản nhân vật" của bậc tiền bối yêu mến Dostoyevsky trong truyện "Những ghi chép từ dưới hầm đất" với câu mở đầu bất hủ: "Tôi là một người bệnh hoạn... Tôi là một người hằn học. Tôi là kẻ xấu xí vô duyên". Câu mở đầu nặng nề định mạng như mấy nốt nhạc gõ cửa Định Mệnh bắt đầu bản giao hưởng thứ năm của Beethoven...

Nếu theo tinh thần đảo lộn chữ nghĩa trong trật tự sai biệt trong cùng một lặp thừa trùng phức (theo điệu chương 178 bất hủ trong quyển tiểu thuyết "Bà Caldwell nói chuyện với con" của Cela) thì không phải tình cờ mà Cela đặt chữ "Yo" ("Tôi") ngay đầu câu văn mở đầu, và chữ "Yo" được đặt trước cả chữ "senor" ("ông, ngài"). Có thể dịch lại lần nữa, tinh mật hơn: "Tôi, ông ơi, không là ác độc, bệnh hoạn, dù tôi chẳng thiếu cớ để độc ác, bệnh hoạn". Tĩnh từ "malo" còn gợi ý khác trong chữ Tây ban nha, khi nó được dùng như danh từ: "el Malo" có nghĩa là "con quỷ, loài quỷ sứ". Ta đã ngừng lại hơi lâu nơi câu văn

đầu tiểu thuyết, vì tất cả sự bắt đầu đều vô cùng quan trọng và quyết định tất cả mọi sự. Câu văn đầu tiên trong một tác phẩm văn chương sẽ dẫn ta đi rất xa, để rồi trở lại trong một vòng tròn chuyển nghĩa khác hẳn, nhất là trong những bi kịch. Hai chữ đơn giản của Nietzsche "Incipit tragoedia" ("Bi kịch bắt đầu") đã nói lên cảm thức quyết liệt của Nietzsche về tính cách bi tráng dữ dội của tất cả mọi sự bắt đầu: tất cả mọi sự đều đã xảy ra rồi, đã kết thúc rồi, đã tan rã rồi ngay đúng vào lúc bi kịch bắt đầu (Heidegger đã nói thế, trong bộ sách về Nietzsche, cuốn II).

Cũng nên nhắc qua rằng Cela rất quen thuộc với triết lý Nietzsche: trong một quyển tiểu thuyết khác rất nổi tiếng của Cela, nhan đề "La Colmena" (Tổ ong), gồm có khoảng 160 nhân vật mà không có nhân vật nào chính, có một nhân vật tên là Celestino Ortiz, chủ quán cà phê "Aurora", thường hay để (sẵn tầm tay) sách của Nietzsche nơi quầy rượu! Hãy trở lại câu văn bắt đầu quyển tiểu thuyết về Pascual Duarte của Cela: "Tôi, ông ạ, không ác độc, quỷ quái đâu, dù tôi chẳng thiếu cớ để độc ác, hung dữ". Nói theo điệu bi tráng kiểu Hoelderlin thì dường như sự bắt đầu hiền lành nào đó muốn che chở, đùm bọc, giảm bớt sự căng thẳng tột độ đưa đến một sự kết thúc đổ vỡ vô phương cứu chữa. Nếu câu văn bắt đầu dữ dằn như Dostoyevsky: "Tôi là một người bệnh hoạn... một kẻ hằn học... một kẻ xấu xí vô duyên..." thì bi kịch chưa hẳn là "trầm kha nhiêu khê" lắm. Trái lại ở đây, khi Pascual Duarte bắt đầu như vậy, hiền lành như vậy, tích cực như vậy, không phải để tự bào chữa, tự biện minh, mà dường như muốn ghì ôm, bao bọc, đùm túm lại một cái gì đã rách nát rồi, đã đòi đoạn rồi, đã xong hết rồi, đã tuột khỏi tầm tay mình rồi: Định Mệnh. Tất nhiên, như nước trên cao phải chảy xuống thung lũng, điều không thể tránh được thì nhất định là điều không thể tránh được trong trật tự trùng phức lặp thừa của luận lý học, của văn chương chữ nghĩa và của chính đời sống, câu văn kế tiếp (câu thứ hai) của Pascual Duarte (hay của Cela) đã hiện lên lập tức hai chữ "Định Mệnh" ("el destino") như cơn lửa bốc tàn bạo, khi thì tạm sưởi ấm ai đó, khi thì đốt cháy chết người, rồi sau cùng vẫn lửa bất diệt, lửa tận thế: lửa và cái chết đi đôi với nhau, cả hai là một, như bức tranh nhan đề "Chết và Lửa" (Tod und Feuer) của thiên tài danh hoạ Paul Klee vẽ vào năm 1940, gần như đồng thời với thời gian Cela bắt đầu thai nghén Pascual Duarte.

Câu thứ hai của Pascual Duarte có thể được dùng để làm lời chú thích bất ngờ tương ứng với bức tranh "Chết và Lửa" của Paul Klee: "Chúng ta đều sinh ra đời trần truồng, và tuy thế, lúc chúng ta bắt đầu lớn lên thì Định Mệnh tha hồ tùy hứng uốn nắn, thay hình đổi dạng cơ hồ như chúng ta làm bằng sáp, và để rồi sau đó chúng ta đều bị xô đẩy xuống những nẻo đường khác nhau mà mọi nẻo đường đời đều đưa dẫn vào chung cục đồng nhất: cái chết". (Nguyên tác ngắn hơn và không lê thê như bản dịch chữ Việt: "Los mismos cueros tenemos todos los mortales al nacer y sin embargo, cuando vamos creciendo, el destino se complace en variarnos como si fuésemos de cera y destinarnos por sendas diferentes al mismo fin: la muerte").

Chữ "chúng ta" dịch thoát mấy chữ trùng phức hơn "tất cả những kẻ tử sinh, sống để chết" ("todos los mortales"). Tất cả chúng ta đều là những kẻ tử sinh, tử vong: ra đời để chết. Chúng ta chạy trốn cái chết bằng đủ mọi nẻo đường, nhưng cái chết mới là Định Mệnh trong mọi ý nghĩa tính luận và thể luận; khi nói về Cela, giáo sư McPheeters đã đề cập về tác phẩm "Sein und Zeit" ("Thể tính và Thời gian") của triết gia thiên tài Heidegger, rằng quyển "Sein und Zeit" đã được dịch ra chữ Tây ban nha vào năm 1933, năm Cela bắt đầu học triết ở đại học Madrid. (Bản dịch "Sein und Zeit" bằng tiếng Tây ban nha được chính Heidegger xác nhận là bản dịch hay nhất trong tất cả những bản dịch ngoại ngữ khác). Có thể thu gọn câu thứ hai của Pascual Duarte bằng "phương trình" rút gọn của Heidegger trong "Sein und Zeit": "Thể tính hướng vọng tới cái chết" ("là" có nghĩa "là – tới – chết": "Sein zum Tode"). Tất cả chúng ta đều là những kẻ tử tội, những kẻ bị tử hình; chúng ta đều là Pascual Duarte; chúng ta giết và bị giết; chúng ta đều là những kẻ sát nhân: Rimbaud đã từng gọi thời đại này là "thời đại của những kẻ sát nhân". Pascual Duarte là kẻ giết người, giết rất nhiều người, giết cả mẹ mình nữa, nhưng đồng thời điều đáng lưu ý là sự hoảng hốt khốc liệt của Pascual Duarte trước cái chết ngay từ nhỏ: mùi hôi thúi thoát ra từ những xác chết thú vật đeo dính Pascual Duarte như một sự trấn an kỳ lạ, như người bán cá quen ngủ với mùi cá và khó ngủ ngon giấc nơi khác, và những trang kế tiếp người đọc ngạc nhiên thấy Pascual Duarte thú nhận một cách lạ thường và độc đáo: "Cái chuồng ngựa bò ở nhà tôi thì tồi tệ hết mức. Nó đen tối và ẩm ướt, và tường vách bốc mùi xú khí giống mùi hôi thúi của những súc vật chết

bay ra từ khe rãnh vào tháng Năm, khi xác chết dưới đó trở thành sình chương, đang lúc những con quạ bay sà xuống đớp... Thực là một điều kỳ lạ, lúc tôi hãy còn trẻ nhỏ, nếu tôi bị ai đưa đi khỏi tầm bốc tỏa mùi hôi thúi ấy thì tôi liền cảm thấy nỗi hoảng hốt xao xuyến trước cái chết..." (trang 42 trong nguyên tác: "Es extrano, pero de mozo, si me privaban de aquel olor me entraban unas angustias como de muerte...").

Nỗi xao xuyến hốt hoảng trước hư vô, nỗi kinh hoàng bôn chôn trước sự chết, đó là những điệp khúc khó quên trong tác phẩm diệu vợi "Sein und Zeit" của Heidegger: chữ Tây ban nha "angustia" của Cela trong câu trên như là dịch lại chữ Đức "Angst" (nỗi xao xuyến hốt hoảng) của Heidegger. Thực ra không thể dùng chữ "trước" đối với sự chết và đối với hư vô, vì cái chết và hư vô không phải là một vật thể, đối thể, hiện thể hay tính thể; nỗi áy náy, bồn chồn, khắc khoải, xao xuyến, trân trối, bỡ ngỡ, ngỡ ngàng, bàng hoàng (tóm lại: "Angst", "angustia") không có lý do gì cả, không do cái gì gây ra cả: đó là sự khác nhau giữa nỗi xao xuyến và sự sợ hãi; sợ hãi là sợ một cái gì, còn xao xuyến là xao xuyến bâng quơ, như cái chết, như hư vô, nghĩa là không có gì rõ rệt, chỉ như cái bóng mơ hồ chập chờn mà hồi nhỏ dại Pascual Duarte thường hay hốt hoảng rùng mình: "Khi còn rất nhỏ, tôi nhớ rằng tôi thường cảm thấy hoảng hốt do những bóng tối gây ra; ngay cả bây giờ tôi vẫn cảm thấy rùng mình run rẩy ("estremecimiento") khi nghĩ tới sự hốt hoảng thường xảy ra thuở ấy" (trang 41). Trạng thái tâm thức của Pascual Duarte phát hiện bề ngoài giống như sự sợ hãi, nhưng phải gọi là "xao xuyến" mới đúng (trong ý nghĩa tính luận của "Angst"), vì thời gian của nỗi xao xuyến kéo dài hơn sự sợ hãi: chính sự xao xuyến khai thị thời gian tính. Sự sợ hãi, giống như cơn giận, chỉ xảy ra trong một thời gian ngắn; còn nỗi xao xuyến, giống như sự thù ghét, xảy ra và tiếp diễn trong thời gian dài vô định; Pascual Duarte đã ý thức rõ ràng sâu sắc về thời gian tính của sự thù ghét: "Tôi phải trải một thời gian mới thực ghét, thực sự ghét mẹ tôi, vì chẳng có tình thương và chẳng có sự thù ghét nào là việc của một ngày thôi..." ("– que ni el amor ni el odio fueran cosa de un día...") (chương V, trang 74 – 75). Aristotle, bậc thầy triết gia nhân loại, đã khai mở cho ta thấy rõ: "cơn giận có thể được chữa trị bởi thời gian, nhưng sự thù ghét thì không thể như thế được" (Aristotle, Rhetorica, II, 1382a). Thời gian của sự thù ghét kéo

dài vô định và tiếp tục sau cả cái chết... Anthony Kerrigan, dịch giả bản dịch chữ Anh quyển "Gia đình Pascual Duarte", đã sai lầm hoàn toàn khi cho rằng quyển tiểu thuyết này "là một sự nghiên cứu về tâm lý học của sự sợ hãi, của tính chất lấn lướt xâm hại của sự sợ hãi" ("a study in the psychology of fear, of the aggressiveness of fear"). (Anthony Kerrigan, Intro - duction, The Family of Pascual Duarte, trang xvi).

Hiển nhiên Pascual Duarte là kẻ đầy sợ hãi như tất cả mọi người, nhưng sự sợ hãi ở đây chỉ là hời hợt mặt ngoài và che giấu nỗi xao xuyến, hốt hoảng, áy náy, bồn chồn; chính nỗi bồn chồn xao xuyến này mới là cảm thức sâu thẳm nhất của Pascual Duarte: ngay từ lúc nhỏ, nỗi xao xuyến quẩn quại ấy đã ăn dính vào thần trí của Pascual Duarte như bóng với hình. Những lần liên tiếp giết người (nhiều người, thân và sơ) và giết thú vật (nhiều loại) đều là những cách "trấn an" nỗi xao xuyến hoang trống khốc liệt và chỉ là chạy trốn hư vô và chạy trốn cái chết: Pascual Duarte không dám đương đầu với kinh nghiệm hư vô hoang trống toàn diện và phải rơi té vào chủ nghĩa hư vô một cách vô thức lạnh lùng: thủ tiêu những chướng ngại như những "đối thể", "đối tượng" và "đối vật" cho chủ tính là thể hiện của sự thù ghét; sự thù ghét ở đây không còn mang tính cách "tâm lý" mà lại có tính cách sâu thẳm hơn nữa, vì đây là sự thù ghét có tính cách "siêu thể học", hay "siêu hình học": thủ tiêu hiện thể để "vượt qua"... Và thủ tiêu chỉ là sự trả thù của chính siêu hình học mà thể tính của siêu hình học chính lại là sự trả thù có tính cách liên hệ với thời gian tính; sự hận thù và sự trả thù khơi dậy một thời gian liên tục và vượt qua "sự lướt đi" của khoảnh khắc bằng sự trường tồn an định hiện thể như cái gì thường còn và ngược lại tính cách trôi chảy vô thường của tất cả. Thể cách thủ tiêu, trả thù, an định hiện thể một cách trọn vẹn nhất là chuyển hóa mọi hiện thể thành ra đá; Pascual Duarte không thể làm được như vậy và "siêu thể hóa" bằng cách yêu thương tảng đá; nơi phần cuối chương nhất, chúng ta thấy Pascual Duarte yêu thương tảng đá đang ngồi đến nỗi bịn rịn rời đi không được và cảm thấy dường như tảng đá quá buồn khi anh ta rời xa (trang 45). Pascual Duarte thường đi săn bắn về hướng biên giới Bồ đào nha, cách một dặm rưỡi xa làng anh, trên đường trở về, nơi ngã tư: "Có một tảng đá tròn nhẵn nơi chỗ đó, như cái ghế ngồi thấp, và tôi nhớ tới tảng đá ấy với lòng đầy thương quí như nhớ tới một người nào đó, hoặc thực ra còn nhiều thương quí hơn cả nhiều người

tôi đã quen biết... Khi đến lúc rời nó và phải lên đường, vì một lý do nào đó, tôi vẫn thường luôn luôn quay lưng ngó nhìn lại tảng đá, cơ hồ như chào tạm biệt nó. Một hôm, tảng đá dường như quá buồn lúc tôi chia tay đến nỗi tôi không thể kháng cự nổi lòng giục giã thôi thúc đi trở lại và ngồ xuống tảng đá ấy". (trang 44 – 45).

Nhân vật Lazarillo, trong một quyển tiểu thuyết khác của Cela, nhan đề "Nuevas andanzas y desventuras de Lazarillo de Tormes" ("Những sự lang bạt và những nỗi bất hạnh mới của Lazarillo de Tormes"), nói: "Những tảng đá cứ phải lăn tròn chắc chắn là phải chịu nhìn ngó đầy lòng nhớ nhung, luyến tiếc, thèm thuồng, ghen tị, đối với những tảng đá phủ đầy rong rêu ghì giữ lại đất đai đồng cỏ quê hương". Một câu tuyệt mù thơ mộng khiến mình ngừng lại bâng khuâng mơ mòng bâng quơ trong những năm dài lang bạt xa quê hương. Lazarillo trầm tư: "Có những con người diễm phúc sinh ra đời, sống, và chết mà không phải di chuyển ra ngoài ba dặm khỏi ranh giới của thôn làng họ... có lẽ thịt da tôi đã bị hằn sâu đóng dính một dấu khắc tạc không cho phép tôi dừng chân mà phải tiếp tục đi mãi và đi mãi, không nghĩa lý gì cả, cứ đi mãi từ nơi này đến nơi khác". Mấy lời này đưa ta trở lại đoạn văn kế tiếp hai câu đầu trong chương nhất của Pascual Duarte: "Có một số người được gọi bước xuống một con đường dàn đầy bông hoa, có một số người khác bị đòi hỏi phải dấn bước tiến chân tới một con đường gieo đầy cỏ thảo nhi gai góc và đầy những cây xương rồng đâm chĩa" (chữ Tây ban nha "chumbera", Anh dịch là "prickly pear", không có nghĩa là "trái lê có gai", mà có nghĩa "một loại cây xương rồng" mà mấy chữ "prickly pear" cũng có nghĩa là "cactus"). Pascual Duarte nói tiếp: "Hạng người đầu đưa mắt nhìn quanh một cách thanh thản, và trong hương vị ngào ngạt tin yêu vui sướng tràn ngập, họ mỉm cười nụ cười nhẹ nhàng của kẻ ngây thơ vô tội, còn hạng người thứ hai thì quằn quại đau đớn dưới mặt trời tàn bạo ở đồng bằng và cau mày hằn học như thú dữ tử thủ khi bị dồn vào bước đường cùng. Có cả bao nhiêu sự khác nhau giữa cái việc tô son mình với dầu thơm eau – de – cologne và in thịt da mình với những hình xăm không bao giờ phai mờ...".

Triết lý của Pascual Duarte là điệu suy nghĩ của người ít học, có chút "cải lương", "quê mùa", đôn hậu mộc mạc, không trau chuốt kiểu cọ, khiến ta dễ cảm động tự nhiên và đáng kính và đáng suy nghĩ hơn là

thứ triết lý thông thái học đường (theo loại Sartre, Ortega y Gasset và nhất là thứ "hư vô chủ nghĩa muốn vượt qua hư vô chủ nghĩa" thuộc loại học đòi Jacques Derrida: tôi đã viết về trường hợp của triết lý của Jacques Derrida cách đây 20 năm trong quyển "Ý Thức Bừng Vỡ", x.b. 1970, thư viện đại học Cornell). Không phải lạc đề mà tôi đề cập tên tuổi Jacques Derrida ở đây: vấn đề phê bình văn nghệ, vấn đề văn thể tiểu thuyết và vấn đề liên hệ giữa văn chương nghệ thuật và "những chủ đề mới và những ý tưởng mới" (mà Ortega y Gasset lên tiếng về sự dấy chết của văn thể tiểu thuyết vào năm 1925). Jean – Paul Sartre đã có lý khi "nhận định" rằng: "Một kỹ thuật tiểu thuyết luôn luôn đưa về cái siêu hình học của tiểu thuyết gia". (Sartre, Situations I ,trang 70: "Une technique romanesque renvoie toujours à la métaphysique du romancier"). Một câu nói trở thành phương trình bất hủ, khiến cho những nhà phê bình phải tự vấn về kiến thức căn bản của mình về triết học! Câu kế tiếp của Sartre lại còn dữ dội hơn nữa: "Bổn phận sứ mệnh của nhà phê bình văn nghệ là rút lấy ra cái siêu hình học của tiểu thuyết gia trước khi đánh giá phẩm bình kỹ thuật tiểu thuyết" ("La tâche du critique est de dégager celle – ci avant d'apprécier celle – là"). Thế rồi Sartre lấy chút ít tư tưởng Heidegger mà Sartre xuyên tạc méo mó một cách thông minh uyên bác để xô đẩy quyển tiểu thuyết vĩ đại "The Sound and the Fury" ("Huyên náo và Cuồng nộ") của thiên tài Faulkner vào trong vô minh tồi tệ! Sartre đã sai lầm khó tha thứ được trước văn khí siêu việt mãnh liệt của Faulkner (Camus không thể nào lầm lẫn như vậy). (Vấn đề của Sartre đối với Faulkner đã được tôi "trình bày" cặn kẽ cách đây gần 30 năm trong quyển "Ý Thức Mới trong Văn Nghệ và Triết Học", trang 339 – 382). Tiểu thuyết không cần bao giờ viết để biện minh bất cứ một triết lý nào cả; nếu ta có sử dụng triết lý đi nữa thì cũng khiêm tốn hết mình để tìm hiểu thế giới sáng tạo độc lập của nghệ thuật, như tôi đã dè dặt áp dụng cảm thức tại thế căn bản "Angst" của Heidegger vào chữ "angustia" của Cela, cũng như chính Heidegger đã khiêm tốn hạ mình trước Hoelderlin và Trakl; trong quyển "Đi vào Siêu Hình Học" ("Einfuehrung in die Metaphysik"), Heidegger đã nhẹ nhàng trang trọng đề cập tác phẩm của tiểu thuyết gia thiên tài Na Uy Knut Hamsun (mà Henry Miller coi như bậc thầy) và đã mở ra kinh nghiệm hư vô độc đáo từ cảm thức hoang trống của nhân vật tiểu thuyết Knut Hamsun.

Điều này đưa ta trở lại Ortega y Gasset và Jacques Derrida; yêu sách của Ortega y Gasset về văn thể tiểu thuyết đã đánh giá quá thấp bộ môn tiểu thuyết, vì "những chủ đề mới và những ý tưởng mới" chỉ là vấn đề phụ thuộc trong tiểu thuyết. Hơn nữa, Ortega y Gasset chẳng được "độc đáo" lắm khi nhận xét như vậy, vì Hegel cũng từng khẳng định rằng: "...Nghệ thuật, đối với chúng tôi, đứng về mặt thiên chức của nó, nghệ thuật là và vẫn là một cái gì đã quá vãng". (Hegel, "Những bài dạy về Thẩm mỹ học", "Vorlesungen ueber die Asthetik", 1828 – 1829). Câu xác định của Hegel hoàn toàn hợp lý trong vận hành toàn bộ biện chứng và biện chứng toàn diện như phương pháp tuyệt đối và đối với thể cách cao nhất mà "chân lý thu liễm sự hiện thể cho chính tự thể". Còn Ortega y Gasset thì rơi xuống bình diện thấp nhất của "ý kiến riêng tư của mình" (hiểu theo điệu chơi chữ biện chứng của Hegel giữa chữ Đức "mein" và "meinen" trong chương nhất của "Hiện tượng luận về Tâm thức", "Phaenomenologie des Geistes", 1807). Còn tại sao Jacques Derrida ở đây? Hiện nay có một trường phái phê bình văn nghệ rất bành trướng lan rộng ở một số đại học Mỹ đã chịu ảnh hưởng nặng nề của Derrida trong việc phê phán văn chương nghệ thuật. Jacques Derrida đã bắt đầu nổi tiếng tại Pháp từ năm 1967 và là một triết gia vô cùng độc đáo trong mọi ý nghĩa, nhưng những bước đi quyết định của Derrida đều nhờ những khai mở thiên tài của Heidegger, dù Derrida cũng muốn "nhốt" tư tưởng Heidegger vào siêu hình học Tây phương và muốn vượt qua thầy mình: điều mà đáng ca ngợi, nhưng ý niệm "vượt qua" vẫn kẹt vào siêu hình học, dù Derrida muốn "phá lập" tất cả siêu hình để đi đến một "trò chơi" khác của "chữ viết" dị biệt nào đó thì vẫn chưa đương đầu thẳng vào thể tính của hư vô; có thể cho rằng mấy chữ "thể tính của hư vô" chỉ là một "metaphor" (gọi là "ẩn dụ", "tỷ dụ", "ám dụ", "siêu chuyển dụ"), nhưng ngay đến chữ "metaphor" đã là một "metaphor" rồi! Hiển nhiên trong mặt trận tư tưởng của thế giới hiện nay, vấn đề triết lý không phải chỉ còn là vấn đề tranh luận giữa ý nghĩa và vô nghĩa mà chính "cái" gọi là "vô nghĩa" đang tấn công con người trên mọi lãnh vực xuất phát từ "cái" mà Nietzsche gọi là "Nihilismus" ("chủ nghĩa hư vô") trong những dạng thái khác nhau (tất cả dạng thái đều được điều động bởi "cái" mà Nietzsche gọi là "ý chí hướng đạt tới chân lý").

Đang viết về tiểu thuyết của Cela mà tôi phải đề cập những "vấn đề" triết lý với Heidegger, Nietzsche, Ortega y Gasset, và Jacques Derrida, vì nhu cầu nội tại của tâm thức liên hệ trực tiếp với tiểu thuyết của Cela trong sự sụp đổ tàn tạ của văn minh Tây phương hiện đại, chẳng hạn như nhiều nhà phê bình đã gán chữ "chủ nghĩa hư vô" vào tác phẩm của Cela. Nếu lấy triết lý "phá triết lý" của Derrida để phê bình đoạn văn mở đầu quyển tiểu thuyết về Pascual Duarte thì như thế nào? Nếu lấy Derrida phê bình câu tuyên bố của Ortega y Gasset về tiểu thuyết thì như sao? Hoặc nếu lấy Ortega y Gasset để phê bình quyển Pascual Duarte thì ra sao? Những câu hỏi này sẽ xô đẩy chúng ta vào những chân trời rộng rãi của văn chương nghệ thuật, tư tưởng triết lý, và chủ nghĩa hư vô thế giới. Bất cứ vấn đề nào, dù vấn đề tầm thường nhất của đời sống, nếu mình chịu trầm lặng suy nghĩ và thu phối lại tất cả sức mạnh tập trung tư tưởng để đẩy xô vấn đề đến giới hạn cuối cùng của khả năng ý niệm và ngôn ngữ, thì vấn đề tầm thường nhất sẽ tự chuyển hóa thành một nỗi huyền ẩn nào đó va chạm tới Thể tính của Hư vô và Vô tính của chính Thể tính. Từ đó chúng ta sẽ đủ sự chuẩn bị tinh thần để thấy rằng vấn đề quyết liệt nhất và trầm trọng nhất của thế kỷ XX và thế kỷ XXI chính là vấn đề chủ nghĩa hư vô. Cái ý nghĩa hay vô nghĩa của tiểu thuyết về Pascual Duarte chỉ đáng được suy nghĩ cho tới nơi từ mặt trận tư tưởng đương đầu với những dạng thái khác nhau của chủ nghĩa hư vô. Tiểu thuyết không phải là triết lý, nhưng triết lý không phải chỉ ngừng lại với triết học của ý niệm và với ý niệm của triết học. Alastair Reid đã so sánh Pascual Duarte với Oedipus của Sophocles; điều so sánh thường khi rất vô đoán, nhất là khi chưa hiểu được thể tính của Bi kịch Hy lạp thái cổ.

Đứng về mặt Tính Mệnh nhân loại và Sử Tính con người trên mặt đất thì những kịch bản của thi hào Hy lạp Sophocles lại còn triết lý sâu thẳm hơn là tất cả tác phẩm của Plato và Aristotle, hai người cha đẻ ra triết học Tây phương. Sophocles lại còn bi tráng huyền ẩn hơn cả Socrates (Nietzsche đã khai phát cảm thức này ngay lúc mới khoảng 25 tuổi, bằng tuổi Cela lúc viết về Pascual Duarte). Tiểu thuyết, đúng nghĩa là tiểu thuyết sáng tạo triệt để, có thể mở ra những khả tính bất ngờ tương ứng với kinh nghiệm suy tư của triết lý trong sự xé rách ngôn ngữ thông tục để đùm túm đôi ba tiếng lời chính yếu từ cõi âm u hiu quạnh của nỗi cô độc kiếp người trên mặt đất. Rất dễ hiểu vì sao

Nietzsche và Heidegger rất ngưỡng mộ Dostoyevsky. "Đối với những nhà văn ngoại quốc, Cela dâng lên cả lòng tôn kính sùng mộ đặc biệt đối với Dostoyevsky" (Ornstein and Causey, Books Abroad, Vol. 27, No 2, 1953, trang 136 – 137). Có thể nói rằng "Gia đình Pascual Duarte" của Cela là một thứ "Tội ác và Trừng phạt" theo tinh thần hồn tính Y Pha Nho, nhưng còn tàn bạo, man rợ, dã man, rùng rợn, đen tối, hoang trống, u ám, đìu hiu hơn cả "Tội ác và Trừng phạt" của Dostoyevsky; Pascual Duarte không phải là một thanh niên trí thức như Raskolnikov, không mang những hoài vọng suy tưởng cao siêu như Raskolnikov của Dostoyevsky; Raskolnikov là một sinh viên nghèo đói di động trong một thành phố lớn, còn Pascual Duarte chỉ là một người dân quê, dân làng, thất học: "Tôi đã học đọc và viết, học cộng và trừ, để vừa đủ kiến thức chăm lo bản thân thôi. Tôi bỏ học lúc mới 12 tuổi". (chương II, trang 52) Không phải vì Pascual Duarte thất học mà cảm thức của Pascual Duarte kém phần bi đát và tàn bạo hơn Raskolnikov; Pascual Duarte sống gần với đất đai thiên nhiên.

Phạm Công Thiện
(Trích Viết Về Cela)

*Vũ Thùy Hạnh*

## THU

*Đêm qua đất vỡ mạch sầu*
*Sáng nay cây cỏ ửa màu máu tươi*
*Khẽ rơi từng giọt ngậm ngùi*
*Giữa lòng sương trắng bồi hồi cư tang*

Vũ Thùy Hạnh

*Nguyễn Mạnh Trinh*

## Sinh Nhật

*Bờ ngực trầm em rỉ đen tối*
*Ngoài khuôn kính nước mắt đang rơi*
*Con sói hú nội hoang mời gọi*
*Ta có phải bào thai chào đời?*

*Đêm mông mênh ghềnh đá sóng vỗ*
*Thắp riêng mình ngọn nến tàn phai*
*Mai thức dậy bình minh viễn phố*
*Vết răng hằn còn dấu trên vai.*

*Nệm chăn thủ thỉ tấc da thịt*
*Ngôn ngữ hoang đường một môi hôn*
*Nơi chốn này khuya rất mù mịt*
*Triều sông dâng nụ sóng mỏi mòn*

*Những Sàigòn Pleiku quanh quất*
*Trần trường tắm mưa chạy đêm khơi*
*Dốc đời cao áo tà chưa khuất*
*Ghế lớp xưa bụi đóng chỗ ngồi.*

*Cây súng cũ trò chơi tuổi trẻ*
*Bắn cho trúng tâm điểm chúng ta*
*Gang sống chết tay đo có dễ*
*Bốn mươi năm xế xế nắng tà*

*Cuộc sống mượn như đầu tuyệt lộ*
*Chiếc xe sơn trắng qua chân đèo*
*Hãy thủ thỉ ý thầm cây cỏ*
*Mơ mộng đành rơi trái mộng reo*

*Đánh vần giùm nàng gió hiu quạnh*
*Tên mùa đông tuổi đã khai sinh*
*Trời lì câm ngã tư bất hạnh*
*Da thịt em bát ngát hương quỳnh*

*Vỗ về tôi vỗ về giấc ngủ*
*Tận tuyệt chìm chìm sợi khói bay*
*Sinh nhật gói trong năm tạm ngụ*
*Quá riêng ta tay thả sợi mây.*

*Vỗ về tôi vỗ về quá khứ.*
*Con quạ khoang trên mái ngói nâu*
*Tôi thiết tha tôi quên phủ dụ*
*Đã qua chưa Nại Hà nhịp cầu?...*
Cuối tháng Mười, 1989

*Hoàng Xuân Sơn*
## TRĂNG MÙA

*Trăng mùa Vỹ dạ thuần lương*
*Bến sông em ngủ dưới lườn ghe ngoan*
*Thương vì gió đã vai choàng*
*Thương thương dặm liễu bội hoàn tóc mây*
*Tay khum một vốc nước đầy*
*Giọt lung linh ngó vui vầy mắt môi*
*Sương nằm cẩm các mòn hơi*
*Trăng mềm cổ lụy vàng trôi giữa dòng*
*Cầu anh xa đó vân mòng*
*Lên bờ mạn nhĩ còn trông chiều về*
*Cuối mùa Vỹ dạ buồn thê*
*Da ngời túy ngọc sáng về phương nao*
*Khuê nhàu biết mấy tầng sao*
*Lòng đêm thủ ngữ mắt trào thụy châu*
Hoàng Xuân Sơn

*Nguyễn Việt Thường*

# ĐÁ VÀ MẶT NẠ

*Họ chào anh về*
*Trong im lặng*
*Sau mặt nạ kia*
*Anh thấy gì? – Đôi mắt trắng*
*Vô thần*
*Những tượng đá thời César*
*Tái sinh*
*Sau mặt nạ thương nhân*
*Chiêu cầu đồng tiền*
*Đâu chiêu cầu lòng yêu nước*
*Những tượng đá độc quyền*
*Ăn xuôi, nói ngược*
*Trên những đời dân đen*
*Vẫn giập máu đầu*
*Họ chào anh,*
*Nằm im,*
*Rồi được bao lâu?*
*Mặt nạ họ đeo loang loang máu*
*Đồng tiền anh*
*là những hy vọng hão*
*Tượng đá đâu có trái tim*
*Mà mặt nạ lại vô hồn.*

Madison 1989

*Thường Quán*

## TRƯA

Nằm ôm con lá trưa hè
Trời xanh thơ dại rủ về mái hiên
Tường hoa mở cửa đôi miền
Quê cha biển trái chảy triền dâu xa
Cồn mây vòng vọng tiếng gà
Rừng thưa bóng trở vàng sa sa chìm
Bãi ngoài vọng một sông im
Cửa trong cánh gió se tìm cánh tay

## CHIỀU TẬN

Chiều tận, chim kêu rời rã, lạnh
Hoa Quyên rụng tím một chân tường
Đèn đã thắp rồi trong góc tối
Câu thơ ngày cũ vấn vương
– Có phải vì ngày Xuân đang hết
Hay vì chiều vốn nặng sầu thương?
Đời vắng mái mây già đổ sập
Cỏ non vàng đã nhuốm cửa bên đường
Mưa tới gõ lên ràn nứt tiếng

Thường Quán

*Đón đọc:*

NGĂN CỔ KHÓ KÊU

*chuyện dài Nguyễn Đức Lập*

nhà xuất bản HOA GẤM

*Phạm Việt Cường*

# BẨY CHẤM

*Chỉ có khung ảnh em*
*ngã trên bàn viết*
*úp mặt*
*
*tôi nhận ra ngay lập tức*
*điều khác thường đó*
*
*như thể em lấy lại cái nhìn*
*hay em vừa đi khuất*
*điều còn lại của sự cách xa*
*vừa bị phá sập*
*
*như đêm tràn đến xóa mặt đồng hồ*
*kim đứng sững 4 giờ 5 phút*
*(hình dung em*
*trong góc phòng học trống*
*dựng dựng*
*và sợ hãi)*
*
*tràn đến như những đêm thời chiến*
*thành phố tối đen. Những hồi còi xe cứu thương rền rĩ*
*hơn 10 triệu cú phôn vùng Vịnh đêm nay*
*không có giọng nói em*
*chiếc điện thoại tử thương*
*nằm phục xuống cùng tôi trong bóng tối*
*
*chỉ có khung ảnh em*
*ngã trên bàn viết*
*úp mặt*
*
*Sự tổn thất của tôi chỉ có thế thôi*
*không thể nào cứu vãn*

Phạm Việt Cường

*Chân Phương*

# SÁU ĐOẠN TỨ TUYỆT

1.

*ép mây giữa trang sầu*
*chào núi non đã cũ*
*treo đàn trước gió thu*
*gió sương ru thịt nguội*

2.

*hiu quạnh giữa trời đông*
*một cõi lòng nam cực*
*chờ cánh chim bão giạt*
*chia cái chết lạnh lùng*

3.

*giạt trôi từ hồng thủy*
*triệu con nước quay cuồng*
*bài thơ căng hết buồm*
*chào mùa giông tri kỷ*

4.

*những mùa thu lánh mặt*
*mưa nhạt trời nghĩa trang*
*tôi hú gọi thời gian*
*đòi niềm đau của đất*

5.

*ngang dọc những đường chim*
*giữa hư không đồng vọng*
*ký ức của đá chìm*
*ngoài vết thương vực thẳm*

6.

*lở làng chim với trăng*
*đá thiếp, thiên thu vắng*
*kết thúc mọi bài thơ*
*là hắt hiu mưa nắng*

Chân Phương

*Cao Đồng Khánh*

# HOÀNG HẠC

*Em ngó mãi trong gầm trời lồng lộng*
*đàn bà của ta tươi tốt mỹ miều*
*Khi đứng dậy nhụy hoa điểm mái tóc*
*cọng mây dài gió yểu điệu tương lai*

*Con mắt triều cống món cao lương lịch sử*
*mỹ vị cuộc đời kiểu cách nắng qua truông*
*môi hiền triết cắn móng tay hồng ngọc*
*bởi vậy nhiệt tình xoay trở có như không*

*Đêm thiên phú phi trong đầu quái đản*
*ngựa chạy đường xa, ngựa chạy đường trường*
*những điều kiểu cách có không sửa soạn*
*nước chảy qua cầu ai đó mới sang sông*

*Em chủ vị trụ trong ngày khánh tiết*
*Hoàng hạc long lanh từng giọt nắng trái cây*
*Nhỏ xuống mùa hạ đêm Orange lãng mạn*
*Em về Santa Ana, em về San Bernardino*

*Ngày cách biệt mọc thành cây cổ thụ*
*gổ hoàng tâm mùa gặt lúa sâu xa*
*trăng tiết kiệm lỏng trên mình thủy sản*
*kỳ vẩy ta vàng rực rỡ trong đầu*

*Mỹ nữ ngó lên thấy con chim bay biệt*
*tuyệt thế cùng đường mây nặng sập trên lưng*
*ai quen biết với chiều cao tuyệt đỉnh*
*ta trầm mình lăn xuống đáy hưng vong*

*Ai quen biết với đất trời quý phái*
*chuyện tình cờ sang trọng lộc xanh tươi*
*bộ ván gõ mát tấm lưng công chúa*
*mùng xanh dương trong đại lượng giang hồ*

*Ta kiểm điểm lại những kẻ vô thân tử cố*
*treo võng ngoài trời đưa đủng đỉnh lương tâm*
*con gái trổ hồng như trái mật ngọt*
*ngực vòng cung chan chứa không trung*

*Ta phục hưng những điều em ước muốn*
*"nguyện cho anh hạnh hữu con người"*
*ở Montréal chắc có nhiều ảo tưởng*
*giữa vòng cung của thời đại bi truyền*

*Ở New York hỏi thăm người cổ kính*
*mái trường xưa rêu đóng mấy trăm năm*
*ta nhàn nhã trong chiến trường cô quạnh*
*Điều bất lương ngậm ngải tìm trầm*

*Câu hát cũ vọng trong đầu tiêu tán*
*ở mãi cùng người chiều trên phố Bolsa*
*vườn thượng uyển tặng cánh hoa mỹ cảnh*
*nhớ làm gì trời rộng biển sâu*

*Bốn thằng trời biển tiễn đưa ba thằng sống sót*
*ngày đi Úc châu nước mắt rớt như mưa*
*bằng hữu đó trong kinh sách hoàng bảo*
*định cư gì trong trí nhớ châu lưu*

*Trong khu thương mại có cánh tay lộng lẫy*
*châu ngọc bảo truyền chia sớt miếng đỉnh chung*
*cung oán cũ muôn đời tịch mịch*
*cũng có điều nghĩ mãi không xong*

*Cổ tích thuộc về thiếu niên dân sự*
*còn tình yêu thuộc quyền bính của em*
*ta trân trọng những đêm ngày xa cách*
*hoàng hạc lên trời thấy đặc khối hư vô*

*Ta trở mặt trong khuôn ẩn dật*
*những tàng tích xửa xưa trạm bạc giát vàng*
*đông tây vách đá cao cường dựng đứng*
*cơn địa chấn đến gần chờ sụp nát truân chuyên*

*Thương thế tán tận ngũ cụng nào giải quyết*
*em bước vào mua lương thực đem đi*
*tô phở đựng trong ly nhựa, trổ thành ảo giác*
*đôi chân màu ngà khắc trắng bước dung nghi*

*Cô độc phá hết ngũ quan ta trở thành bình trị*
*ngồi giữa sơn hà uống gục chén bao dung*
*em yêu dấu, thân thế con người bất tận*
*tìm gặp ở chiều sâu tuyệt thế đáy linh hồn*

*Em hãy vì ta sống ngang hàng bạo lực*
*kẻ chợ, qua đời, gian trá sạch vong linh*
*hãy giữ cho sầm uất tiểu sử người đi biển*
*trên đau buồn như trên một chiến công*

*Em đâu biết trong hầm chông trí tuệ*
*mỗi ngọn tóc em là một chuyện phi thường*
*trong cao ốc biệt lập khi nào thỉnh thoảng*
*em về thăm ta trên bờ biển Huntington*

*Mỗi hạt cát xót xa vàng đáy nước*
*hoàng hạc trên trời sa xuống đậu trên ngôi*
*em, trí nhớ, hãy chờ ta cất cánh*
*im lặng vô cùng trên thời tiết tinh khôi.*

Cao Đồng Khánh

# TIẾNG ĐÀN TỰ DO BÊN BỨC TƯỜNG Ô NHỤC

**Nguyễn Xuân Hoàng**

Có lẽ trong tất cả những hình ảnh mà tôi được xem khi Bức Tường Bá Linh "mở" ra vào ngày 10 tháng Mười Một vừa qua, hình ảnh làm tôi xúc động nhất là cảnh người nhạc sĩ lừng danh Mstislav Rostropovich đang chơi violoncelle trước Bức Tường này, ngay tại "chốt" Charlie, để chào đón những người Đông Đức bước chân qua vùng đất Tự Do.

Chỉ trong vòng một tuần lễ, hơn hai triệu con người khát vọng tự do đã tràn qua Bức Tường Ô Nhục, dẫm chân lên những viên gạch đã được xây bằng độc tài và bạo lực. Có thể có nhiều người đã không nghe thấy được tiếng đàn của Mstislav Rostropovich nhưng chắc chắn tiếng đàn ấy đang nhịp theo bước chân của họ. Âm nhạc đã xuống đường. Âm nhạc đang đi cùng với thời thế và biến cố. Sự rung chuyển lớn lao của một xã hội, sự rạn nứt của một chủ thuyết, sự tan nát của một trái tim, sự hân hoan của một tâm hồn... tất cả đều là nguồn cơn của âm nhạc. Và ngược lại, chính âm nhạc "dội" lên trên mọi thăng trầm của đời sống cá nhân, xã hội, kinh tế và chính trị.

Ở đâu có đời sống, ở đó có nghệ thuật.

Nghệ thuật chính là đời sống.

Nghệ thuật không thể tách rời đời sống.

Tôi không biết hôm đó nhạc sĩ Mstislav Rostropovich chơi khúc nhạc gì. Có thể là bản Hungarian Dances Nº5&6 của Brahams. Hay đó là Brandeburg Concerto Nº3 In G, Ist Mouvement. Tại sao không là Traumerei From Kinderszenen của Schumann? Chẳng sao cả! Hề gì nếu là Canon của Pachelbel hoặc Für Elise của Beethoven! Cái chính là người nhạc sĩ ấy đã ngồi đó, quay lưng về phía Bức Tường lịch sử đầy những chữ viết, hình vẽ, tay trái đang bấm phím, tay phải đang kéo cái archet dưới chân là một mặt đất vỡ vụn! Mstislav Rostropovich đang chơi nhạc trên một sân khấu vĩ đại gắn liền với một biến cố lịch sử lớn lao nhất của thế kỷ 20. Cái sân khấu quá khổ này tưởng chừng như không bao giờ tồn tại trên thế gian kể từ khai thiên lập địa đến nay, giờ

đây đang mở ra sau tấm màn nhung Bức Tường Ô Nhục. Và người nghệ sĩ của một thời đại Mstislav Rostropovich đang chơi nhạc trên một sân khấu mà mặt bằng là toàn thể nước Đức. Và khán thính giả của ông đâu phải chỉ là nước Đức hay Âu châu mà còn là toàn thể con người trên thế giới.

Ai bảo nghệ thuật không gắn liền với thời đại?

Biến cố Bức Tường Bá Linh vào trung tuần tháng Mười Một năm Một Ngàn Chín Trăm Tám Mươi Chín này sẽ là nguồn mạch cho một đề tài lớn, không những cho những nhà vẽ bản đồ thế giới, cho những chính trị gia, cho các nhà kinh tế học, cho các chủ thuyết, học thuyết đã và đang ra đời... nó còn là đề tài lớn cho văn học nghệ thuật. Những tác phẩm được viết ra dưới ánh sáng của học thuyết Mác xít Lê nin nít đang được đọc dưới một con mắt khác, bằng một chiếc kính khác, theo một góc nhìn khác.

Lấy cuộc Cách mạng Tháng Mười 1917 của Nga làm cái mốc, người ta thấy bảy mươi hai năm qua là một thời gian quá ngắn để thử thách một chủ nghĩa và quá dài cho ba thế hệ con người, bởi vì đó là một thử thách đầy máu và nước mắt. Hơn nữa, bởi vì lịch sử đã chứng tỏ học thuyết ấy không bao giờ đúng. Bởi vì nó không phục vụ con người. Nếu tôi nhớ không lầm thì hình như Mác có nói một câu đại khái "không có vấn đề gì do con người đặt ra mà nó lại không do con người giải quyết được". Nếu lời trích dẫn trên không sai, nghĩa là Mác nói đúng thì giờ đây lời ông đã được chứng minh. Những bước chân của người dân Đức sống ở bên Đông đã đạp đổ Bức Tường Ô Nhục, Bức Tường Chủ Nghĩa để bước sang bên Tây. Những dấu chân ấy là câu trả lời rằng vấn đề đã được giải quyết. Bất cứ một chủ thuyết nào không phục vụ con người chủ thuyết ấy phải bị loại bỏ. Đáp số của bài toán về nỗi khổ ải của con người do Mác giải là đáp số không đúng.

Khúc nhạc nào đã được Mstislav Rostropovich chơi hôm đó bên Bức Tường Bá Linh, tôi không thấy báo chí nói đến. Có lẽ người phóng viên nhiếp ảnh chỉ ghi nhận cảnh một người nhạc sĩ như một hình ảnh của biến cố lớn lao kia giữa vô số hình ảnh mà ông ta sợ không chụp bắt hết trong giờ phút lịch sử có một không hai, nên ông đã không lắng nghe âm nhạc của Mstislav Rostropovich. Dù sao toàn thế giới, qua bức ảnh ấy, đã NGHE được âm nhạc của Mstislav Rostropovich.

Toàn thể thế giới đã NGHE những âm điệu TỰ DO phát ra từ bàn tay và trái tim Mstislav Rostropovich! Liệu Hànội, Việt nam, những

người ở Bắc Bộ phủ có nghe thấy tấu khúc phát ra từ chốt Charlie của Bức Tường Bá Linh ngày hôm đó? Tôi không biết. tôi chỉ nhớ hôm đó rất tình cờ tôi được đọc một bài thơ viết từ Việt nam, bài thơ có cái tên *Nhìn Từ Xa... Tổ Quốc*, người viết Nguyễn Duy. Tôi hiểu thêm, cũng như âm nhạc, thơ đâu thể đứng bên lề cuộc đời. Thơ không phải chỉ là sự ráp nối những câu, những chữ, những âm thanh, hình ảnh, vần điệu... Thơ còn là tiếng nói của một con người trước cuộc đời.

...
*Xứ sở thông minh*
*Sao thật lắm trẻ con thất học*
*Lắm ngôi trường xơ xác đến tang thương*
*Tuổi thơ oằn vai mồ hôi nước mắt*
*Tuổi thơ còng lưng xuống chiếc bơm xe đạp*
*Tuổi thơ bay như lá ngã tư đường*
...
*Xứ sở thật thà*
*Sao thật lắm thứ điếm*
*Điếm biệt thự – điếm chợ – điếm vườn*
*Điếm cấp thấp bán trôn nuôi miệng*
*Điếm cấp cao bán miệng nuôi trôn*
*Vật giá tăng*
*Vì hạ giá linh hồn*
...
*Xứ sở kỷ cương*
*Sao thật lắm thứ vua*
*Vua mánh – vua lừa – vua chôm – vua chĩa*
*Vua không ngai – vua choai choai – vua nhỏ...*
*Lãnh chúa sứ quân san sát vùng cát cứ*
*Lúc nhúc cường hào đầu trâu mặt ngựa*
*Luật pháp như đùa – như có – như không có*
*Một người đi chật cả con đường*
...
*Xin đừng hót những lời chim chóc mãi*
*Đừng lớn lối khi dân lành ốm đói*
*Vẫn còng làm cho thằng thẳng lưng ăn*
*Đổi mới thật không hay giả vờ đổi mới?*

*Máu nhiễm trùng ta có thể thay chăng?*

...

*Dù có sao*

*đừng thở a...*

*Còn da lông mọc còn chồi nẩy cây.*

Tháng Mười Một, Tám Chín, Bức Tường Bá Linh đã nứt, đã sụp. Cơn động đất 6.9 độ Richter ở San Francisco trước đó làm sập mấy tòa nhà, cầu xa lộ Nimitz. Nhiều người đã chết trong cơn thiên tai.

Tháng Mười Một, Tám Chín, Bức Tường Ô Nhục đã sụm. Cơn "động đất" lớn của thế kỷ đã mở ra cái vết nứt dưới chân ngọn núi Xã hội Chủ nghĩa. Những tòa nhà xây bằng học thuyết "bách chiến bách thắng Mác Lê nin" đã sụp, bê tông cốt sắt bây giờ đã là bụi bặm tro than.

Tháng Mười Một, Tám Chín, đứng trước thập niên sau cùng của thế kỷ Hai Mươi, nhạc sĩ Mstislav Rostropovich chơi khúc nhạc tuyệt vời tặng nhân loại, tặng những mối tình bị Bức Tường Ô Nhục bấy lâu ngăn cách, tặng những người mẹ già gặp lại con, tặng những trái tim liều thuốc hồi sinh chấm dứt cơn bệnh thở dài.

*Dù sao,*

*Còn da lông mọc còn chồi nẩy cây.*

Nếu chúng ta biết ngày mai mình không còn tồn tại trên mặt đất này nữa, chúng ta vẫn yên tâm vì trời đất này từ nay vĩnh viễn thuộc về con người, của con người.

Tất nhiên, có một thời, nó đã là của ngạ quỷ.

Tháng Mười Một, 89
Nguyễn Xuân Hoàng

*Đón đọc:*

MƯỜI TRUYỆN TÂN LIÊU TRAI

*của Thăng Long Văn Sĩ*

nhà xuất bản Tân Thư

**Nguyễn Mộng Giác**

Cả tuần nay toàn thế giới hướng về nước Đức với lòng hân hoan nôn nao và ngưỡng mộ. Ba Lan sau nhiều năm đấu tranh gian khổ cuối cùng đã có được một chính quyền không Cộng sản. Hungary chính thức thay đổi thể chế nhưng trước đó lâu lắm đã cho dẹp hàng rào biên giới Hung – Áo. Trường hợp Đông Đức đột ngột hơn. Tình hình biến chuyển trong vòng mấy tuần, thế rồi Bức Tường Ô Nhục đổ. Hàng triệu dân Đông Đức được tự do vượt qua ranh giới để lần đầu tiên gặp gỡ trò chuyện thăm viếng những đồng bào may mắn hơn. Thế mà qua ống kính truyền hình, tuyệt nhiên không thấy những cảnh cãi cọ khích bác nhau, những đôi co đau lòng, những ân đền oán trả. Dân tộc Đức xéo lên trên những chủ nghĩa, những ý thức hệ, những thể chế mà các nước thắng trận đã áp đặt lên nước Đức, để chỉ còn thấy quyền lợi của dân tộc mình ưu tiên hơn hết. Người ta nôn nao chờ đợi sự cáo chung của những chế độ chuyên chế, và người ta cũng ngưỡng mộ tinh thần dân tộc của người Đức.

Điềm báo trước của một thế kỷ 21 hòa bình hơn, nhân đạo hơn, thịnh vượng hơn cái thế kỷ 20 bạo tàn? Có thể lắm! Con Người sắp được phục vụ – Đời Sống được hồi sinh. Hy vọng Cái Chết cũng lặng lẽ như một ngọn đèn hết dầu, lụn dần lụn dần, chứ không cố vùng vẫy bùng lên để gây những đám cháy không cần thiết.

*

Ai cũng vui mừng trước biến chuyển chung của thế giới, nhưng sự khôn ngoan khiến những nhân vật lớn được báo chí phỏng vấn đều tỏ ra dè dặt. Ngọn đèn hết dầu lụn dần trong lặng lẽ là một thi ảnh lãng mạn. Không phải là thực tế chính trị, càng không phải là điều thường thấy trong trò chơi quyền lực. Không phải một sớm một chiều những thượng – đế – nhỏ ngoan ngoãn bằng lòng rời ngai vàng xuống phố làm người dân thường, dứt khoát không còn tiếc nuối những lời tung hô nịnh hót quen tai. Bức tượng khổng lồ xây trên cát lún gần một thế kỷ, nay bức tượng đó bắt đầu xiêu, những người dựng tượng hoang mang nhưng cứ cố tìm cách đắp thêm móng cho chân tượng, tiếc cho cái công

lao xây dựng bao năm. Ngay những ông bạn láng giềng cũng không dám hớn hở vui mừng. Họ sợ pho tượng đổ nhanh làm hư hại nhà cửa vườn tược của họ. Họ đã quen với lối sống cũ, quen với những rào giậu, hệ thống phòng hỏa, hệ thống ngừa gian, hệ thống báo động. Thiếu một kẻ thù, ôi, đời thật chán! Thành thử nói cho cùng, tương lai thế nào đều tùy thuộc vào khát vọng sống cho ra sống của những người dân từng chịu đọa đày dưới chân bức tượng khổng lồ đó. Trong dịp lễ kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười ở thủ đô Mạc tư khoa, chính người dân Nga đã nhắc nhở cho giới lãnh đạo điện Cẩm linh nhớ rằng: "Chúng tôi là nhân dân đây!"

Những năm tháng sắp tới, cả thế giới chắc chắn sẽ nghe được tiếng nói đích thực của nhân dân.

*

Một anh bạn họa sĩ vừa từ Việt nam qua Mỹ theo chương trình ODP cho biết cảnh sống hồi hộp lo âu của giới văn nghệ bên nhà khi nhà nước lại "siết dây" sau một thời gian nới lỏng chút ít. "Cởi trói"! Ông Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt nam quả là người không quen bay bướm. Ông đã dùng đúng chữ nghĩa. Có viết hàng triệu cuốn sách lý luận thì thân phận người nghệ sĩ trước quyền lực chuyên chính vẫn là thân phận người bị trói.

Chém cha cái số hoa đào

Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi!

Lần "buộc vào" này xem ra chặt chẽ, buộc thật siết. Bản tin trên một tờ báo ngoại vi của nhà cầm quyền Việt nam ở Pháp:

"Sau các báo *Văn Nghệ, Lao Động* (đã đổi tổng biên tập), sau các báo *Tổ Quốc, Độc Lập* (đã đóng cửa), một loạt các tờ báo khác được xem là "đổi mới" đã mất tổng biên tập hoặc đình bản trong mùa hè vừa qua.

Xuất bản ở Huế đến tháng Chín 89, tạp chí *Sông Hương*, nơi tá túc của nhiều nhà văn từ khi báo *Văn Nghệ* bị "uốn nắn" đã, sau số 39, tạm đình bản... cho đến khi nào có giấy phép xuất bản mới. Trước đó có trường hợp tạp chí *Lang Bian*, xuất bản ở Đàlạt, mà tổng biên tập Bùi Minh Quốc – do những hoạt động ủng hộ xu hướng báo *Văn Nghệ* trước đây – đã bị cách chức và khai trừ khỏi Đảng Cộng sản.

Tại đồng bằng sông Cửu long, các báo địa phương, *Hậu Giang* và *Ấp Bắc* cũng vừa mất tổng biên tập của mình.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, độc giả ngày 13 tháng Tám của *Sàigòn Giải Phóng* đã thấm thía khi đọc "lá thư chia tay" của tổng biên tập Tô Hòa... Cần nhắc lại rằng Tổng bí thư Nguyễn văn Linh, trong một buổi làm việc với cơ quan truyền thông đại chúng vài tháng trước đó, có lên tiếng phê phán báo *Sàigòn Giải Phóng* cùng với báo *Tuổi Trẻ*, sự ra đi của người tổng biên tập, chị vũ Kim Hạnh chỉ còn là vấn đề thời gian".

Chập chờn đằng sau bản tin là cảnh Thiên An môn nhuộm máu. Á – Âu khác nhau ở chỗ đó chăng?

*

Vì sao những người cầm quyền chuyên chính sợ hãi văn nghệ đến độ đó? Đặc biệt là sợ hãi chữ nghĩa!

Có lẽ vì văn nghệ đích thực và chân chính đều xuất phát từ Sự Thật. Không có một tác phẩm văn nghệ nào trường cửu nếu được dựng trên sự giả dối. Nếu quyền bính được xây dựng trên tổ chức tập thể và mưu lược, thì văn nghệ luôn luôn xuất phát từ nỗi đau của từng con người, nỗi đau càng thực thì giá trị văn nghệ càng vững. Người ta có thể viết một bản tuyên ngôn hùng hồn mà không cần một chút lòng tin, nhưng người ta không thể viết được một bài thơ hay dựa ý vào bản tuyên ngôn ấy, nếu người viết không đủ tin tưởng. Quá lắm anh ta chỉ bài tiết ra được vài câu vè.

Cho nên dù bị "buộc vào", dù bị "uốn nắn", những tác phẩm văn nghệ đích thực từ trong nước vẫn được lưu hành trong dân chúng, vẫn lọt qua khỏi ranh giới quốc gia để đến tận hang cùng ngõ hẹp của thế giới. Tiến bộ của kỹ thuật truyền thông ngày nay không cho phép bất cứ chế độ nào được bế quan tỏa cảng. Nhờ vậy, "nhân dân" đã cất tiếng nói thì tiếng nói ấy không rơi vào im lặng. Tiếng nói dội ra khắp nơi, cộng hưởng thành tiếng nói của quần chúng. Thành tiếng sấm tiếng sét. Nhiều pho tượng sẽ đổ vì tiếng sấm ấy, tiếng sấm của văn nghệ chân chính!

Nguyễn Mộng Giác
12.1989

# PHONG VŨ TIÊU TIÊU, LÔI VŨ ĐỘNG

*Nguyễn Đức Lập*

## CHƯƠNG 2

Ông chủ Trần Công Thạnh là người rất giàu có và rất có tiếng tăm. Tiếng tăm của ông không những chỉ có ở làng Thạnh Hòa, nơi ông đang sống, mà còn lan rộng khắp cả quận Giồng Riềng. Không những vậy, ở quận Minh Lương, hay ở Châu thành Rạch Giá, cũng có người biết tiếng ông.

Ông chủ Thạnh là một điền chủ, ruộng "cò bay thẳng kiếng, chó chạy ngay đuôi". Tá điền dưới tay ông, thuê ruộng của ông, kể cả số trăm. Nội cái vườn cây ăn trái của ông, rộng trên năm mẫu, cũng đủ cho người ta trầm trồ khen ngợi. Ngôi vườn thật là sầm uất, sum suê, ngôi nhà năm gian của ông tọa lạc ở giữa ngôi vườn nầy. Nhà lợp ngói đỏ, vách bằng vôi trộn với ô dước, bền chắc thiên niên. Trong nhà, cột nào cột nấy bằng gỗ trắc cỡ một người ôm... lúa của ông chất đầy lẫm trong lẫm ngoài...

Chưa chính mắt ai được trông thấy, nhưng thiên hạ xầm xì rằng vàng thoi vàng nén của ông chủ Thạnh đựng hết rương nầy qua tới rương kia. Đó là chưa kể hột xoàn của ông phải đong bằng lon và cẩm thạch thì sắp cả tủ.

Theo người cố cựu nói lại, ông chủ Thạnh là một trong những người đã dày công tạo dựng nên làng Thạnh Hòa.

Hồi đầu thế kỷ 20, lúc đó chưa có làng, chỉ có một vài gia đình cất nhà lẻ tẻ dọc theo mé sông, sống bằng nghề làm củi và ăn ong. Một vài gia đình khác cất nhà cao cẳng trên giồng, làm rẫy trồng rau, trồng đậu.

Ông chủ Thạnh, lúc đó, là một thanh niên trạc độ ba mươi, một hôm, tấp ghe vô bờ sông, lần dò lên giồng, tìm phương sinh sống. Gia tài của ông chỉ có một đôi thúng đựng ít gạo, ít cá khô, hai bộ quần áo bằng vải ú đen và một cái mác vót. Ông lội sâu vô trong rừng, đốn cây che chòi, dọn đất.

Những người dân trong vùng, lúc đó, đều tấm tắc ngợi khen người thanh niên, tuy còn trẻ tuổi, một thân một mình, mà đã chí thú làm ăn. Đất của người thanh niên nầy phá hoang được, càng ngày càng lớn... cho đến khi nhà nước bảo hộ cho phép lập làng thì điền đất của chàng đã năm mươi mẫu có dư.

Chàng cưới vợ vào năm gần bốn mươi tuổi, khi mà gia tài sự sản đã bề thế vững chắc. Vợ chàng là một cô thôn nữ sắc nước hương trời trong làng, chênh lệch với chàng gần hai chục tuổi.

Có vợ, chàng càng tích cực phát triển cơ nghiệp. Mấy năm trúng mùa liên tiếp, chàng xuất tiền mua thêm ruộng, mua thêm đất.

Chàng có chân trong ban hội tề của làng, với chức vị là Hương chủ. Chàng được dân làng kính cẩn gọi là ông chủ Thạnh.

Cũng theo người cố cựu nói lại, ông chủ Thạnh là người có văn hay chữ tốt. Chữ nho, ông đọc vanh vách và nét chữ của ông như rồng bay phượng múa. Người ta đoán chừng rằng ông là một người học trò lỡ vận, chán ngán công danh nên tìm chốn rừng sâu mà ẩn thân.

Ông chủ Thạnh nổi tiếng không phải chỉ riêng về mặt giàu có, mà còn ở lòng nhơn đức, thương người.

Tuy là một điền chủ nhưng ông không bạc ác bất nhơn như phần lớn những ông chủ điền khác. Ruộng cho mướn, ông định một mức địa tô vừa phải. Gặp năm mùa màng thất bát, ông giảm địa tô, hay cho đứt luôn, tá điền khỏi phải đóng lúa mướn ruộng năm đó. Tôm, cá trong điền của ông, ngoại trừ những cái đìa của riêng ông, ông cho tá điền mặc tình khai thác. Trong các gia đình tá điền, rủi có người nào đau yếu, bịnh hoạn, ông đều xuất tiền ra để cho họ lo thuốc lo men.

Người nào có việc, chạy tới nhà ông chủ Thạnh để xin giúp đỡ, không bao giờ phải về tay không.

Ông chủ Thạnh còn xuất tiền lo bồi bộ, vét mương, bắc cầu để cho việc vãng lai của dân chúng trong vùng được dễ dàng.

Ông còn cho cất dựa mé sông, gần bến đậu ghe của ông, một cái trại lớn. Ông cho người lên tận Thủ Dầu Một, mua cây súc kéo về. Ông mướn thợ mộc xẻ ván đóng hòm. Những hòm nầy, ông dùng để bố thí cho gia đình những người, chẳng may trong nhà có người chết, gặp lúc bối rối khó khăn mà hào đơn, cắc lẻ cũng không có.

Bởi vậy mà cái tiếng nhơn đức của ông chủ Thạnh mới lan rộng khắp nơi.

Đặc biệt là ông chủ Thạnh rất ghét tá điền chơi bài chơi bạc. Chơi ăn thua nho nhỏ, ông còn bỏ qua. Ăn thua lớn, nhứt định ông kêu hương tuần tới bắt, đem ra nhà việc đóng trăng để cảnh cáo.

Theo lời người cố cựu kể lại, một dạo, có một tay chuyên môn cờ bạc ở Cần Thơ, tên là Mười Điều, qua Giồng Riềng để kiếm ăn. Mười Điều là một tay cờ gian bạc lận nổi tiếng. Y chuyên môn đi hết tỉnh nầy qua tỉnh khác, tổ chức những sòng bạc lưu động, vơ vét hết tài sản của dân quê.

Mười Điều ra đường, lúc nào cũng có bảy, tám tên đàn em, mặt rằn mặt ri, thủ dao găm, búa ngắn, theo bảo vệ.

Lần đó, Mười Điều tới quận Giồng Riềng, bỏ tiền ra lo lót cho chủ quận, để mở sòng bạc công khai. Y xin phép làm ăn trong một tuần lễ. Y tổ chức đủ các môn, tứ sắc, hốt me, tài xỉu, xổ đề, suốt cả ngày đêm.

Sòng bạc chơi được ba ngày, dân cư trong vùng thảy đều xửng vửng, thua tàn thua mạt, thua tới nỗi mấy chị đờn bà đi chợ, phải xách rổ về không.

Mười Điều thấy ở chợ Giồng Riềng không còn tiền để hốt, mới dắt đàn em lần mò vô làng Thạnh Hòa. Trước khi tới nơi, y đã cho người điều tra. Y biết ông chủ Thạnh là người có uy tín nhất trong vùng, mà lại cũng là người ghét cờ bạc nhất trong vùng.

Mười Điều cho đệ tử sắm sanh một mâm trà rượu. Đích thân y cùng với hai tên thuộc hạ, đem lễ vật xin ra mắt ông chủ Thạnh. Trước mặt ông chủ Thạnh, y chắp tay lễ phép thưa:

– Bẩm chủ, tui là Mười Điều ở Cần Thơ, có phép của chủ quận cho mở sòng bạc đặng dân chúng có chỗ giải trí, mua vui. Hôm nay, tui có món lễ nầy, trước là xin ra mắt chủ, sau xin chủ vui lòng cho tôi hoạt động ở làng nầy.

Thái độ của Mười Điều rất lễ phép, nhưng lời lẽ của y trịch thượng uy hiếp ngó thấy. Y cho biết y đã có phép của ông chủ quận. Việc y ra mắt ông chủ Thạnh chỉ là để phù hợp theo lề lối giang hồ, "tiên lễ hậu binh".

Ông chủ Thạnh không nao núng. Ông nạt ngang:

– Chú đã biết tôi mà tới đây, chắc cũng biết luôn cái tánh ghét bài bạc của tôi. Ở làng nầy, hầu hết là tá điền của tôi. Họ nghèo quá mà, bóc lột họ mà chi? Chú nên kiếm nơi khác mà làm ăn. Lễ vật của chú, tôi không dám nhận, xin trả lại cho chú.

Ông khoát tay ra hiệu cho gia nhơn tiễn khách. Mười Điều hầm hầm đem lễ vật ra về.

Chiều lại, Mười Điều đáo lai nhà ông chủ Thạnh. Lần nầy, y đi một mình và đi tay không.

Y hầm hừ:

– Vốn liếng cho chuyến đi nầy, tui bỏ ra đã nhiều. Xin chủ cho tôi làm ăn vài bữa để kiếm lại vốn.

Ông chủ Thạnh cười lạt:

– Vốn liếng gì cái thứ cờ gian bạc lận? Chú đã khét tiếng trong lục tỉnh Nam Kỳ, sao lại đi kiếm vốn ở cái làng nho nhỏ nầy? Làm như vậy, chú không sợ nhẹ thể sao?

Mười Điều giận quá mất khôn:

– Tui đã có lịnh của chủ quận. Tui cứ y kỳ theo đó mà làm. Ai phá tui, đã có đám đệ tử của tui lo liệu.

Hăm doạ xong, y sầm sập bỏ đi ra.

Đêm hôm đó, quả nhiên, y mở sòng bạc tại trước sân đình làng. Đám dân quê, phần lớn rất ham mê cuộc đỏ đen, sát phạt, tụ lại rần rần. Đông nhứt là sòng hốt me. Me đang xí mửng ngon lành. Ông chủ Thạnh dắt một đám lực điền cật ruột của ông tới giải tán.

Đám lực điền, gần ba chục mạng, người nào cũng thủ khí giới, nào là mác vót, nào là phảng phát cỏ, nào là roi trường. Họ xông vô rượt chém đám đệ tử của Mười Điều. Đám nầy hoảng kinh, chạy thất tán.

Mười Điều ỷ mình là tay võ nghệ cao cường, y xông ra, tới trước ông chủ Thạch, tính hành hung. Đứng cạnh ông chủ Thạch là ông Hương Hào Lỷ. Ông nầy, tay nghề khét tiếng cả làng. Đường quyền Ngọc Trân của ông, không ai qua nổi. Chỉ mới vài thế, Mười Điều đã bị ông Hương Hào Lỷ đá văng lên cao, rớt xuống gần gãy cổ.

Sáng hôm sau, ông chủ Thạnh ngồi ghe lên dinh chủ quận. Ông xin gặp ông chủ quận để xin lỗi vì đã không thi hành lịnh của ông nầy ở làng Thạnh Hòa.

Ông chủ Thạnh gặp Mười Điều trong phòng của ông chủ quận. Mặt mày y còn sưng húp, cổ của y quấn đầy băng.

Trước mặt ông chủ Thạnh, chủ quận chửi Mười Điều:

– Mầy ngu quá. Ông chủ Thạnh đây ghét cờ bạc, ai cũng biết. Bộ hết chỗ làm ăn rồi sao mà mầy vô nhằm đất của ổng...

Sau cái vụ Mười Điều, không một tay cờ bạc nào dám tới làng của ông chủ Thạnh mà làm ăn, và cả đám trộm cướp cũng tránh xa. Giới giang hồ, anh chị bàn bạc với nhau:

– Chủ Thạnh tuy không có võ, nhưng tá điền dưới tay, nhiều kẻ nghề trội hơn người. Khét tiếng như Mười Điều, ngoài tài cờ bạc, còn là tay du côn có hạng, vậy mà mới có ba thế đã bị đánh gần mất mạng. Tay chủ Thạnh nầy, không nên chọc vô mà mang khốn.

Để tránh bớt nạn cờ bạc, ông chủ Thạnh thường kêu các gánh hát Bội về trình diễn cho dân làng có chỗ giải trí. Ông cho cất một cái sân khấu lộ thiên ở trước đình. Tuồng tích mà gánh trình diễn, do một tay ông chọn. Ông không thích những tuồng hát có nội dung ủy mị lê thê. Ông chọn những vở tuồng nêu cao gương trung hiếu, tiết nghĩa như San Hậu, Tống Tửu Đơn Hùng Tín, Tống Địch Thanh, Quan Công Phò Nhị Tẩu, Trương Phi Thủ Cổ Thành...

Nói tới ông chủ Thạnh, người ta còn nói tới cái đức hiếu khách của ông.

Khi cưới vợ về, ngay đêm đầu tiên, trước khi động phòng hoa chúc, ông giao hẹn với vợ:

– Bắt đầu từ bữa nay, em là nội tướng của nhà nầy. Em có quyền trên hết thảy mọi người. Chỉ có một điều, anh xin em, là đừng bao giờ can thiệp vô chuyện bạn bè của anh. Anh mồ côi cha mẹ từ nhỏ, sống được nên người là nhờ bạn bè. Vả lại, "tứ hải giai huynh đệ", khắp trong bốn biển đều là anh em. Anh tiếp ai, em không có quyền thắc mắc. Anh nuôi ai trong nhà, em không được rầy rà. Anh cho ai cái gì, em không được hỏi tới hỏi lui... Sống với anh, em chỉ cần giữ có bao nhiêu đó mà thôi...

Trước nét mặt uy nghiêm của chồng, bà chủ Thạnh đã gật đầu hứa chịu và bà đã giữ được lời hứa nầy trong suốt ba mươi năm sống cạnh chồng.

Đúng như lời ông chủ Thạnh đã nói, khách khứa của ông nhiều vô số kể.

Ở trong làng, ngoài ông Hương Hào Lý là người ông chủ Thạnh coi như tay chưn ruột thịt, còn có ông Hương Giáo Kiểm là người bạn đã khiến cho ông chủ Thạnh nể trọng nhứt.

Ông Hương Giáo Kiểm vốn nhà thanh bạch, an bần lạc đạo, không thích xu phụ bon chen. Tánh ông ngay thẳng, thiệt thà. Chữ nghĩa ông rất giỏi, nhưng lúc nào ông cũng khiêm cung, chừng mực.

Ông chủ Thạnh thường tới nhà ông Hương Giáo Kiểm để đàm đạo chuyện đời hoặc trao đổi tâm sự. Ông vẫn thường giúp đỡ cho bạn, khi thì tiền, khi thì gạo, mỗi lúc bạn gặp lúc túng bấn.

Về phần ông Giáo Kiểm, lâu lâu ông mới bước chưn tới nhà ông chủ Thạnh. Ông chủ Thạnh quá giàu, ông Giáo Kiểm không muốn mang tiếng xu phụ người hằng sản.

Ông chủ Thạnh biết được chỗ tị hiềm của bạn nên thường đến thăm bạn hơn là để bạn phải tới nhà ông...

Khách khứa tới nhà ông chủ Thạnh bất kể giờ giấc, bất kể ngày đêm. Có người lội bộ mà tới. Có người ngồi ghe cập vô tận bến. Có người là thanh niên mới mười tám, hai mươi. Có người lụm cụm đi phải chống gậy. Có người núp núp lén lén, gõ cửa nhà ông vào ban đêm. Có người lại rình rang ban ngày, có lính hầu đi theo cận vệ. Có người lại nói tiếng miền Trung đặc sệt, trọ trẹ khó nghe.

Đối với ai, ông chủ Thạnh vẫn một mực niềm nở, lễ phép, tiếp đãi hậu hỉ. Rượu Tây, rượu Tàu của ông sắp đầy một tủ, gà, vịt chạy đầy sân, tôm, cá ăn móng đầy mặt ao, ông tha hồ mà tiệc rượu bĩ bàng để đãi khách. Có nhiều người khách còn được ông lưu lại cả tháng trong nhà.

Khách khứa tới lui không ngớt, năm nầy qua tháng khác, ở nhà ông chủ Thạnh, khiến cho những người tá điền của ông phải lo ngại.

Vào thời đó, nhà cầm quyền Bảo Hộ tích cực đàn áp mọi cuộc nổi dậy phản kháng của dân chúng. Các nhà giam Bà Rá, Côn Lôn, Khám Lớn đều nhốt đầy những người dân yêu nước.

Dưới mắt nhà cầm quyền, mọi cuộc tụ tập đông đảo, đều có tính cách hội họp để làm "quốc sự".

Nhiều người đã trình bày thẳng với ông chủ Thạnh niềm lo ngại của họ. Nhưng ông đã trấn an:

– Cảm ơn mấy chú đã lo lắng cho tôi. Tất cả những người tới viếng tôi đều là bạn bè cũ.

Ông còn cười cho họ được yên lòng:

– Tôi có muốn làm vương làm tướng gì đâu mà làm việc "quốc sự".

Mạnh miệng với đám tá điền như vậy, nhưng không phải là ông chủ Thạnh không lo. Tuy nhiên, ông có kế hoạch riêng. Đám hương chức, hội tề trong làng, ít nhiều đều có mang ơn ông và ông ăn ở với họ lúc nào cũng như bát nước đầy. Ông không sợ họ rình mò, tố cáo, chỉ chọt. Còn ở ngoài quận, ông có quen lớn với chủ quận. Ông thường năng hái đóng góp cho những cuộc lạc quyên do quận đề xướng. Thỉnh thoảng, có dịp ra quận, ông xuất tiền cho đám lính mã tà ăn nhậu thả cửa.

Nhờ vậy mà ông chủ Thạch không hề bị tình nghi khi khách khứa tới lui nhà ông không ngớt...

Nói về đường con cháu, ông chủ Thạnh có vẻ hiếm hoi. Trong khi các ông điền chủ khác con đàn con đống, sắp dài có dọc, bắt từ trên đếm xuống cũng phải một chục đủ đầu, thì ông chủ Thạnh chỉ có hai cậu con trai, cậu Hai Trần Công Phước và cậu Ba Trần Công Đức.

Cả hai cậu đều được cha cho lên Sàigòn ăn học từ nhỏ. Sau khi cả hai đậu Tú Tài, ông chủ Thạnh cho hai cậu đi Pháp du học. Cậu Hai Phước học y khoa, còn cậu Ba Đức học kỹ sư canh nông.

Trước khi lên đường du học, cậu Hai Phước làm lễ thành hôn với cô Hai Lựu, con của một điền chủ ở miệt Kinh Xáng Xà No, thuộc tỉnh Cần Thơ. Cậu để vợ ở lại nhà đặng thay mặt cậu mà hầu hạ cha mẹ...

*

Khi câu chuyện nầy xảy ra, vào lúc có người khách lạ là Sư Tâm Đức viếng thăm, ông chủ Thạnh đã ngoài bảy mươi.

Ông đã thôi chức Hương Chủ từ lâu.

Tuy vẫn còn mạnh khỏe, mắt vẫn sáng, tay chưn vẫn chưa run, nhưng ông chủ Thạch đã mất đi cái vẻ cường tráng của thời trai trẻ. Thân hình ông rất ốm, so với bề cao hơi quá khổ. Nước da ông hơi trắng xanh. Hai bên miệng của ông hóp lại, khiến cho hai cái gò má như bị nhô cao lên. Ông vừa để râu mèp, vừa để râu cằm. Râu tóc của ông đều bạc trắng.

So với ông, bà chủ Thạnh còn quá trẻ. Bà chỉ mới hơn năm mươi chớ mấy. Da dẻ của bà còn phẳng phiu. Thân hình của bà mập mạp, bề thế. Kế bên chồng, bà chỉ đứng tới ngang vai, còn thua ông một cái đầu. Tánh tình bà vui vẻ, mềm mỏng. Không mấy khi, có ai thấy bà mặt ủ mày chau. Lẽ ra, đúng với vai trò của một bà chủ điền, bà không phải làm cái gì động tới móng tay móng chưn. Nhưng, ngồi không, bà chịu

không được. Bà hay bày vẽ làm bánh làm trái, nấu chè, nấu cháo cho tiêu thì giờ.

Chính bà chủ Thạnh là người tích cực giúp chồng trong việc ban bố ơn phước cho đám tá điền hoặc đám dân nghèo trong làng. Bà sốt sắng đốc thúc chồng trong các việc vét mương, bồi lộ, bắc cầu.

Theo dân làng kể lại, có một lần, bà chủ Thạnh đi dọc theo một con mương lớn. Bà thấy một bà già lội ngang qua mương, đi từ bờ bên nầy qua bờ bên kia. Nước chảy xiết, bà già khi qua được con mương, vừa run rẩy, vừa ho, ngồi thở dốc.

Đêm hôm đó, bà nài nỉ ông chủ Thạnh xuất tiền bắc một cây cầu ngang con mương đó. Bà nói:

– Bấy lâu nay, mỗi khi có việc, ai cũng phải lội ngang mương mà đi. Có người già cả, có người bịnh hoạn, có người ẵm theo con mọn. Thấy thiệt là bất nhẫn. Cây ván mình có sẵn. Tiền xuất ra không bao nhiêu mà thiên hạ được nhờ.

Chính bà đứng ra đốc thúc, coi ngó công việc làm cầu. Cây cầu được làm xong, bà mừng như bắt được của.

Dân làng, mỗi khi đề cập tới cây cầu, thường nói là, "cây cầu nầy do bà chủ Thạnh làm", nói riết thành ra "cầu bà chủ Thạnh".

Khi thấy tên mình dính liền với cây cầu, bà chủ Thạnh không lấy làm mừng. Trái lại, bà còn thấy lo. Bà sợ rằng sẽ có nhiều người ganh ghét mà sinh ra những sự không hay. Bà thường than thở rằng dân làng cớ sao mà đa sự.

Niềm lo của bà chủ Thạnh không phải là vô lý. Thấy cây cầu mang tên bà chủ Thạnh, bà Cả Bường, vợ ông Hương Cả, nhảy dựng lên liền. Ở trong làng, ông Hương Cả là lớn nhứt, kế mới tới ông Hương Chủ. Làm sao mà bà Chủ có tên có tiếng mà bà Cả lại không có?

Bà Cả Bường, tuy ganh nhưng không ác, bà làm mình làm mẩy, làm mủ làm nhọt, một hai bắt chồng phải xuất tiền, làm một cây cầu khác, dài hơn lớn hơn, nằm trên trục lộ chính đi vô làng. Bà cũng đích thân đốc thúc thợ làm cầu. Bà bận một bộ quần áo bằng lụa Hạ Châu mầu nâu lợt, đi qua đi lại. Lúc nào cũng có một con ở cầm dù cánh dơi che cho bà. Bà lên tay xuống ngón, chỉ chỉ chỏ chỏ. Mỗi khi mệt, bà lại ngồi dựa ngửa trên ghế bành, con ở vẫn cầm dù đứng kế bên.

Cầu hoàn thành, dân làng to nhỏ: "bà Cả che dù đứng coi thợ làm cầu", cây cầu mang tên là "Cầu Bà Cả Dù".

Bà Cả Bường có hơi tức, nhưng trong bụng cũng được thỏa mãn. Bà Chủ Thạnh cười tít toát:

– Cũng hay, nhờ vậy mà làng có thêm được một cây cầu. Dân làng được nhờ nhiều lắm.

Bà chủ Thạnh vẫn tiếp tục chí hướng của chồng để làm việc nghĩa, trong khi bà Cả Bường chỉ làm một lần đó rồi thôi. Một phần thì bà Cả Bường hơi mắc cở khi cây cầu mang tên là Cầu Bà Cả Dù, một phần khác, quan trọng hơn, chính là vì ông Cả không ló ra thêm một đồng một xu nào nữa để cho bà thi ơn bố đức. Ông Cả Bường vốn là người hà tiện, chắt chiu có tiếng. Rứt của ông ra một đồng, cũng thể như rứt của ông một khúc ruột. Ông dứt khoát với vợ:

– Nè, tui xin bà nghen. Tiền của tui "chảy mồ hôi, sôi máu mắt" mới có được, chớ không phải tự nhiên ở trên trời mà rớt xuống đâu. Bà đừng có hốt mà quăng hết ra đường. Thằng Thạnh, chắc vàng của nó là vàng kho, nên nó xuất ra làm chuyện bao đồng hoài mà không thấy mệt. Bà đừng có bắt chước vợ chồng nó mà khổ ba dồng tiền của tui...

Từ đó, việc giúp người của bà chủ Thạnh không còn đối thủ. Bà cứ lấy những lời tâm sự của chồng làm châm ngôn cho cuộc sống:

– Tôi thì tay trắng với một cây mác vót mà làm nên cơ nghiệp. Bà thì xuất thân nhà nghèo. Mình giàu đây là nhờ trời cho. Trời ban phước mà mình hưởng một mình, sẽ đắc tội với trời. Vợ chồng mình chỉ có hai đứa con. Đứa nào cũng có học có hành. Để của lại không bằng tích đức cho con. Dù sao, cơ nghiệp của mình, tụi nó ăn mãn đời cũng không hết... Chỉ sợ mình không sống được lâu để làm phước, chớ đừng sợ hết tiền.

Bà chủ Thạnh phát tâm ăn chay niệm Phật vào năm bà bốn mươi chín tuổi. Năm đó là năm tuổi của bà. Vào lúc đầu năm, đang mạnh sân sẩn, tự nhiên, bà bị bịnh một trận liệt giường liệt chiếu, tưởng đã ô hô tán thán. Nghĩ rằng phen này ắt khó mà toàn mạng, bà đã cầm tay ông, ứa nước mắt mà trối trăn việc nhà. Ông Giáo Kiểm tới thăm, hối ông chủ Thạnh chở bà đi ra nhà thương Rạch Giá. Bác sĩ Tây nói là bị thương hàn. Thuốc men tĩnh dưỡng hơn một tháng trời, bà mới lại sức. Sau cơn bịnh sấp ngửa, một chết hai sống, bà tìm đường về với Phật. Bà ra một cái chùa Tàu ở Rạch Giá, thỉnh về một tượng Quan Âm Bạch Sĩ và một cuốn bạch y thần chú. Bà ghi những ngày phải ăn chay trong tháng, theo Chuẩn Đề Thập Trai. Bà rủ chồng cùng ăn chay với bà...

Từ ngày lập bàn thờ Phật trong nhà, bà chủ Thạnh có vẻ lơi bớt công việc sai khiến kẻ ăn người ở trong nhà. Việc quán xuyến trong ngoài, bà giao cho vợ chồng Hai Quờn.

Hai Quờn là con trai ông Hương Hào Lỷ, để học hết "nghề" của cha. Ông Hương Hào đã chết, ông chủ Thạnh đem Hai Quờn về, lo cưới vợ cho y, coi y như con cháu trong nhà. Tướng tá Hai Quờn nẩm thấp, bậm trợn. Những bắp thịt trên người y nổi lên có vồng. Tánh tình y thiệt thà chơn chất, y được ông chủ Thạnh dạy cho chữ nghĩa, và những điều phải để ăn ở với đời...

(còn tiếp)

Nhà xuất bản **Thời Văn**

Ra mắt bạn đọc với những tác phẩm:

**Nhà Văn Nói Với Chúng Ta** thực hiện Nguyễn Mạnh Trinh
**Sợi Chỉ Trong Hồn** truyện dài Nguyễn Ý Thuần
**Trần Ai Khoai Củ** truyện dài Nguyễn Đức Lập
**Cánh Cửa** tập truyện Nhật Tiến
**Sống Dở** truyện dài Hoàng Việt
**Thơ Không Người Nhận** tập truyện Hoàng Khởi Phong
**Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu** tập truyện Trần Vũ

Liên lạc: Cao Xuân Huy
P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA
Phone: (714) 544.7650

ĐẤT VÀ NGƯỜI

**Hoàng Khởi Phong**

# TRÂU ĐỒNG TA ĂN CỎ ĐỒNG TA

1. Máy bay đáp xuống phi đạo hồi 6 giờ sáng. Bây giờ bắt đầu là mùa xuân ở nam bán cầu, mùa xuân ở Sydney mặt trời đã nhô hẳn lên khỏi mặt nước, thấp thoáng qua cửa phi cơ, tôi thấy những cụm building nhô cao, những ngọn đồi cỏ xanh rì, và những chiếc thuyền buồm đậu san sát đầy trong vịnh. Sau 15 giờ bay nột mạch không nghỉ, khuôn mặt mọi hành khách đều bơ phờ, vài em bé bị đánh thức dậy bất ngờ khóc ré lên, át cả những tiếng lịch kịch của hành lý va chạm. Tôi uể oải đứng dậy, hành lý thật nhẹ, nhưng lòng xốn xang như những đợt sóng tuần tự xô vào bờ Sydney, bởi vì lát nữa đây sau khi thủ tục ở quan thuế xong tôi sẽ gặp lại anh chị Hai tôi sau 15 năm chúng tôi vắng bóng nhau trong đời sống, chỉ lát nữa đây tôi sẽ gặp lại các cháu tôi, những đứa cháu bé bỏng ngày nào tôi vẫn dẫn ra đơn vị sống với tôi trong những dịp nghỉ hè, bây giờ những chú bé đó đã lớn, có một chú đã làm cho anh tôi trở thành ông nội và tôi trở thành ông trẻ. Có một chú khác kế cũng muốn trở thành cha, và tôi từ Mỹ qua đây để chứng kiến ngày thành hôn của chú đó. Một chú nữa quá nhậy cảm, nên không chịu nổi những cảnh "thương hải biến vi tang điền", sau một chuyến vượt biên thất bại ở tù, thành công chuyến thứ hai, năm năm lầm lũi nơi quê người, năm năm hứng chịu những cơn gió chướng. Bây giờ chú bé đó đã ngớ ngẩn đủ 10 năm, không hiểu chú bé đó liệu có nhận nổi mặt tôi trong số hàng trăm người vội vã rời phòng quan thuế. Vẫn chưa hết, còn hai chú nữa em của chú bé ngớ ngẩn liệu tôi có nhận nổi chú nào là anh chú nào là em, bởi vì 15 năm đã qua, những chú bé đó giờ đây không còn ai dưới 22 tuổi và sau cùng may thay có một cô bé, một cô bé thực sự tên là Xuân Ly, đã sinh ra khi anh tôi phải đi học tập cải tạo vào mùa xuân năm 75, giờ này đã dậy thì và đã cao hơn mẹ.

2. Khi tôi ra khỏi phòng quan thuế, đã 9 giờ, tôi bắt gặp anh Hai tôi đứng ngay đầu hành lang, chị và tất cả các cháu bên cạnh, một đứa

chụp hình, và một đứa sử dụng video camera thu hình anh em tôi bắt tay nhau. Chị Hai tôi thật là mau nước mắt, còn đứa cháu ngớ ngẩn nhìn tôi cười mà như không cười, tôi nhận ra giọng tôi lạc đi, không phải vì cơ thể chưa điều chỉnh được khi từ cao độ 10 cây số xuống đất, anh tôi xúc động quên cả chỗ đậu xe, mấy đứa nhỏ túa ra và sau cùng chúng tôi bỏ lại phi trường Sydney, chúng tôi ngồi trên hai chiếc xe cũ kỹ cà tàng. Có một lúc tôi muốn quay xuống ghế dưới, ôm lấy đứa cháu bất hạnh không bình thường, muốn hỏi han ân cần, muốn chia với cháu một chút bình thường của chính tôi, nhưng tôi hiểu đã quá trễ, đã 10 năm quá trễ. Như những hàng cây bị bỏ lại bên đường, tôi nhớ lại hình ảnh của đứa trẻ ngộ nghĩnh, có giọng nói hơi đớt của 20 năm trước, đứa trẻ đã một lần phản đối mẹ vì mẹ chỉ cho nó 5 đồng mỗi hôm đi học, trong khi bố nó đã đồng ý cho nó 10 đủ để uống một ly nước mía, một món quà vặt hàng ngày của con nhà nghèo, thằng bé đã phản đối một cách rất nghệ sĩ là chỉ đi một chiếc dép đi học. Bây giờ chú bé đó ngồi băng sau, chú đã có một hàng ria mép, những cọng râu thưa không cạo, đôi mắt lờ đờ, thỉnh thoảng sáng lên, cười bâng quơ, đôi tay cử động chậm rãi, hay cố làm một cử động nào đó cho đỡ thừa thãi, đáng lẽ với phong thái đó chú bé lớn lên dần không thành một nghệ sĩ thì cũng phải bình thường dẫu có thua anh, kém em, không thể tốt nghiệp kỹ sư như các chú bé khác cũng có thể trở thành một người cần cù, lương thiện sống một đời bình thường bằng sức đôi tay của mình chứ không đến nỗi hưởng trợ cấp bệnh tật vô hạn định. Tôi nghĩ đến một đứa cháu khác, con anh Ba tôi, chú nhỏ là một cầu thủ thiếu niên hữu hạng của trường, anh Ba tôi đông con làm gì đủ tiền cho con trau giồi cái năng khiếu hơn người. Cả đời thằng nhỏ chỉ mong lớn lên là một cầu thủ đúng nghĩa đá banh với đôi giầy dùng để đá banh, năm 82 chưa kịp gởi quà về nhà cho cháu thì thư nhà tới, cháu con anh Ba tôi đã để lại một bàn chân của nó nơi xứ người, bây giờ cháu con anh Ba tôi đã tốt nghiệp Đại học Sư phạm ở Sàigon, bây giờ cháu con anh Ba tôi đi dậy học với một cái chân gỗ, đôi khi làm trò cười cho những học trò rắn mắt của nó, và trong tủ tôi có một đôi giầy đá banh không bao giờ dùng tới.

Tôi có rất nhiều cháu dễ chừng 30 đứa, con cô em tôi, một thiếu nữ nhan sắc và thông minh hơn người, chỉ vì vài chữ trong cái phiếu lý lịch của cha nó – một người bạn cùng lớp với tôi – có thời gian đi cải tạo. Do đó mà ước mơ của cháu tôi là học ở trường thuốc đã không thành cả hai năm nay, dẫu bài vở trong kỳ thi tuyển nó luôn làm đủ, [illegible] nào nó cũng thiếu vài điểm để vào trường thuốc, thừa điểm để vào Đại học

Nông Lâm Súc, năm nay con bé hành trang vào trường. Nó nói với mẹ nó rằng nó và các bạn mỗi người có một cái rương đồ, y như các thầy khóa Nho học của hơn thế kỷ trước trong truyện Lều Chõng, học thì ít, suốt ngày đi đào mương, đắp đê, thủy lợi, cô em tôi gạt nước mắt mà bắt con về.

*

Những hàng cây cứ lùi lại bên vệ đường, tôi quay xuống người thanh niên cười ngẩn ngơ, bà mẹ bên cạnh đáng lẽ phải vui vì sắp cưới vợ cho con trai mà sao mặt mày héo hon, ủ dột. Đó có phải là chị dâu tôi? Ngày chị về với anh tôi, tôi mới có 12 tuổi, ham chơi, ở bẩn, mẹ tôi ngày ngày bắt chị kiểm soát việc tắm rửa của tôi, thông thường chị dẫn tôi ra chum nước sau nhà, sối vào đầu vài gáo nước, vò đầu cho tôi xong mới yên trí vào nhà, bây giờ chị đã quá ngũ tuần, có những sợi tóc bạc, có những nếp nhăn dưới quầng mắt, và đôi chân chị do lao động tốt nơi xứ người mà bị khập khiễng. Ngày chị về với anh tôi, gia đình tôi vừa di cư từ Bắc vào Nam, quá nghèo chị và chị tôi ngày ngày phải gánh nước từ giếng lên đổ đầy hai phuy nước, cả hai phải dậy sớm từ lúc 4 giờ sáng thổi cơm sớm cả nhà ăn xong rồi người đi học, kẻ đi làm, thổi cơm sớm để cha mẹ tôi bớt được một buổi sáng cho một gia đình hơn chục miệng ăn. Có hôm tôi dậy sớm, nhìn mẹ tôi và hai chị lui cui dưới bếp, tôi thấy một chút xao xuyến trong lòng, chui vào màn mà không thể nào ngủ tiếp. Còn anh Hai tôi, người mà cha tôi lúc sinh thời vẫn cho rằng lành như đất, hiền như bụt, anh tôi hệt như xưa, xưa cho tới gần 40 năm trước, cha tôi vắng nhà, anh Cả trọ học ở Hà Nội, mẹ tôi và sáu anh em chúng tôi ở Hải Dương, anh tôi học đệ tứ trường Trung học Nguyễn Bỉnh Khiêm, suốt mùa đông thủ một chiếc áo blouson dạ, và hễ hôm nào anh đi chợ thì y như rằng một túi có 3 trái trứng, túi còn lại là vài quả cà chua. Khác với anh Cả tôi nghiêm nghị, bọn nhỏ chúng tôi, từ anh Tư trở xuống không một ai không nếm đòn anh Cả, anh Hai tôi chưa hề đánh một đứa em nào, cũng không hề to tiếng với bất cứ ai, học không tuyệt giỏi nhưng cứ từ từ năm một, không siêng, không lười, và không bao giờ thi rớt. Dòng đời cứ trôi đi, cha tôi lẩn quất đâu đó trong vùng Việt Bắc. Anh Cả đang học năm cuối cùng của trường Chu văn An Hànội thì đùng một cái xe GMC ở đâu tới mang cả đám vô tuốt trong Thủ Đức, anh Cả tôi một năm sau về với bộ đồ nhà binh trên người, lon quan một trên cầu vai. Năm 54, gia đình tôi tụ lại ở Cẩm Phả, cha tôi vừa từ bỏ rừng núi của ông, công việc của ông ở một nơi đèo heo

hút gió nằm đâu đó trong tỉnh Cao Bằng, anh Cả tôi tự động bỏ bộ quân phục trên người, tình nguyện về quê cũ quan sát, anh Hai, anh Ba tôi giã từ học đường cũng về làm phu mỏ than với cha tôi chờ tin lành từ anh Cả tôi. Ngày tôi thi Tiểu học ở Quảng yên trở về, cũng là ngày anh Cả tôi mang tin chẳng lành từ quê cũ tới, cha tôi dẫn toàn gia về Hải phòng và ở đó gia đình khởi đầu một chuyến hải hành không một ai biết trước cái gì chờ đợi ở nơi cập bến.

Anh Hai tôi tốt nghiệp Cán sự y tế, rồi động viên làm sĩ quan trợ y, rồi tự học tốt nghiệp vào Quốc gia Hành chánh, rồi vào tù 7 năm mà cả đời không làm gì quấy. Bây giờ cay đắng ở xứ người, tóc bạc rất ít, có vẻ như không già với số tuổi hơn 50 của anh, nhưng từ trong đáy mắt tôi hiểu anh tôi đã thay đổi từ trong cội rễ. Anh hay gắt với chị Hai và các cháu ngay cả với những điều không cần thiết, anh vẫn là một ông bụt, vẫn lành như đất, nhưng có điều anh là một ông bụt gắt gỏng.

3. Căn nhà có một cái chái đằng sau phòng ăn, danh từ địa ốc ở đây gọi là "patio". Sáng nào ông nhạc của anh tôi cũng dậy sớm, làm một vài cử động thể dục, giống như ở Việt nam và Trung hoa, có một dạo thuốc men khan hiếm, các cụ già sáng sáng dậy sớm tập Thái cực quyền, có hôm cả bà nhạc của anh tôi cũng tham dự, hai cụ vừa ở Việt nam tới Úc, đúng một tuần vừa kịp dự lễ cưới của thằng cháu ngoại. Sáng nào cũng vậy, tôi được đánh thức bằng những tiếng lịch kịch do chị Hai tôi làm điểm tâm cho cả nhà. Ngày bắt đầu từ cái bàn ăn này, hai cụ già vợ chừng anh Hai tôi, tôi và hai người em trai chị Hai tôi, một người hơn tôi hai tuổi, học trên tôi hai lớp, nhưng vào lính cùng ngày, cùng khoá, một người nhỏ hơn tôi năm tuổi, Bác sĩ đang làm việc ở Florida. Gia đình chúng tôi thuộc hai giòng họ liên hệ với nhau qua nhiều thế hệ, máu mủ chằng chịt qua cả thế kỷ nên tôi sẽ không lấy làm lạ nếu như cả bốn ông anh tôi lấy bốn chị em một nhà, trên thực tế ông anh thứ ba của tôi phá ngang, nên chỉ có anh Hai tôi và một người em con chú tôi đồng thời là con nuôi cha tôi lấy hai chị em ruột. Như thế hẳn là cha tôi và ông nhạc của anh tôi là bạn thời trai trẻ, và tôi là bạn của các em chị Hai tôi, bởi lẽ chúng tôi sinh ra trong một ngôi làng khá nổi tiếng về văn học cũng như về võ bị, chúng tôi là hậu duệ của những ông quan triều Nguyễn (đôi lúc tôi tự hào về dòng giõi tôi, đôi lúc tôi thất vọng về các cụ tại sao có thể làm quan lâu thế dưới một cái triều chính nhu nhược, thối nát và thiển cận, dẫu là minh quan chăng nữa có

thể làm gì dưới trướng của những Tự Đức, Đồng Khánh...). Chúng tôi theo học cùng trường từ thời thơ ấu, rồi di cư vào Nam cùng ở một cư xá, chúng tôi lớn lên trong cái giáo dục tương đối khá nghiêm khắc của gia đình, chúng tôi nghịch ngợm leo trèo, đá banh, đánh đáo và thường thì cùng ăn đòn, cùng bị phạt quỳ và nhìn nhau cười khúc khích bởi vì nhà tôi cách nhà ông nhạc của anh tôi có hai căn, cứ thế dòng đời trôi đi, cứ thế hai gia đình chúng tôi bành trướng ra, giỗ tết có hôm tới 30, 40 người. Chúng tôi lớn lên tung ra bốn phương, một năm đôi lần tụ lại tự bốn phương, kẻ thì quân nhân, người thì công chức, đôi người đi dậy học, đôi người du học phương xa, mà cũng lạ, không có một ai đi buôn và chưa hề một ai góa chồng, chưa một trẻ mồ côi. Dẫu kinh tế mỗi lúc mỗi khó. Không có một ai giầu và cũng chẳng một ai đói ăn, thiếu mặc.

Ngày bắt đầu từ cái bàn ăn, thường thì ông nhạc của anh tôi nói những câu ngắn, gọn về những người còn sống hay đã chết, còn ở tù hay đã ra tù, những người còn ở lại miền Bắc, những người vượt biên hay những người đang có mặt ở Miên, ở Lào, Thái, Mã, Phi... Đột nhiên hai đại gia đình chúng tôi tan ra thành những mảng nhỏ, cha mẹ một nơi, con cái một nẻo, thôi thì chân trời, góc biển, thôi thì xứ lạ quê người. Hai người con trai của ông nhạc của anh tôi, hai đứa em tôi mà không phải... em đã chết, một người học tập cải tạo về từ năm 79, vượt biên vỡ lở sợ bị tù, nên bỏ chạy và đã chết nơi một bãi sông hoang vắng, cũng trên con thuyền bị bắt lại đó hơn một năm sau cô em gái đến được bến bờ tự do. Một người khác cang cường hơn học tập đủ mười hai năm, về đến nhà vợ một nơi, con thì rải rác trên nước Mỹ, anh ta vượt biên đến Thái lan vào đúng lúc Thái lan đẩy thuyền tị nạn ra khơi, đã hai năm nay không một mẩu tin nhỏ, một đứa cháu tôi tuổi vừa 18, nhà sợ phải đi Miên nên đưa ra biển đã mười năm, phải chi nó còn thì có lẽ tôi đã phải làm chủ hôn như đã làm cho anh nó năm ngoái ở Houston. Tôi nhìn lại người bạn đồng khóa với tôi, 5 năm ở Úc, làm việc "đồng áng" mà vẫn chưa tan những vết sẹo trong hồn khi đi cải tạo, còn đâu những nét nhạc tài hoa, những bài viết phong phú cũ. Tôi nhìn lại người em bác sĩ, dấu đằng sau những bình an hiện tại là những bất ổn lưu cửu từ hơn mười năm trước. Dễ chừng đã quá lâu chúng tôi không được ngồi chung dưới một mái nhà, ngủ chung trong một căn phòng.

4. Cơm tối xong, cả nhà chuyện vãn về đám cưới của cháu Lương. Ông nhạc của anh tôi hỏi tôi:

– Câu chuyện anh với thằng Hanh nhà tôi nói hồi chiều là chuyện thật hay đùa?

Tôi còn đang bỡ ngỡ cụ tiếp luôn:

– Tôi nhờ già cả mà mà được cho đi du lịch sang đây ít ngày ăn cưới cháu ngoại. Thằng Hanh nhà tôi với anh đánh bạn với nhau cũng đã trên 30 năm? Anh định hỏi con Hương con thằng Hanh cho con trai anh phải không?

Anh tôi đột nhiên xen vào:

– Tôi nghe cô Mười nói với tôi là chú có ý định ngấp nghé con Trân cho thằng Quang, tại sao lại tiền hậu bất nhất thế? Có mỗi thằng con trai mà chỗ nào cũng đánh tiếng. Chuyện này không đùa được đâu.

Tôi chợt nhớ ra đầu đuôi cớ sự và trả lời:

– Em nghe nói ngày xưa các cụ đính ước với nhau nhưng không có chỉ định rõ ai với ai nên vì đó anh là thứ hai mà chị Khanh là con gái lớn đúng không? Ngày xưa các cụ đặt đâu còn ngồi đấy, còn bây giờ con cái đặt đâu cha mẹ ngồi đấy, em nghĩ bọn nhỏ bây giờ không chịu cái vụ đó, nên em định tạo cho con em nhiều cơ hội với con các bạn thân của em, chẳng cứ con của Hanh, con của Đức, còn con các bạn em nữa. Bây giờ nó sắp 18 rồi, chỉ sợ một vài năm nữa nó cõng một chị tóc vàng, mắt xanh về đẹp thì có đẹp nhưng làm sao có thể cảm thông với nhau được, em đã nhìn thấy nhiều cuộc hôn nhân dị chủng rồi, trăm cặp may ra được một, mà nó vẫn làm sao ấy, em cũng hiểu dẫu nó là con mình, nó có đời của nó, nó lấy ai là mình phải chịu, vả lại nói thế chứ con Hương ở Úc, con Trân ở Houston, em ở California thử hỏi làm gì có dịp chúng nó gặp nhau. Đây là điều em cầu, còn được hay không thì trước tiên chúng nó phải có cơ hội gặp nhau, thân mật được với nhau thiên nan, vạn nan chứ đâu có dễ dàng gì?

Ông cụ đột nhiên xen vào:

– Thằng Quang học hành khá không anh, nghe nói nó giống anh lắm phải không?

– Cháu nó hơi lùn, học khá, không có một chút văn nghệ trong người, nó chỉ giống cháu cái khoản thích sport thôi.

– Lo gì chuyện đó, văn nghệ văn gừng chỉ có đối rã họng ra thôi, nói thật anh với thằng Hanh nhà tôi mà không bị cái vụ 75 này thì vợ con có ngày cạp đất. Bao giờ anh về Mỹ?

– Tụi con định ngày mốt về.

– Gặp anh lần này là vĩnh biệt, tôi có lẽ đi chơi dối già chuyến này về rồi sẽ không bao giờ có dịp khác đâu. Nhưng mà "Trâu đồng ta ăn cỏ đồng ta" cũng nên lắm. Hôm ông cụ anh mất, tôi đứng coi họ nhập quan, tôi lót đầu cho ông cụ, tôi đọc điếu văn, khi bà cụ anh mất tôi cũng làm đủ bấy nhiêu thông lệ. Anh lấy giấy bút ra tôi cho anh địa chỉ con Kim con thằng Lập bên Canada. Nói tóm lại hiện nay tôi có mấy đứa cháu gái. Cả nội lẫn ngoại, con Hương nhà Hanh, con Kim nhà Lập, con Ngọc nhà Đức, con Trân, con Hiền, con Phương đứa nào cũng dược, anh cứ tạo cơ hội cho bọn chúng gặp nhau đi, thân mật với nhau đi. Anh về Mỹ có rảnh thì qua Canada thăm con thằng Lập. Tội nghiệp cháu tôi, bố nó mất sớm, mẹ thì lại trẻ quá. Không thể không đi bước nữa.

5. Hôm tôi và Đức về lại Mỹ, anh Hai tôi "né" cảnh biệt ly nên đã đi làm, Đức năn nỉ bố mẹ ở nhà cho khỏe, bà cụ chịu ngay vì bà cụ tiễn con ra phi trường, đến lúc tối hậu khóc lóc dám lăn đùng xuống đất cũng nên, cụ ông không chịu ở nhà, cụ dẫn một bầu đoàn con cháu ra phi trường tiễn Đức, cụ dặn đi dặn lại về địa chỉ các cháu nội ngoại của cụ ở rải rác trên xứ người, tôi căn dặn các cháu tôi vài điều rồi hai anh em lặng lẽ bước đi trên cái hành lang sâu thẳm của phi trường Sydney, cụ ông mắt rơm rớm nói với theo:

– Vĩnh biệt anh.

Tôi chia tay với Đức sau 15 giờ trên phi cơ, tôi xuống Los Angeles, còn Đức đứa em bé bỏng ngày nào, chuyển sang một chuyến bay khác về Florida.

Làm sao tôi có thể viết về nước Úc, dẫu tôi có tới đó 20 ngày. Có ở Sydney, có tới Melbourne, có đi xe hơi, có ngồi xe điện, xe bus, tôi chả dính líu gì tới nước Úc, còn người Úc quả là tôi rất muốn xem khác với người Mỹ ở chỗ nào, nhưng phiền một nỗi mấy ông họa sĩ, nhạc sĩ, thi sĩ bạn tôi trong buổi sơ giao ấy tôi làm sao dám mở miệng. Thế thì mấy chú Kangarou, Kaola ơi đừng có buồn là tại sao tôi không biết mặt ngang mũi dọc của các chú: những sinh vật tiêu biểu cho đảo quốc mênh mông ấy, hẹn các chú sang năm thằng cháu kế của tôi lấy vợ tôi sẽ tới thăm các chú cho biết cảnh, biết người.

Hoàng Khởi Phong

# GIỚI THIỆU SÁCH BÁO MỚI

*** Đưa Nhau Về Đến Đâu**

Thơ Luân Hoán. Sông Thu xuất bản (1989). Bạt Đỗ Quý Toàn. Hình bìa: Thì Thầm của Lê Xuân Quang. Thái Tú Hạp trình bày. Dày 110 trang. Giá 10 Mỹ kim.

*** Đêm**

Truyện dài Ngô Nguyên Dũng. Làng Văn xuất bản (1989). Dày 134 trang. Giá 7 Mỹ kim.

*** Từ Giã Ngày**

Thơ Nguyễn Đức Bạt Ngàn. Viết năm 1971. Tác giả xuất bản. Cơ sở Việt Publisher in thàngh sách 1989. Làng Văn phát hành. Dày 101 trang. Giá 10 Gia kim

*** Cái Xác Sống**

Tập truyện Nguyễn Ngọc Thuận. Xuân Thu xuất bản 1989. Sách dày 155 trang. Giá 7 Mỹ kim.

*** Buổi Sáng Một Mình**

Tập truyện Bùi Bích Hà. Trình bày bìa: Vĩnh Quý, Nguyễn Đồng. Bản vẽ bìa sau: Thái bá. Phụ bản: Nguyễn thị Hợp. Trình bày bản văn: Cao Xuân Huy. Tựa Vũ Huy Quang. Người Việt xuất bản 1989. Sách dày 195 trang. Giá 12 Mỹ kim.

*** Thơ Trang Châu**

Tập thơ Trang Châu. Tựa Đỗ Quý Toàn. Bìa Nguyên Khai. Trình bày: Viên Linh, Thái Tú Hạp. Sông Thu xuất bản 1989. Dày 68 trang. Giá 8 Mỹ kim.

*** Một Thuở Làm "Trùm"**

Truyện dài Nguyễn Tấn Hưng. Bạt Hồ Trường An. Phụ bản Nguyễn thị Hợp. Văn Nghệ xuất bản 1989. Sách dày 190 trang. Giá 8 Mỹ kim

*** Lớp Lớp Phù Sa**

Truyện dài Kiệt Tấn. Tập I. Văn Nghệ xuất bản 1989. Sách dày 256 trang. Giá 13 Mỹ kim.

*** Hồi Kí Tập I**

Hồi ký Nguyễn Hiến Lê. Tập I. Văn Nghệ xuất bản 1989. Sách dày 354 trang. Gia Γ My4 kim

# BÀI NHẬN ĐƯỢC

**Bài:** *Highland Park, Westminster* của Hoàng Hôn, *Đón Xuân Tự Làm Đẹp* của Nguyễn Tấn Hưng, *Bà Ngoại* của Nhuật Hy, *Chỗ Trọ Trong Rừng Chuối* của Ngọc Khôi, *Màu Lá Me Xanh* của Vũ Đăng Khoa, *Như Câu Hát Ru Em* của Nguyễn Kỳ Anh.

**Thơ:** Nam Dao, Lê Anh Tuấn, Hàn Song Tường, Nhuật Hy, Ngữ An, Vũ Đăng Khoa, Võ Tài.

# THƯ VĂN HỌC

Văn Học số Xuân tức số 47 & 48 sẽ phát hành ngày 15 tháng Một 1990. Xin trân trọng thoóng báo cùng quý văn hữu và độc giả.

Thường Quán và nhóm Tập Họp (Úc): Bao giờ thì có người Mỹ du? Đã nhận được bài của Cheo Reo, Văn Điện...

Thomas Trần (Trung quốc): Hy vọng bài ông hứa sẽ nhận kịp để đi vào số Xuân.

Võ Tài (MA  Bạn có thể lấy một bút hiệu khác chăng? Tránh trùng tên với một người khác.

Nguyễn Kỳ Anh (GG): Ở ngay bên cạnh nhau mà không phôn cho một tiếng. Rất cần gặp bạn.

Trần Vũ (Pháp): Tập truyện "Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu" có thể trở thành quà xuân.

Thượng Văn (SJ): Có bài cho số Xuân Văn Học chăng.

Ngô Tiến Dũng (Chicago): Văn Học tháng 10 nghỉ, chúng tôi gửi cho ông bắt đầu từ số tháng 11, tức là số 45. Giá biểu mua dài hạn Văn Học xin ông xem trang sau cùng của tờ báo.

Văn Học

## Journal of Vietnamese Studies

* Quí vị Giáo sư, Sinh viên, Nhân viên xã hội, Chuyên viên thư viện, nhân viên cộng đồng, xin đặt mua ngay:

**Journal of Vietnamese Studies**
**(Tạp chí Việt Học)**

* Nội dung trong mỗi tạp chí Việt Học (hoàn toàn bằng Anh ngữ):
  * ***Văn hóa, * Ngôn ngữ***
  * ***Văn học nghệ thuật * Giáo dục***
  * ***Y Tế * Những vấn đề của người tị nạn Việt Nam...***
* Giá mỗi năm báo (1 số): US$15.00
  (gồm cả tiền gởi)
  1988 issue: $15.00
  1989 issue: $15.00
  1990 issue: $15.00
* Có thể trả bằng money order, bank draft, hoặc personal cheque. Xin trả cho AAVS và gởi đến địa chỉ:

Journal of Vietnamese Studies
G.P.O. Box 2918DD
Melbourne 3001, Australia

* Món quà rất quý cho những người bạn nói tiếng Anh của chúng ta để giúp họ hiểu thêm về văn hóa và đời sống của cộng đồng ty nạn Việt Nam.

Bác sĩ
**VŨ ĐÌNH MINH**
DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES
**CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI**
* Bệnh nội khoa: *tiểu đường - máu cao...*
* Bệnh phổi: *Ho - Suyễn - Đau ngực - Lao - Khó thở*
**NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM**
Giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)
Ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM
Thứ Bảy: 9 AM - 1 PM
**Tel: (714) 641.0263**
**2720 S. Bristol # 210 Santa Ana, CA 92704**

**PHƯỢNG's**
GENERAL MERCHANDISE
TRUNG TÂM MUA BÁN:
QUÀ TẶNG, MỸ PHẨM
QUẦN ÁO TRẺ EM, XÁCH TAY.
**ĐẶC BIỆT**: Bán sỉ và lẻ tranh sơn mài, giá hạ.
Nhận VISA, MASTER CARD
LAYAWAY - UPS
9681 Bolsa Ave # 11&12
Westminster, CA 92683
**(714) 839.1066**
(trong khu Crystal Palace trước chợ Man Wah)
Mở cửa 7 ngày từ 10:00 AM - 8:00 PM
* Cần đại lý ở các tiểu bang.
Kính mời

**CENTRAL VALLEY**
**MEDICAL CLINIC**

7227 RESEDA BLVD., RESEDA,CA 91335
**Tel. (818) 708-7227**

**B.S NGUYỄN VĂN HUNG M.D.**
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu Cấp cứu và Quang tuyến)
**B.S. TRƯƠNG NGỌC THẠCH M.D.**
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu theo dõi Nội khoa và Chương trình Săn sóc Toàn diện)

***GIỜ LÀM VIỆC***

*Thứ hai-Thứ sáu 9 AM đến 8 PM*
*Thứ bảy-Chủ nhật 9 AM đến 3 PM*

**NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM**
**BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI VÀ MIỄN PHÍ**

LASER **TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA**
**BỆNH TRĨ**

* CHỮA TRỊ BẰNG TIA LASER DỨT TUYỆT
* PHƯƠNG PHÁP TỐI TÂN NHẤT ĐỂ ĐỊNH BỆNH VÀ TRỊ BỆNH
* KHÔNG CẦN NẰM BỆNH VIỆN
* KHÔNG RA MÁU, KHÔNG ĐAU
* TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
* MẠCH LƯƠNG, SA RUỘT, MỒNG GÀ
* UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỤ, SẠN MẬT
* CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUI ĐẦU
* SỬA LẠI BỘ PHẬN SINH DỤC NHƯ THỜI SƠN TRẺ.

**BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYẾN , M.D., F.A.C.S.**

TOT NGHIEP BANG CHUYEN KHOA GIAI PHAU TONG QUAT TAI UNIVERSITY PITTSBURGH
TOT NGHIEP SIEU CHUYEN KHOA GIAI PHAU DUONG RUOT VA TRI KHOA TAI FERGUSON CLINIC, MI
NGUYEN GIANG SU DAI HOC Y KHOA SAI GON

**NHẬN MEDICAL-MEDICARE-TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM**
**GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT**

**14571 MAGNOLIA ST., SUITE 207**
**WESTMINSTER, CA 92683**
**(714) 898-1177**

**1905 N. COLLEGE AVE., SUITE C**
**SANTA ANA, CA 92706**
**(714) 558-1386**

# TAM AUTO CENTER

**1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706**
(Góc Westminster và Fairview)

**(714) 554-2314**

***LÀM ĐỒNG - SƠN***
***SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE***

Đặc biệt làm máy xăng, dầu, Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
Chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

NHA Y SĨ

# DƯ THỊ MỸ LAN

GENERAL DENTISTRY

***Chữa bệnh Nướu Răng***

**9141 Bolsa Ave., Suite 302**
**Westminster, CA 92683**
**(714) 898-6449**

Giờ làm việc:
Ngày thường: từ 10Am đến 7PM
Thứ Bảy: từ 9AM đến 6PM
Chủ Nhật: từ 10AM đến 2PM

# Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ : .....
.....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....đến.....

*Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng tư)*

Sáu tháng ..... 15 MK
Một năm ..... 30 MK

*mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng nhất)*

Sáu tháng ..... 21 MK
Một năm ..... 42 MK

*Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu*

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 MK
Một năm, gửi tàu thủy ..... 42 Mk
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 33 Mk
Một năm, gửi máy bay ..... 66 MK

*Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu*

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 Mk
Một năm gửi tàu thủy ..... 42 MK
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 40 MK
Một năm, gửi máy bay ..... 80 MK

*Đính kèm số tiền :* .....
*(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)*

## PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua : * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học .....
Để tặng cho: .....
Địa chỉ .....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu : ..... Mỹ kim

**TÌM MUA:**

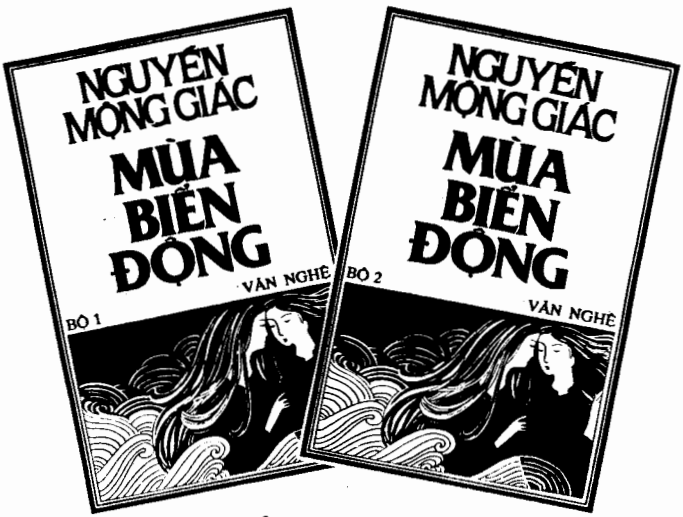


# MÙA BIỂN ĐỘNG TOÀN BỘ

1860 TRANG TRƯỜNG THIÊN TIỂU THUYẾT ĐÓNG THÀNH HAI BỘ, CHỈ IN 100 BỘ DÀNH CHO CÁC BẠN CHƠI SÁCH.
BÌA CỦA NGUYỄN ĐỒNG & NGUYỄN THỊ HỢP
GIÁ MỖI BỘ CHỈ BẰNG TỔNG CỘNG GIÁ CÁC CUỐN LẺ

**BỘ I MÙA BIỂN ĐỘNG**

Gồm các cuốn Những Đợt Sóng Ngầm, Bão Nổi, Mùa Biển Động, dày 760 trang. Giá tại Bắc Mỹ 30 Mỹ kim. Các nước khác thêm 4 Mỹ kim bưu phí.

**BỘ II MÙA BIỂN ĐỘNG**

Gồm các cuốn Bèo Giạt và Tha Hương, dày 1100 trang. Giá tại Bắc Mỹ 36 Mỹ kim. Các nước khác thêm 4 Mỹ kim bưu phí.

**SÁCH CHỈ BÁN THẲNG QUA ĐƯỜNG BƯU ĐIỆN**

Trong nội địa Hoa kỳ xin gửi thư và chi phiếu mua sách cho:

**NGUYÊN MỘNG GIÁC**

15551 S. Pasadena Ave # A Tustin, CA 92680

Các nước khác xin gửi bằng Internatinal money order

---

* Vì số trang tăng nhiều nên giá cuốn Tha Hương nay định là 21 Mỹ kim thay vì 19 Mỹ kim như đã loan trên Văn Học số 41 tháng trước

*in tại* NVPRINTING (714) 897-362

**Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ**
**P.O. Box 2301**
**Westminster, CA 92683 - USA**
**Phone (714) 832-8445**
**Ngân, chi phiếu xin đề Văn Nghệ**

☐SÁCH IN NĂM 1989:

| | |
|---|---|
| **– TỐI THÁNG NĂM TẠI QUÁN ĂN ĐƯỜNG FIFTH**<br>*tập truyện Nguyễn Ý Thuần* | **10MK** |
| **– CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA**<br>*Ivo Andritch, Nguyễn Hiến Lê dịch* | **14MK** |
| **– ĐƯỜNG MỘT CHIỀU**<br>*Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác* | **7MK** |
| **– Ý CAO TÌNH ĐẸP**<br>*Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch* | **8MK** |
| **– TRUYỆN NGẮN II**<br>*Võ Phiến* | **14MK** |
| **– YOGA CĂN BẢN**<br>*25 bài thực tập cho thân tâm an tịnh*<br>*Võ Đình Mai* | **8MK** |
| **– THA HƯƠNG (MBĐ5)**<br>*Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác* | **21MK** |
| **– THẦN, NGƯỜI VÀ ĐẤT VIỆT**<br>*Khảo luận Tạ Chí Đại Trường (sách trong nước gửi ra)* | **16MK** |
| **– CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ**<br>*Nguyễn Xuân Hoàng* | **8MK** |
| **– CỎ VÀ TUYẾT**<br>*Thơ Đỗ Quý Toàn* | **8MK** |
| **– BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ**<br>*Will và Ariel Durant*<br>*Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc dịch* | **8MK** |
| **– QUÊ HƯƠNG**<br>*Thơ tình Định Nguyên* | **8MK** |
| **– THỀM HOANG**<br>*Truyện dài Nhật Tiến* | **8MK** |
| **– MỘT THUỞ LÀM "TRÙM"**<br>*Hồi ký Nguyễn Tấn Hưng* | **8MK** |
| **– LỚP LỚP PHÙ SA**<br>*Tiểu thuyết Kiệt Tấn* | **13MK** |
| **– HỒI KÍ tập I**<br>*Nguyễn Hiến Lê* | **14MK** |

*Ngoài Hoa kỳ thêm 1MK cước phí cho mỗi cuốn*
*Muốn có thư mục đầy đủ, xin liên lạc nhà xuất bản*

*Giá 3 Mỹ kim*